

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH

Sinh viên : Phạm Thị Bích Diệp
Người hướng dẫn: PGS. TS Bùi Xuân Đính

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HÓA
LÀNG CỔ LOA, XÃ CỔ LOA, HUYỆN ĐÔNG ANH, TP.
HÀ NỘI PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH**

Sinh viên : Phạm Thị Bích Diệp
Người hướng dẫn: PSG. TS Bùi Xuân Đính

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: phạm Thị Bích Diệp

Mã số: 111226

Lớp: VH1101

Ngành: Văn hóa - Du lịch

Tên đề tài: Khai thác các giá trị lịch sử - văn hóa làng Cổ Loa,

xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội

phục vụ phát triển du lịch.

NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ
CỦA NGƯỜI CHĂM PHẢN BIỆN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Tên đề tài: Khai thác các giá trị lịch sử - văn hóa làng Cổ Loa, xã Cổ Loa huyện Đông Anh, TP. Hà Nội phục vụ phát triển du lịch.

của sinh viên: Phạm Thị Bích Diệp

Lớp: VH1101

1. Đánh giá chất lượng đề tài tốt nghiệp về các mặt thu thập và phân tích tài liệu, số liệu ban đầu; cơ sở lí luận chọn phương án tối ưu, cách tính toán chất lượng thuyết minh bản vẽ, giá trị lí luận và thực tiễn của đề tài.

1. Cho điểm của người chấm phản biện

(Điểm ghi bằng số và chữ)

Ngày tháng năm 2011

Người chấm phản biện

MỤC LỤC

Trang

LỜI CẢM ƠN	1.
MỞ ĐẦU	2.
1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI	2.
2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU CỦA KHÓA LUẬN	3.
3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA KHÓA LUẬN	4.
3.1. Đối tượng nghiên cứu.....	4.
3.2. Phạm vi nghiên cứu.....	4.
4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	4.
5. NGUỒN TƯ LIỆU CỦA KHÓA LUẬN	5.
6. BỐ CỤC CỦA KHÓA LUẬN	5.
CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ LÀNG CỔ LOA	6.
1.1. Địa lý hành chính và điều kiện tự nhiên	6.
1.2. Sự hình thành và phát triển làng Cổ Loa	9.
1.3. Cơ sở kinh tế của làng Cổ Loa	15.
1.3.1. Nông nghiệp	15.
1.3.2. Nghề thủ công.....	18.
1.3.3. Thương nghiệp	20.
1.4. Cơ cấu tổ chức của làng Cổ Loa	22.
1.4.1. Thiết chế tổ chức	22.
1.4.2. Ngôi thờ đình chung.....	29.
1.5. Tiểu kết chương 1	31.
Chương 2: CÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HÓA CỦA LÀNG CỔ LOA	32.
2.1. CÁC THÀNH TỐ VÀ CÁC GIÁ TRỊ PHI VẬT THỂ LÀNG CỔ LOA ...	32.
2.1.1. Khu di tích đình, đền, am, giếng, chùa tại làng Cổ Loa.....	32.
2.1.1.1. Đền An Dương Vương (đền Thượng)	32.
2.1.1.2. Đình Cổ Loa (đình ngự triều di quy)	34.
2.1.1.3. Am My Châu.....	36.

2.1.1.4. <i>Giếng Ngọc</i>	38.
2.1.1.5. <i>Chùa Bảo Sơn</i>	39.
2.1.2. Thành Cổ Loa.....	41.
2.1.2.1. <i>Xây dựng thành Cổ Loa</i>	42.
2.1.2.2. <i>Cấu trúc thành Cổ Loa</i>	43.
2.1.2.3. <i>Ý nghĩa và giá trị thành Cổ Loa</i>	45.
2.1.3. Văn chỉ	47.
2.1.4. Nhà bia	48.
2.2. CÁC THÀNH TỐ VĂN HÓA PHI VẬT THỂ	49.
2.2.1. Tín ngưỡng thờ thành hoàng làng	49.
2.2.2. Hội Cổ Loa (Hội “Bát xã hộ nhi”)	52.
2.2.2.1. <i>Phân lễ</i>	52.
2.2.2.2. <i>Phân hội</i>	61.
2.2.2.3. <i>Ý nghĩa của lễ hội</i>	62.
2.2.3. Phong tục tập quán	63.
2.2.3.1. <i>Tục trọng lão</i>	63.
2.2.3.2. <i>Tục kết nghĩa</i>	64.
2.3. ĐÁNH GIÁ CÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ-VĂN HÓA CỦA LÀNG CỔ LOA..	65.
2.3.1. Giá trị lịch sử.....	65.
2.3.2. Giá trị tâm linh	66.
2.3.3. Giá trị cộng đồng.....	68.
2.4. Tiểu kết chương 2	69.
Chương 3: VẤN ĐỀ KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HÓA LÀNG CỔ LOA PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH THỜI GIAN QUA	71.
3.1. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI LÀNG CỔ LOA	71.
3.2. DỰ BÁO XU THẾ PHÁT TRIỂN CỦA LÀNG CỔ LOA.....	75.
3.3. HÌNH THÀNH MỘT SỐ TUYẾN DU LỊCH TẠI CỔ LOA	75.
3.3.1. <i>Tuyến du lịch trong làng</i>	76.
3.3.2. <i>Các tuyến du lịch từ Cổ Loa đi đến nơi khác</i>	77.

3.4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO TỒN VÀ KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HÓA LÀNG CỔ LOA PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH.....	82.
3.4.1. Định hướng quy hoạch du lịch làng Cổ Loa	82.
3.4.2. Giải pháp tôn tạo và bảo tồn các di tích	84.
3.4.3. Giải pháp tuyên truyền, quảng cáo trong phát triển du lịch.....	86.
3.4.4. Giải pháp xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ du lịch.....	87.
3.4.5. Giải pháp huy động vốn để phát triển du lịch	88.
3.5. Tiểu kết chương 3.....	89.
KẾT LUẬN	90.
TÀI LIỆU THAM KHẢO	93.

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Thầy Hiệu trưởng, các Thầy giáo, Cô giáo trong Bộ môn Văn hóa Du lịch; các Thầy, Cô giáo thỉnh giảng của trường Đại học Dân Lập Hải Phòng đã tận tình giảng dạy và tạo môi trường thuận lợi cho em hoàn thành quá trình học tập của mình.

Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến PGS. TS Bùi Xuân Đính - Người thầy đã trực tiếp hướng dẫn và chỉ bảo tận tình giúp em chọn đề tài, thực hiện phương pháp điền dã, thu thập tư liệu để em hoàn thành bài Khóa luận này.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các ông, các bác và các anh chị cán bộ trong Ban di tích Cổ Loa và UBND xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội đã cung cấp cho em những thông tin, tư liệu cần thiết để em hoàn thành Khóa luận.

Cuối cùng, em xin gửi lời biết ơn chân thành tới gia đình, bạn bè đã luôn động viên, giúp đỡ, tạo điều kiện cho em trong bốn năm học qua và hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp.

Do hạn chế về mặt thời gian, cũng như trình độ, kinh nghiệm nghiên cứu. Khóa luận của em còn nhiều thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các Thầy, Cô giáo, các nhà nghiên cứu để bài Khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, tháng 6 năm 2011

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Từ khi đất nước thực hiện công cuộc Đổi mới, du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, vừa mang lại hiệu quả về kinh tế - xã hội cao; vừa góp phần quảng bá hình ảnh và các giá trị lịch sử - văn hóa Việt Nam với bạn bè quốc tế.

Hoạt động du lịch trên thế giới đang diễn ra những thay đổi quan trọng. Các nước đang phát triển và mới phát triển đang mở rộng các loại hình du lịch văn hóa và du lịch sinh thái, bởi có nguồn tài nguyên du lịch hấp dẫn. Thiên nhiên thu hút du khách bởi vẻ hoang sơ, kỳ bí; còn tài nguyên nhân văn mang đến nét cổ kính, truyền thống lâu đời, riêng có của mảnh đất đó.

Việt Nam có tài nguyên du lịch phong phú, được thiên nhiên ưu đãi ban tặng nhiều danh lam thắng cảnh, có bề dày lịch sử - văn hóa hàng nghìn năm. Đây là điều kiện để phát triển nhiều loại hình du lịch, trong đó có loại hình du lịch du khảo đồng quê.

Cuộc sống công nghiệp và đô thị với những bộn bề, áp lực của công việc khiến con người luôn muốn trở về và hòa mình với thiên nhiên, đến các làng quê ở ngoại thành là một lựa chọn hợp lý. Chính vì thế, du lịch văn hóa làng đang trở thành phổ biến. Mỗi ngôi làng đều chứa đựng rất nhiều giá trị văn hóa, lịch sử khác nhau, mang đậm bản sắc riêng. Hầu hết các làng đều có hệ thống di tích đình, đền, chùa... gắn liền với đó là lễ hội, các trò chơi dân gian, phong tục tập quán phản ánh rõ cuộc sống, lao động và chiến đấu của người dân, qua đó cũng thể hiện ước nguyện, mơ ước đến những giá trị tốt đẹp *chân - thiện - mỹ* và điểm đặc biệt là còn chứa đựng các diễn biến, dấu tích thời kỳ lịch sử. Những yếu tố truyền thống đó, là nét hấp dẫn, thu hút du khách đến để tìm hiểu, nghiên cứu và tham quan du lịch.

Trong hàng vạn ngôi làng lớn nhỏ trên vùng đồng bằng Bắc Bộ, làng Cổ Loa từ xưa đã nổi danh trong sử sách. Đây là ngôi làng cổ được hình thành từ thuở các Vua Hùng, hai lần chọn làm Kinh đô của đất nước, có hệ thống các di tích phong phú, có hội “*bát xã hộ nhi*” phản ánh rất rõ nét truyền thống lịch sử văn hóa lâu đời. Đây còn là một làng quê có bề dày truyền thống cách mạng. Ngày nay, Cổ Loa có nhiều thay đổi cùng với quá trình CNH - HĐH, từ một ngôi làng làm nông đã đang dần chuyển sang công - thương nghiệp.

Những điểm nổi bật mang đặc trưng riêng của làng Cổ Loa là một nét hấp dẫn lớn thu hút nhiều du khách đến tham quan. Việc khai thác các giá trị của hệ thống di tích và lễ hội còn mang một ý nghĩa lớn trong dịp kỷ niệm mừng 1000 năm Thăng Long - Hà Nội vừa qua.

Hoạt động du lịch phát triển trên cơ sở khai thác các giá trị tiềm năng sẵn có của vùng đất Cổ Loa không chỉ góp phần phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa mà còn có ý nghĩa giáo dục và nâng cao ý thức cho cán bộ, nhân dân hiểu được các giá trị tốt đẹp này; từ đó giữ gìn và phát huy những truyền thống vô cùng quý báu của cha ông để lại.

Chính vì những lý do trên, em đã chọn đề tài: “*Khai thác các giá trị lịch sử - văn hóa của làng Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội phục vụ phát triển du lịch*” làm khóa luận tốt nghiệp.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU CỦA KHÓA LUẬN

- Làm rõ các giá trị lịch sử - văn hóa của làng Cổ Loa có giá trị phục vụ phát triển du lịch; bao gồm: các di tích đình, đền, am, chùa, các giá trị về tín ngưỡng, phong tục tập quán, lễ hội truyền thống....

- Đưa ra một số luận cứ khoa học để chính quyền xã Cổ Loa, các ban ngành có liên quan của huyện Đông Anh (thành phố Hà Nội) tham khảo trong việc khai thác các giá trị văn hóa lịch sử của vùng phát triển du lịch; góp phần phát triển kinh tế, xây dựng ý thức giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống đậm chất riêng của làng Cổ Loa.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA KHÓA LUẬN

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của khóa luận là hệ thống các di tích lịch sử văn hóa, lễ hội truyền thống, các phong tục tập quán truyền thống của làng Cổ Loa có giá trị phục vụ phát triển du lịch.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về không gian*: Khóa luận nghiên cứu chính ở làng Cổ Loa, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội; kết hợp khảo sát sơ bộ một số di tích, lễ hội có liên quan ở các làng phụ cận.

- *Về thời gian*: Khóa luận xem xét, tìm hiểu các thành tố văn hóa truyền thống của làng Cổ Loa còn tồn tại và lưu giữ đến ngày nay.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Khóa luận được viết trên cơ sở sử dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa và phát triển du lịch.

Khóa luận sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành: Văn hóa học, Sử học, Dân tộc học; trong đó, phương pháp chủ yếu là *điền dã dân tộc học* để thu thập các tư liệu.

Khóa luận còn sử dụng phương pháp hệ thống để phân tích các hiện tượng cần nghiên cứu, đánh giá các giá trị truyền thống của làng Cổ Loa.

5. NGUỒN TƯ LIỆU CỦA KHÓA LUẬN

Nguồn tư liệu của khóa luận được xây dựng trên cơ sở thực tế điền dã, kết hợp kế thừa các kết quả của các công trình nghiên cứu về các giá trị lịch sử, văn hóa làng Cổ Loa đã được công bố từ trước đến nay.

6. BỐ CỤC CỦA KHÓA LUẬN

Ngoài *Mở đầu*, *Kết luận*, *Tài liệu tham khảo*, *Phụ lục*, Khóa luận được chia làm 3 chương :

Chương 1: *Giới thiệu về làng Cổ Loa.*

Chương 2: *Các giá trị lịch sử - văn hóa làng Cổ Loa.*

Chương 3: *Vấn đề khai thác các giá trị lịch sử - văn hóa làng Cổ Loa phục vụ phát triển du lịch trong thời gian qua*

Chương 1

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ LÀNG CỔ LOA

1.1. ĐỊA LÝ HÀNH CHÍNH VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

Cổ Loa là tên của một thôn (làng) thuộc xã Cổ Loa - một trong 24 xã, thị trấn của huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội ngày nay.

Xã Cổ Loa gồm 5 thôn (tức làng cũ): Cổ Loa (*Chạ Chủ*), Cầu Cả (hay *Cầu Kỳ*), Mạch Tràng (hay *Mạch Dương*), Thụ Cưu và Sần Giã (*làng Sần*).

Từ trung tâm Hà Nội, qua cầu Chương Dương, theo Quốc lộ 1A cũ, đến cây số 10 là Cầu Đuống. rẽ trái vào Quốc lộ 3, đi khoảng 5 km đến ngã ba, rẽ phải vào đường Đào Duy Tùng, đi tiếp 2 km nữa là đến làng Cổ Loa.

Nếu du khách đi xe buýt thì từ bến xe Mỹ Đình, có thể bắt xe số 46 đi đến thẳng bến xe Cổ Loa và từ đó sẽ thuận tiện cho quý khách tham quan làng. Hoặc từ trạm xe buýt Long Biên, các xe đi Phù Lỗ, Đa Phúc đều có chạy ngang qua Cổ Loa, đi bộ thêm 1 km là đến làng Cổ Loa.

Nếu đi tàu hỏa từ ga Hà Nội, đến Đông Anh, xuống ga Tiên Kiêu cũng đến địa phận làng Cổ Loa.

Từ Hải Phòng, có thể đi theo Quốc lộ 5 qua Hải Dương, Hưng Yên đến đầu Long Biên, rẽ vào đường đi Từ Sơn Bắc Ninh thuộc quốc lộ 1A cũ, đến Cầu Đuống đi tiếp vào làng - như con đường đã nêu ở trên.

Làng Cổ Loa nằm ven Quốc lộ 3, cách thị trấn huyện lỵ Đông Anh 3 km về phía Nam, cách trung tâm Thủ đô 18 km về phía Bắc. Xã Cổ Loa nằm gọn trong một vùng được giới hạn và có vị trí địa lý như sau:

- Phía Bắc: Vĩ độ $21^{\circ}15'$ (xã Thụy Lâm), tiếp giáp với xã Uy Nỗ.

- Phía Nam: Vĩ độ $21^{\circ}05'$ (xã Mai Lâm), tiếp giáp xã Mai Lâm và Đông Hội.

- Phía Đông: Kinh tuyến $105^{\circ}50'$ (thôn Ngọc Lôi, xã Dục Tú), giáp hai xã Việt Hùng và Dục Tú.

- Phía Tây: Kinh tuyến $105^{\circ}55'$ (thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương), giáp hai xã Vĩnh Ngọc và Xuân Canh.

Vào thời Âu Lạc, làng Cổ Loa nằm vào vị trí “*Thượng đỉnh*” của tam giác châu thổ Sông Hồng (cách đỉnh Việt Trì khoảng 35km theo đường chim bay, cách biển 65km) là nơi giao lưu quan trọng của đường thủy và đường bộ. Từ đây có thể kiểm soát được cả vùng đồng bằng lẫn vùng sơn địa. Theo các nhà địa lý, tam giác Châu thổ Sông Hồng chia làm ba vùng: vùng cao, vùng giữa, vùng thấp. Cổ Loa nằm ở vùng đất cao phía Tây Bắc của tam giác này.

Về đường thủy, Làng Cổ Loa có vị trí tương đối thuận lợi. Cổ Loa nằm giữa sông Cà Lồ (về phía Bắc) và sông Đuống, phía Đông và phía Bắc được ngăn chặn bởi một vùng đầm lầy vực sâu tự nhiên, xa xưa là những dải rừng cây hoang dại. Phía nam có con sông Thiếp (hay sông Hoàng Giang) bao bọc, thuở xưa là một nhánh lớn của sông Hồng, chảy qua 5 huyện của vùng trung du và châu thổ (Yên Lãng, Yên Phong, Đông Ngàn, Tiên Du và Vũ Giang) hay còn gọi là Ngũ Huyện Khê đổ nước vào sông Cầu ở vùng Quả Cảm - Thổ Hà (giáp giữa huyện Yên Phong của tỉnh Bắc Ninh và huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang). Như vậy, sông Ngũ Huyện Khê nối Cổ Loa với vùng trung du và đồng bằng lân cận. Với địa hình đường thủy trên, Cổ Loa có thể dễ dàng cho tàu bè thông thương đi lại và hình thành những bãi đất bồi để trồng hoa màu.

Về đường bộ, làng Cổ Loa cũng rất thuận lợi bởi làng có Quốc lộ 3 (Hà Nội - Thái Nguyên) chạy qua, xưa kia là đường Thiên lý từ vùng núi chạy về kinh đô Thăng Long. [14, Tr. 21].

Như vậy, với vị trí thuận lợi cả về đường thủy và đường bộ, làng Cổ Loa có điều kiện để giao lưu với các địa phương khác trong và ngoài huyện, đồng thời có khả năng để phát triển kinh tế - xã hội.

Đầu thế kỷ thứ XIX, Cổ Loa là một làng, cũng là một xã lớn thuộc tổng Cổ Loa, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc (từ năm Minh Mạng thứ 12 - 1831 đổi làm tỉnh Bắc Ninh) [22].

Năm Tự Đức thứ 29 (1876), cả tổng Cổ Loa được tách khỏi huyện Đông Ngàn, để lệ thuộc huyện Đông Anh mới được thành lập (theo *Đại Nam thực lục*). Từ tháng 10 - 1901, huyện Đông Anh thuộc tỉnh Phù Lỗ (tháng 2 - 1904, đổi tên thành tỉnh Phúc Yên [15, tr. 284].

Sau khi Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, Cổ Loa hợp nhất với các làng bên thành một xã mang tên *Thục Vương* thuộc huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên. Năm 1949, hợp nhất xã Thục Vương với xã Đát Tam, thành xã *Hồng Lạc*, sau đó lại đổi thành xã Độc Lập. Từ năm 1950, xã thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. [3, tr. 177].

Sau Cải cách ruộng đất (năm 1956), xã Độc Lập được chia thành hai xã, trong đó có xã *Quyết Tâm* gồm các thôn: Cổ Loa, Cầu Cnả, Mạch Tràng, Thu Cưu, Sàn Giã và Đài Bi (thôn này từ năm 1970 cắt sang xã Uy Nỗ).

Ngày 20 - 04 - 1961, Quốc hội khoá II, kỳ họp thứ hai ra nghị quyết về việc mở rộng thành phố Hà Nội. Thực hiện nghị quyết này, ngày 31- 5 - 1961, Hội đồng Chính phủ ra quyết định số 78 - CP về việc tổ chức các đơn vị hành chính của thủ đô Hà Nội. Theo đó, xã *Quyết Tâm* cùng 22 xã khác của huyện Đông Anh (gồm 17 xã cũ của huyện Đông Anh và 6 xã của huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nhập về) được chuyển về Hà Nội [3, tr.181, 336]. Tháng 10 - 1965, xã Quyết Tâm được đổi thành xã Cổ Loa.

1.2. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA LÀNG CỔ LOA

Trong mấy chục năm qua, các kết quả khai quật khảo cổ học đã khẳng định Cổ Loa là một trong những điểm sinh tụ đầu tiên của người Việt Cổ. Hình thức cư trú lúc đó là Chạ (Chạ Chủ), giống như Làng. Về sau, cách gọi Chạ Chủ đã được Việt hoá thành Khả Lũ hay Loa Thành. [1].

Cổ Loa là vùng có bề dày lịch sử và truyền thống văn hoá. Nơi đây từng được chọn làm đất dựng đô. Vào thế kỷ thứ III - Trước Công nguyên, lần đầu Cổ Loa là Kinh đô của nước Âu Lạc dưới thời Thục Phán An Dương Vương, với Loa thành kiên cố và chiếc nỏ thần hữu hiệu, uy linh, thời kỳ này đã thúc đẩy nền văn hóa Đông Sơn và nền văn minh lúa nước phát triển đến đỉnh cao. Cổ Loa còn được biết đến nhiều hơn với những phát hiện khảo cổ suốt mấy chục năm qua như kho mũi tên đồng, trống đồng, lưỡi cày đồng, chứng minh làng được hình thành từ thời các Vua Hùng dựng nước.

Hiện nay, rất khó để xác định được nguồn gốc xuất xứ của làng Cổ Loa, không rõ từ sau khi dân Chạ Chủ gốc phải rời đi để xây Loa thành và sau thất bại của Vua An Dương Vương trước âm mưu thâm hiểm của Triệu Đà cho đến đầu thế kỷ XV, các lớp dân cư chuyển đến sinh sống tại Cổ Loa ra sao [14, tr.40].

Cũng có rất nhiều nguồn khác nhau tìm hiểu về sự hình thành làng Cổ Loa, có thể nhận thấy được một đặc điểm chung giữa các tư liệu là đều dựa chủ yếu vào việc vua An Dương Vương lập ra nhà nước Âu Lạc, sau đó dời đô từ Bạch Hạc (Việt Trì, Phú Thọ) xuống Cổ Loa, rồi vua cho xây dựng thành Cổ Loa kiên cố, vững chắc.

Theo các bậc cao niên trong làng, trước khi vua An Dương Vương chọn Cổ Loa làm kinh đô, vùng đất Cổ Loa đã có người dân sinh sống. Để lấy đất xây thành Loa thành, An Dương Vương và triều đình đã buộc người dân sinh sống tại đây di dời xuống vùng đất trũng ở cuối sông Hoàng Giang, nay là các thôn Đại Vĩ, Giao Tác và Châu Phong, thuộc xã Liên Hà, huyện Đông Anh.

Làng Cổ Loa là trung tâm của thành và làng có lập chợ Sa, khu vực chợ Sa là nơi đón thủy quân lên thành, trước kia có nhiều di tích liên quan đến điểm quan trọng này trong thành: hai Cầu Dấu tục truyền là nơi đóng dấu quân lính ra vào, một cầu cung (Đông cung) là nơi tập hợp quan từ hào lên. Cổ Loa khi đó, là thị thành đầu tiên của dân tộc Việt, là trung tâm trao đổi kinh tế, văn hóa, trung tâm hội tụ văn minh, một đô thị nông nghiệp, luyện kim và giao dịch. Như thế, có thể thấy được thế mạnh cũng như tầm quan trọng của làng Cổ Loa trong thời kỳ xưa.

Xoay quanh tên làng Cổ Loa có nhiều sách giải thích khác nhau. Trong cuốn “*Đất nước Việt Nam qua các đời*”, khi trình bày về nước Âu Lạc và vấn đề Loa Thành, Giáo sư Đào Duy Anh viết như sau:

“Thành An Dương Vương là ở làng Cổ Loa, huyện Đông Anh thuộc Hà Nội ngày nay, thành ấy xây hình tròn ốc cho nên được gọi là Loa Thành. *Thủy kinh chú* thì nói rằng trong huyện Bình Đạo có dấu cũ cung thành của An Dương Vương... Mãi đến thế kỉ thứ XV người ta mới thấy trong thư tịch Trung Quốc có sách *An Nam Chí* [nguyên] chép đến tên Loa Thành là thành hình xoáy ốc mà tập truyền là của An Dương Vương. Trong thư tịch Việt Nam thì tên Loa Thành xuất hiện đầu tiên ở *Lĩnh nam chí* quái, điều ấy chứng tỏ rằng tên ấy đã có trong tập truyền của nhân dân từ trước. Lê Tắc (thế kỉ XIII) viết sách *An Nam Chí lược* trước khi sách *Lĩnh Nam* trích quái được biên tập thì gọi thành ấy là thành Khả Lũ. Sách *An Nam chí nguyên* là sách sao tập nhiều đoạn của *An Nam chí lược* chép rằng Loa Thành cũng có tên là thành Khả Lũ. Cái tên Khả Lũ ấy khiến phải suy nghĩ. Chúng tôi nhận thấy *Khả Lũ* với *Cổ Loa* (tên làng hiện nay có di tích Loa Thành) là đồng âm. Nhưng Cổ Loa, theo chúng tôi, không có nghĩa là Loa Thành xưa (cổ)”. [1, tr. 30, 31].

Như vậy, tên gọi Cổ Loa, Loa Thành và Khả Lũ là những tên gọi Hán Việt và chúng xuất hiện trong thư tịch ở Việt Nam và Trung Quốc sớm nhất cũng chỉ thuộc vào từ (hoặc sau) thế kỉ XIII.

Trong bài viết: “*Suy nghĩ về hướng tiếp tục tìm hiểu địa danh Cổ Loa*” (Qua cách giải thích địa danh này của GS. Đào Duy Anh). Hai tác giả Trần Trí Dõi và Trần Thị Hồng Hạnh có viết: “ Trong địa danh Cổ Loa có hai yếu tố khác biệt kết hợp lại với nhau là *Cổ* và *Loa*. Trong đó, *Cổ* là dạng thức Hán Việt về sau của âm nôm *Kẻ* với ý nghĩa “*người làng...*”, còn *Loa* là có nguồn gốc Hán do người Trung Quốc đời Tống thấy thành của An Dương Vương xoáy nhiều vòng như hình ốc nên “*tưởng tượng*” mà gọi như thế (!). Vậy là, theo GS, ý nghĩa của địa danh Cổ Loa sẽ là “*người dân làng có Thành Loa, tức là người dân ở làng có thành xoáy hình tròn ốc*”. Và như thế, theo cách giải thích của GS, hình như có một loại địa danh theo kiểu *Kẻ Loa*, trong đó yếu tố *Kẻ* là thuần Việt, còn yếu tố *Loa* là do dân gian Việt vay mượn của Hán. Vậy là, địa danh *Kẻ Loa* xuất hiện đầu tiên do người Việt ghép yếu tố *Kẻ* của mình với yếu tố *Loa* của tiếng Hán trong *Loa Thành* đã có trước đây. Về sau *Kẻ Loa* được Hán Việt hoá thành địa danh *Cổ Loa*. Còn Lê Tắc vào thế kỉ XIII khi viết *An Nam chí lược* bên Trung Quốc đã phiên *Kẻ Loa* thành tên gọi *Khả Lũ* theo cách của tiếng Hán đời Tống”. [10].

Sự hình thành và phát triển của Cổ Loa còn được thấy rõ qua dấu vết khảo cổ học. Các kết quả khai quật khảo cổ học mấy chục năm qua đã khẳng định: Cổ Loa là một trong những điểm sinh tụ đầu tiên của người Việt cổ. Vào năm 1971-1972, dân làng Cổ Loa đã phát hiện được một số viên đá cuội có dấu vết bàn tay gò đẽo, gia công ở rìa cạnh, trên hai mặt của hòn đá cuội thường giữ lại vẻ rất tự nhiên, phần lớn các hòn đá cuội này có chức năng của công cụ chặt, nạo, hay cắt, nhìn chung còn khá thô sơ. *Việc phát hiện công cụ cuội có gia công trên đây là cứ liệu quan trọng để khẳng định, các đây từ một vạn đến hai vạn năm tại các triền gò, đồi của làng Cổ Loa đã có con người sinh sống.*

Theo TS. Nguyễn Doãn Tuân - Trưởng ban Quản lý di tích danh thắng Hà Nội: “*Những người đầu tiên được môi trường - cảnh quan tiền Cổ Loa hấp dẫn đến khai phá và làm chủ nơi này là nhóm cư dân đã để lại dấu tích ở Di chỉ Đồng Vông. Vậy những người đầu tiên có mặt ở Cổ Loa - Đồng Vông, từ đâu tới? Các nghiên cứu Khảo cổ học cho biết: Đồng Vông trước hết “là một di chỉ*

thuộc nhóm di tích giai đoạn Phùng Nguyên” (4000 - 3500 năm Tr.CN), hoặc là Phùng Nguyên muộn. Có GS. Trần Quốc Vượng cho biết: “Cả một cụm di chỉ phần nhiều là Phùng Nguyên muộn, đầu thời đại đồng thau - đã phát hiện dọc đôi bờ Ngũ Huyện Khê, cũng như ở nhánh Tiêu Tương ở phía hạ lưu của nó, ở khu vực Cổ Loa. Đó là Đông Vông, là Xuân Kiều, xa hơn chút nữa là chân núi Tiên Sơn và vùng đôi Lim, cho đến tận Võ Cường, mé ngoài thị xã Bắc Ninh, trên sườn đôi giáp mé sông của những làng quan họ sau này”.

Khai phá đầu tiên khu vực Cổ Loa từ nửa đầu thiên niên kỷ thứ II TCN, cư dân Đông Vông trong khi mở rộng sự phát triển của Văn hoá Phùng Nguyên, về phương diện lịch sử đã tham gia tích cực vào việc khởi phát thời kỳ tiền Hùng Vương - thời đại dựng nước và giữ nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc. Điều này cũng có nghĩa là: Cổ Loa, với sự xuất hiện những cư dân đầu tiên của mình ở Đông Vông, đã khởi động lịch sử của mình, kèm theo ý nghĩa là một địa vực rất sớm được khai phá, ngay từ buổi đầu thời đại Hùng Vương.

Liên sau nhóm cư dân Đông Vông là hai nhóm cư dân tiếp tục đến sinh sống ở Cổ Loa. Người xưa đã lưu dấu tích lại ở hai Di chỉ Xuân Kiều và Tiên Hội. Sự phát triển liên tục ấy, bây giờ đã chính thức đến giai đoạn quan trọng nhất: giai đoạn Văn hoá Gò Mun - Đông Sơn ở trên đất Cổ Loa. Hai di chỉ khảo cổ học tiêu biểu cho giai đoạn này đã được phát hiện ở đây là Đình Tràng (Chàng) và Đường Mây. Sự “*hội tụ văn hoá*” ở Cổ Loa vậy là đã thấy rõ, ở vào thời gian phát triển cuối cùng của di chỉ Đình Chàng. Điều ấy có nghĩa là: khi ấy, cư dân Việt cổ chứng kiến hoặc tham gia vào việc chuyển Cổ Loa từ thời tiền Cổ Loa sang thời Cổ Loa đích thực - Cổ Loa thời An Dương Vương.

Cổ Loa là mảnh đất chứng kiến và cất giữ rất nhiều chứng tích lịch sử, tiêu biểu là sự xuất hiện của chiếc nỏ liên châu (được thần thoại hóa là nỏ thần) đã nhiều lần đánh thắng Triệu Đà có binh hùng tướng mạnh, thể hiện đỉnh cao của nghệ thuật quân sự Việt Nam lúc bấy giờ. Nhưng trước âm mưu thâm độc của Triệu Đà đã dùng con trai của mình là Trọng Thủy sang Cổ Loa làm con

tim, thực chất là chiếm được tình cảm của My Châu - con gái của An Dương Vương, kết thành thông gia, để rồi từ đó học được bí quyết làm nô thần. Với âm mưu xâm chiếm được nước Âu Lạc. Sau khi đã mất đất nước vào tay giặc Phương Bắc, nhân dân đã đứng lên khởi nghĩa chống lại ách nô lệ và đồng hóa, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng năm 40 sau Công nguyên. Trong cuộc khởi nghĩa này, Làng Cổ Loa, cụ thể là Am My Châu là nơi Hai Bà Trưng dừng chân trên đường dẫn quân tiến xuống đánh vào hang ổ của bọn đô hộ nhà Hán. Chính My Châu đã âm phù cho Hai Bà, nhân dân Cổ Loa cùng các làng khác trong vùng cũng theo Hai Bà cũng nô nức ra trận, cuộc khởi nghĩa đã giành thắng lợi (bản thân phả hệ hiện còn đang lưu trong đền My Châu và đình Cầu Cả chép theo truyền thuyết dân gian).

Trải qua những biến cố thăng trầm của lịch sử, làng Cổ Loa lại một lần nữa rơi vào ách đô hộ của phong kiến phương Bắc, khi nhà Hán sau 3 năm sau lại sai Mã Viện sang đánh nước ta và lúc này cuộc kháng chiến của Hai Bà Trưng đã thất bại. Sau gần nghìn năm bèn bị chống lại ách thống trị của nhà Hán, nhân dân ta đã giành lại được quyền tự chủ và Cổ Loa trong những năm tháng đấu tranh đó lại có vinh dự lớn là lần thứ hai trở thành kinh đô của đất nước dưới thời Ngô Quyền và các con vua kế vị.

Đến giữa thế kỷ X sau chiến thắng Bạch Đằng, một lần nữa làng Cổ Loa lại làm Kinh đô nước Việt dưới thời Ngô (Ngô Quyền và các vua con kế vị, từ năm 939 - 965). Năm sau (Bính Dần, 966) loạn 12 sứ quân nổi lên. Cùng với đất nước bị rơi vào cuộc nội chiến giữa các thế lực phong kiến, Cổ Loa mất vị thế là kinh đô và trở lại vị thế của một làng quê thanh bình như bao làng quê khác của Việt Nam. [14, tr.39, 40].

Trong một vài cuốn sách về lịch sử, địa chí có ghi lại, từ đầu thời Lý (1009 - 1225) trở đi, kinh đô nước Đại Việt là thành Đại La (sau đổi là Thăng Long). Cổ Loa chỉ được nhắc đến với tên gọi: “*thành Khả Lũ*”, “*Phong Khê*”, “*Kim Lũ*”, “*Loa thành*” ...

Từ nửa sau thế kỷ XV trở đi, cư dân chuyển từ các nơi đến làng Cổ Loa sinh sống ngày một đông và luôn chịu những tác động của mất mùa, đói kém, của nội chiến nên tình trạng hồi cư - nhập cư - phiêu tán rồi lại về sinh sống luôn xảy ra. Chính vì vậy, mà dẫn đến tình trạng sự đa tạp về dân cư hay cư dân, mà người làng hay gọi là “*Chín người, mười làng*” từ Thanh Hóa, Nghệ An, Hải Dương, Hà Tây, Hà Nam.

Nửa sau thế kỷ XV sau cuộc chiến tranh xâm lược của giặc Minh, cư dân đã tập trung tụ cư đông đúc về làng Cổ Loa. Đến đầu thế kỷ XVI, làng Cổ Loa cùng các làng xã khác trong huyện Đông Ngàn trở thành bãi chiến trường giữa sự tranh chấp của hai bên quân đội nhà Lê và quân nhà Mạc. Một lần nữa dân cư lại phải phiêu tán đi nơi khác, cho đến đầu thế kỷ XVII, dân làng mới lần lượt hồi cư, đồng thời tiếp nhận dân cư từ các nơi khác đến sinh cơ lập nghiệp. Từ đó, làng xóm ở Cổ Loa mới lại đông đúc với trên 30 dòng họ, trên cơ sở “*chín người, mười làng*”. Dòng họ tiêu biểu của làng Cổ Loa như : Họ Đào (xóm Chợ) từ Thanh Hóa chuyển ra, họ Trương (ở xóm Hương) từ Hải Dương chuyển lên, họ Nguyễn (xóm Gà) từ Thường Tín, xứ Sơn Nam (thuộc tỉnh Hà Tây cũ, nay thuộc Hà Nội)...với những biến động theo thời gian như trên, rất khó có thể có những nghiên cứu chính xác nguồn gốc hình thành về làng Cổ Loa, chủ yếu dựa theo các sự kiện lịch sử.

Trong cuốn: “*Đông Anh với nghìn năm Thăng Long- Hà Nội*”, các tác giả đã chỉ rõ Làng Cổ Loa gồm 12 xóm cũ, bây giờ là các thôn và cùng kết hợp với các xóm, làng khác để thành các thôn mới. Như vậy, hiện nay Cổ Loa gồm 15 đơn vị quản lý hành chính thôn làng. [9].

Theo sách “*Tên làng xã và các tỉnh địa dư Bắc Kỳ*” của tác giả Ngô Vi Liên có viết vào năm 1926, làng Cổ Loa có 2.698 nhân khẩu, sinh sống tại 12 xóm trong ba vòng thành cổ, trên một địa dư rất rộng. Dân đinh trong làng xưa được chia làm 24 giáp. [12].

Đến năm 2010, Cổ Loa có diện tích tự nhiên là: 802,38 ha, có 4.448 hộ, 16.514 nhân khẩu (trong đó: nam: 8.083 người, nữ: 8.431 người).[9].

1.3. CƠ SỞ KINH TẾ CỦA LÀNG CỔ LOA

1.3.1. Nông nghiệp

Nhìn toàn cảnh, làng Cổ Loa có địa hình thấp dần từ Tây Bắc về Đông Nam. Hàng năm, vào mùa mưa, nước từ Yên Lãng về Vực Dê, theo sông Hoàng Giang chảy về đồng làng Cổ Loa và các làng khác và dồn về khu vực Đầm Cả. Với thế đất đó, tạo cơ cấu mùa vụ của đồng ruộng ở Cổ Loa là ruộng chiêm chiếm đến 2/3.

Người làng Cổ Loa có truyền thống lao động cần cù, chịu khó, khắc phục những bất lợi của điều kiện tự nhiên để sản xuất. Có lịch sử gắn bó lâu đời với đồng ruộng, người dân làng hiểu rõ được thế đất, thế nước để thích hợp bố trí các mùa vụ, cây trồng đạt năng suất cao nhất. Ở làng Cổ Loa, người dân địa phương đã phân đồng đất thành các loại ruộng sau:

Ruộng dọc: Đây là loại ruộng tốt nhất, tiện nước, cây được cả hai vụ. Trong đó, vụ chính là vụ chiêm, giống lúa là lúa chiêm Cút, chiêm Bầu cho hạt gạo màu đỏ, cứng, hạt cơm nấu lên ăn rất chắc dạ. Vào vụ mùa, thường cấy nếp cái, nếp dành, năng suất thường đạt 90 - 100 kg/ sào.

Ruộng vằn: Loại ruộng này thường chỉ cấy chính mùa, với các giống lúa: Tám thơm, Tám trắng, Dé (tè), nếp cái. Năng suất bình quân thường đạt 60 - 70 kg/sào.

Đồng cao (đồng màu): hình thức ruộng này chính là ruộng bậc thang, do vất vả về nguồn nước tưới, chủ yếu phụ thuộc vào nước mưa, khó tát nước, nên chỉ cấy được vụ mùa. Đối với loại ruộng này, thường kết hợp xen canh, luân canh với các giống cây trồng một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện của tiết trời. Sau khi các giống lúa được gặt như: Lúa Ba Giăng (thu hoạch vào rằm tháng Bảy), lúa Di, Dé (gặt vào tháng Tám), các giống lúa Tám Nam, Tám Cạn (gặt vào tháng Mười), thì bà con nông dân lại trồng xen khoai lang (khoai Di), từ tháng Chạp đến tháng Năm, năng suất mỗi sào có thể cho đến 12 thúng, thu khoai xong lại trồng ngô (từ tháng Chạp đến tháng Tư), thu hoạch mỗi sào cũng

có thể cho 3 thúng hạt ngô (mỗi thúng khoảng 25 kg). Ngoài ra, có thể trồng thâu dầu (đu đủ) xen canh với vừng, đỗ.

Đồng thấp: là loại ruộng ở sát các đầm, nên luôn chịu ảnh hưởng của nước lũ. Vụ chiêm cấy chỉ đạt năng suất từ 40 - 50 kg/sào, vụ mùa thì khoảng 30 kg/sào. Có nhiều năm, cấy lại đến 3 lần mà thu hoạch cũng không được nhiều. [14, tr. 43, 44].

Nhắc đến đặc sản làng Cổ Loa, người dân thường quen thuộc với câu: “*Chiêm Cút, mùa Di, sống đem đi, chết để lại*”. Giống chiêm Cút, lúa Di thường đạt năng suất cao và ăn ngon. Ngoài ra, phải kể đến một số loại cây trồng cũng gắn liền với mảnh đất Cổ Loa như: Quả Trám đen, cây chè, cây sung, cây mít. Theo lời các cụ trong làng kể lại: Cây trám đen, chè xanh trước đây chỉ trồng ở đất bãi, trên các dãi đất cao, đất trên Thành cổ ven quanh di tích, nên có sự thơm ngon đặc biệt. Dân các làng trồng nhiều cây Trám, sau 5 năm rừng trám cho thu hoạch, sau 10 năm, mỗi cây có thể cho hàng tạ quả, cây trám có thể thu hoạch trong vài chục năm. Cách đây khoảng vài chục năm, vẫn còn cả những rừng trám từ làng Thư Cưu về xóm Thượng (làng Cổ Loa), hiện nay còn một số cây ở xóm Thượng (Thượng, Cưu, Bãi) làng Cổ Loa ngày nay. Cây mít là cây trồng nhiều, múi mít dai và mùi rất thơm, vì thế mà ở làng Cổ Loa có xóm Mít. Cây sung cũng là cây lương thực thiếu đói của quân sĩ dưới thời vua An Dương Vương, được trồng nhiều ở xóm Mít.

Xưa khi so sánh thế đất giữa làng Giỗ - Quậy và làng Chạ Chủ (Cổ Loa), người trong vùng thường tổng kết: “*Quậy ủ Chủ tươi, Quậy cười Chủ khóc*” nghĩa là khi người làng Quậy buồn vì mất mùa (do đồng ở thế thấp nên ngập lụt), thì người dân Chạ Chủ lại tươi vì được mùa (Chạ Chủ ở thế đất cao). Ngược lại, vào những khi trời mưa vừa phải thì vùng Quậy được mùa, còn Chạ Chủ lại mất mùa. [14, tr. 32]. Như vậy, nghề làm nông vẫn phụ thuộc nhiều vào thời tiết, thiên nhiên, có năm sẽ cho năng suất cao, có năm có thể mất mùa hay năng suất thấp.

1.3.2. Nghề thủ công

Làng Cổ Loa ngoài công việc làm nông là chủ yếu, còn kết hợp làm nghề thủ công. Các điều kiện về văn hóa, phong tục đã tạo cho nơi đây những đặc sản nổi tiếng như: *Bông, bún, rền*. Nghề làm bún thì cả hai làng Cổ Loa và Mạch Tràng cùng làm và nghề tạo ra sản phẩm mang tính địa phương nhất là làm bông mật hay còn gọi là “*bông Chủ*”, đây là đặc sản riêng có của làng Cổ Loa. Cách gọi “*bông Chủ*”, ý chỉ loại bông này chỉ riêng có ở Chạ Chủ, gọi tắt là “*bông Chủ*”.

Nhắc đến bông Chủ, người dân Cổ Loa tự hào với những câu ca dao:

“Thập phương khách đến Cổ Loa

Mua phong bông chủ quê nhà Thục Vương

Nếp hoa, gừng tráng mật đường

Chày khuôn nén chặt quân lương một thời”.

Theo lưu truyền dân gian, nghề làm bông có từ thời Thục Phán An Dương Vương, là lương thực, lương khô cho quân lính của triều đình tập luyện và chiến đấu. Thường thường, từ sau khi làm lễ tiến bông lên An Dương Vương ở đền Thượng Cổ Loa thì việc làm bông mới bắt đầu. Ở làng Cổ Loa, người làm bông ngon và lâu đời là bà Học ở xóm Chùa, theo bà Học cho biết: “*Nghề làm bông này được làm khoảng 40 - 45 năm nay, làm bông là để cúng tiến vua An Dương Vương và người dân những lúc nông nhàn làm bông để thêm thu nhập*”. Công đoạn làm thành loại bông này cũng khá công phu. Trước tiên, chọn thóc để làm bông là từ nếp cái hoa vàng, thường được mua ở làng Dục Tú, vì lúa này cấy ở đồng màu, hạt thóc khi rang lên thì nở bông đều và to. Thóc được rang trong một chảo to, đáy chảo tráng qua một lượt mỡ để thóc không cháy, lại nở bông nhanh. Dùng 10 que tre nhỏ như que tăm, bó chụm lại làm que để đảo thóc trong chảo cho nóng đều, mỗi đầu bó que có chấm một lớp mỡ, thóc trong chảo bắt đầu nở thì mới đập vung từ 3 - 5 phút. Khi thóc đã nở hết bông đem ra xay bỏ hết trấu, công đoạn tiếp theo là trộn đều với một ít lạc đã rang, rồi hòa với nước

mật (hòa nước mật với nước gừng để tạo ra vị thơm, loại mật này thường ở vùng Mai Lĩnh, huyện Chương Mỹ, Hà Nội ngày nay).

Mật được cho vào chảo đun kĩ, bắc ra để nguội thời gian từ 8 - 10 tiếng mới đem ra làm; trộn đều hoa bông, lạc, thảo quả, mật gừng cho vào khuôn có kích thước từ 37 x 10 x 10 cm. Muốn có khuôn bông ngon, phải ép ít nhất là 15 chày, mỗi chày ép bông lại rắn chắc thêm. Ép xong phải chờ từ 4 đến 5 tiếng mới dùng dao sắc cắt bông thành từng miếng.

Tùy theo mục đích sử dụng mà có từng tỷ lệ mật trộn sẽ ra ba loại bông:

Bông thừa: Bông được làm cho những người đặt để đi lễ hoặc có công việc lớn (cưới hỏi, mừng thọ). Loại bông này thường nhiều mật và có thêm thảo quả cho thơm, đây có thể coi là loại bông ngon nhất.

Bông nặng: Nếu ai ăn ít ngọt thì có thể chọn loại bông này, tỷ lệ mật được trộn ít hơn bông thừa và không có thảo quả.

Bông nhẹ: Đối với những người ăn nhạt hay không thích nhiều đường thì loại bông nhẹ này là lựa chọn tốt nhất, làm loại bông này không cho thêm thảo quả và không có cả lạc. Loại bông nhẹ này cùng bông nặng thường được dùng để bán hoặc ăn.

Để ra được sản phẩm bông như ý, những người làm nghề này khá vất vả, đặc biệt trong khâu tiêu thụ. Theo các cụ cao niên trong làng thì trước Cách mạng, do người dân không đủ ruộng đất để cày cấy, kết hợp với yếu tố địa hình, khí hậu nên chỉ cấy được vụ mùa nên để đảm bảo cuộc sống thì người dân đã làm bông để thêm thu nhập. Theo tính toán thì một gia đình trong một ngày làm một xó thóc (khoảng 8 kg) và bán hết hàng thì được lãi khoảng 5 kg gạo, đủ lương thực và có thêm tiền chi tiêu, lại tận dụng được sức lao động của cả gia đình trong nhiều tháng làm nghề (từ tháng Giêng đến hết tháng Ba, là thời kỳ nông nhàn, lại có nhiều hội được mở). Khi đã làm bông xong thì những người phụ nữ lại phải gánh bông đi khắp các chợ trong vùng (trong vòng bán kính 20km) để bán, như các chợ: chợ Sọ (Phù Lỗ), chợ Núi (Sóc Sơn), chợ Chờ (Yên Phong - Bắc Ninh), chợ Me, chợ Giầu (Từ Sơn - Bắc Ninh), thậm chí có khi

phải đi xa tận chợ Bưởi (Hà Nội) để bán. Nhiều ngày ế hàng, còn bị thâm hụt vào vốn. Mặc dù, có những vất vả như thế nhưng đặc sản bồng té vua An Dương Vương trong ngày hội Cổ Loa thì không bao giờ thiếu được.

Ngày nay, có nhiều loại bánh nên bồng chủ tiêu thụ chậm, chỉ tập trung làm vào dịp lễ hội để cúng tế vua An Dương Vương và dùng làm quà ẩm thực cho du khách. Đây cũng là một sản phẩm tạo công ăn việc làm, thêm thu nhập cho người dân, nhưng ngoài ra nó còn mang một ý nghĩa cao hơn là giữ vững được nét đẹp truyền thống làng nghề của địa phương Cổ Loa (những gia đình vẫn làm nghề Bồng chủ như: gia đình bà Học - xóm Chùa, gia đình bà Nha, bà Hiền - xóm Dõng).

1.3.3. Thương nghiệp

Làng Cổ Loa có thuận lợi về cả đường bộ và đường thủy nên việc thông thương trao đổi hàng hóa với các vùng lân cận khá dễ dàng. Trong 5 làng hợp thành xã Cổ Loa, chỉ có làng Cổ Loa là có chợ, dân ở đây gọi là chợ Sa. Đây là chợ lớn, nơi trung tâm mua bán của làng Cổ Loa nói riêng và các làng gần đó nói chung. Vào năm 1942, theo bản hương ước đã được lập thì chợ có 130 gian hàng, ở chợ Sa số tiền thu thuế này đáp ứng một phần việc chi tiêu của làng, mỗi năm số tiền thuế thu được từ 130 gian hàng là 79 đồng; giá thuế được chia làm ba hạng:

- Hạng một gồm 40 gian, giá thu một đồng một năm.
- Hạng hai gồm 40 gian, thu 0,6 đồng một năm.
- Hạng ba gồm 50 gian, thu 0,3 đồng một năm.

Nhắc đến việc thu thuế tại chợ Sa của làng Cổ Loa, có câu chuyện kể lại rằng: Khi làng Cổ Loa lập chợ Sa, người làng Quậy đến chợ không phải nộp thuế. Nhưng sau vì có nhiều người ở các làng khác mạo nhận là “*người làng Quậy*”, nên các cụ làng Quậy chủ động đề nghị làng Cổ Loa bỏ lệ này.

Chợ một tháng họp 6 phiên, vào các ngày 1 và 6. Chợ thường bán các loại nông sản, thực phẩm của địa phương, đặc biệt đến với chợ Sa có bán giống lợn

nuôi rất tốt. Bên trong chợ có hai nhà cầu để cho người làng Cầu Nôm (Hung Yên) bán các sản phẩm từ nghề hàn đồng. Xa xưa còn có cả chợ mua bán trâu bò ở khu vực xóm Mít. Chợ Sa là một chợ lớn nên để giữ gìn an ninh trật tự và làm nhiệm vụ quét dọn vệ sinh, làng đã cử ra một người *Khán thị* (hay *Quản thị*). Và nếu người *Khán thị* này làm việc trong 6 năm mọi việc chu toàn thì sẽ được ngôi *trùm* (trùm bán).

Chợ Sa nổi tiếng là chợ lớn ở Kinh Bắc, nằm trong khu vực thành Nội, có các di tích đình Miếu thờ vua An Dương Vương, nằm giữa hai làng Cổ Loa và Dục Tú nên nguồn thu của chợ kết hợp với nguồn lợi từ các di tích rất lớn. Truyền thuyết xưa kể lại rằng: cô gái cắt cỏ họ Đỗ người làng Dục Tú sau khi lên làm phi của Ngô Quyền vì không có khả năng sinh con, được Ngô Quyền cho về nhà và cho thả một quả bưởi (có thuyết là thúng trấu), xuống sông Hoàng Giang, để bưởi trôi từ Dục Tú xuống Cổ Loa, khi bưởi trôi đến đâu thì đất thuộc về Dục Tú đến đó. Quả bưởi và dừng lại ở gốc đa ven thành Nội Cổ Loa. Chính vì thế mà dân ở hai làng thường nhắc lại câu:

“ *Chợ Sa của Cổ Loa, cây đa của Dục Tú*”.

Ngày trước, theo bà: Nguyễn Thị Anh (76 tuổi) - người dân xóm Chợ trong làng kể lại : Khu chợ Sa được họp thành dãy dài xung quanh địa phận của ba xóm: xóm Mít, xóm Chợ và xóm Chùa, ở chợ bày bán những sản phẩm nông nghiệp phong phú, phục vụ dân trong làng và những làng lân cận. Chỗ đặt Chợ Sa Cổ Loa cũ trước đây, giờ vẫn còn cổng chào với chữ “*Chợ du lịch làng Cổ Loa*”. Đến năm 2007, cùng với việc quy hoạch đất đai, xây dựng con đường mới, khu chợ được chuyển ra đầu làng, du khách đi từ đầu làng vào có thể thấy ngay được chợ Sa mới được xây dựng, nằm đối diện với bến xe Cổ Loa.

1.4. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA LÀNG CỔ LOA

1.4.1. Thiết chế tổ chức

Cơ cấu tổ chức của làng Cổ Loa tương đối ổn định từ vào đầu thế kỷ XVII. Ngoài thiết chế theo quan hệ huyết thống là gia đình và dòng họ, trong

làng Chạ Chủ còn có các thiết chế khác: xóm, giáp, phường hội và bộ máy quản lý làng xã.

1.4.1.1.Xóm

Cuộc sống là tổng hòa các mối quan hệ, ngoài quan hệ ruột thịt anh em, dòng họ thì còn có quan hệ láng giềng:

“Bán anh em xa, mua láng giềng gần”

“Xóm giềng tôi lửa, tắt đèn có nhau”.

Thiết chế của xóm chính là dựa trên mối quan hệ láng giềng, một xóm bao gồm nhiều hộ gia đình sống cùng với nhau, những hộ gia đình này sống xung quanh trong một xóm ngõ nên cư xử với nhau trên tinh thần hòa đồng, hòa thuận, có những khó khăn thì cùng giúp đỡ nhau. Cũng cùng trong một ngõ của xóm, những người sống với nhau có cùng một dòng họ, có quan hệ anh em, gia đình bên nội, hay gia đình bên ngoại, thậm chí có cả mối quan hệ thông gia. Những mối quan hệ này là trường hợp xảy ra ở làng quê nhiều hơn ở thành thị. Bởi chỉ một gia đình, khi con cái lớn đến tuổi xây dựng gia đình, bố mẹ thường cho phân đất gần nhà để làm chỗ ở: *“Gả con chồng gần, có bát canh cần nó cũng mang cho”* cũng chính vì thế mà có sự sum họp gần gũi, gắn kết nhau như thế. Vào những dịp trong xóm có cưới xin, ốm đau hay tang ma thì tinh thần gắn bó của mọi người dân trong xóm mới thể hiện rõ.

Mỗi xóm là một cộng đồng nhỏ về đời sống tâm linh. Làng Cổ Loa là một làng điển hình, trong làng tại mỗi xóm thì có một cái điểm thờ, các điểm xóm này được xây dựng khá khang trang, vừa là nơi hội họp của người dân, vừa là nơi cúng giỗ cho những người đặt hậu, cũng là nơi thờ thần linh thổ địa của xóm. Gần điểm xóm có giếng nước, dân trong xóm dùng nguồn nước này để sinh hoạt, giếng nước cũng thể hiện sự hài hòa âm dương.

Tại làng để đảm bảo về tổ chức an ninh, tuần phiên của làng thì được cắt cử theo xóm. Làng Cổ Loa đầu tiên có 9 xóm: Thượng (tên chữ là Thượng Ngõ), Vang (Đa Bang), Chùa (Hậu Miếu), Hương (Hương Giai), Chợ (Ngõ Thị), Nhồi

(Viên Lôi), Gà (Quán Khê), Lan Trì, Đông (Dũng). Từ năm Chính Hòa thứ 25 (1704) có thêm xóm Mít (Cự Nê), xóm Nhôi tách ra thành hai xóm: Nhôi Trên (Viên Lôi Thượng) và Nhôi Dưới (Viên Lôi Hạ), xóm Đông cũng phát triển thành hai xóm: Đông Trên (Dũng Thượng) và Đông Dưới (Dũng Hạ). Các xóm này đều được ghi “*Thôn*” hay “*Ngõ*” khi ghi trên các văn bản hành chính và văn tế. [14, tr. 53].

Để bảo vệ an ninh, mười hai xóm của làng Cổ Loa cử đội tuần phiên lên đến 50 người có ở tất cả, gồm 4 đốc canh (trương tuần) chỉ huy và 46 tuần tráng. Ở mỗi điểm xóm thì có hai tuần tráng canh phòng tại chỗ, 22 tuần tráng còn lại thì cắt 8 người đi tuần lưu động giữa các điểm, 14 người dưới sự chỉ huy của hai đốc canh chia làm hai ban đi tuần ngoài đồng. Cả đội tuần tra phải canh gác: “*Nội hương áp, ngoại đồng điền*”, nếu mất đâu thì phải bồi thường lại. Những người làm tuần tráng thì được trả thù lao bằng lúa srong túc (mỗi sào một lượm lúa tươi) do làng trả, từ năm 1940, thì được trả bằng tiền, tính mỗi mẫu là 6 hào, thu vào hai vụ gặt (chiêm, mùa). Trương tuần làm việc trong ba năm được chu toàn thì được ngôi xã cự. Làng Cổ Loa còn có một quy ước, khi trong làng bị trộm cướp đột nhập, cử mỗi điểm một người trông coi, còn tất cả phải đến ứng cứu, ai không đến sẽ bị phạt 5 hào (giá tiền vào đầu năm 40 của thế kỷ XX).

1.4.1.2. Giáp

Giáp là hình thức tổ chức của nam giới trong làng, ngay từ nhỏ các bé trai đã làm lễ vào giáp cho đến các cụ cao tuổi nhất. Xung quanh vấn đề giáp ở làng Cổ Loa còn có nhiều ý kiến khác nhau.

Có ý kiến cho rằng, vào thế kỷ XV - XVI trở đi, khi các dòng họ từ các nơi về đây lập cư đã có ba cụm dân cư này được hình thành mang hình thức hư một ngôi làng độc lập, có đình, có chùa và nghề riêng của làng mình. Ba làng nằm trong xã Cổ Loa, sau sáp nhập lại, thành một làng Cổ Loa thống nhất, cụ thể:

- *Làng Đông Nhất* gồm: xóm Thượng (có tên chữ là Thượng Ngõ) và xóm Vang (Đa Bang), một bộ phận của xóm Vang sau chuyển ra sống tại nền

lũy làng ở thành Ngoại nên gọi là xóm Trại. Làng có đình ở Cầu Mới (xóm Vang) và chùa ở khu vực Ao Chùa.

- *Làng Đông Nhì bao gồm*: xóm Chùa (Hậu Miếu), xóm Hương (Hương Giai), xóm Chợ (Ngõ Thị), xóm Mít (Cự Nê), xóm Hương (có đình ở gốc Đông), Chùa Bảo Sơn (Tam Sơn tự).

- *Làng Đông Tam gồm*: xóm Nhôi (Viên Lôi), sau phát triển thành: Nhôi Trên (Viên Lôi Thượng) và Nhôi Dưới (Viên Lôi Hạ), xóm Dõng (Dũng), sau phân chia thành: Dũng Trên (Dũng Thượng) và Dõng Dưới (Dũng Hạ), xóm Gà (Quán Kê), xóm Lan Trì. Làng có đình ở bãi Ngõ Đình, nên chùa thì mới phá bỏ gần đây.

Sau khi hợp nhất thành một làng Cổ Loa, đã xây dựng một đình chung, đình làng Đông Nhất được đưa về làm Tảo mạc của đình chung, đình Đông Nhì sử dụng làm điểm xóm Chùa và đình Đông Tam được làm chỗ ở cho những người đăng cai vào dịp tổ chức lễ hội hàng năm.

Ngoài ra, còn có ý kiến khác, ngay từ giữa thời Trung đại thì làng Cổ Loa vẫn là một khối thống nhất, gồm ba giáp hình thành theo khu vực: *Đông Nhất, Đông Nhì, Đông Tam*, từng giáp gồm các xóm như đã nêu ở trên. Mỗi giáp gồm một cụm xóm. Vì dân đình đông lên, chính vì thế xóm Nhôi (gồm Nhôi Trên và Nhôi Dưới) tách ra thành *Giáp Đoài Tự* và như thế làng Cổ Loa có bốn giáp. Trong mỗi giáp lại chia thành nhiều phe, mỗi phe về cơ bản lại hình thành theo khu vực cụm xóm (có thể gồm đình nam của một, hai hoặc nhiều xóm). Cũng vì vậy, mà các phe thường mang tên xóm chính gắn với tên giáp gốc như: phe Đông Nhì - Cự Nê, phe Đông Nhất - Đa Bang... Có những tài liệu ghi phe cũng có nghĩa như giáp, điều này là không đúng bởi các công việc chung của làng đều phân chia theo bốn giáp, sau đó bốn giáp mới phân bổ về các phe. Đa số các bậc cao niên, am hiểu của làng Cổ Loa trong cuộc hội thảo tổ chức vào các ngày 29 - 01 - 2005 và ngày 27- 04 - 2005 tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã Cổ Loa đã thông qua về số lượng phe của bốn giáp gốc là 12, không như một số tài liệu ghi chép lại là 28 phe. Phe của làng Cổ Loa ở đây chịu trách nhiệm đảm đương các

công việc: lo tang lễ cho người quá cố, sửa lễ thờ thành hoàng, phụ giúp giáp thu thuế. Theo tục lệ của làng là mỗi người trai đình sinh ra ở làng Cổ Loa phải lần lượt vào xóm, vào phe. Số tuổi, ngày và lễ vật gia nhập phe tùy thuộc vào quy định của từng xóm, từng phe. Có quy định chung cho tất cả các trai đình là phải trải qua các bước:

- Khi 18 tuổi thì là Thủ phiên với trách nhiệm chính là “*Đầu vai*”, “*hầu xóm*”, nghĩa là lo công việc nhỏ, việc vặt khi phe, xóm có việc, có nhiệm vụ làm trong một năm. Nếu năm sau không có ai bước vào tuổi 18 thì vẫn phải gánh vác công việc ở năm tiếp theo.

- Bước qua tuổi 18, tùy theo số lượng trai đình của từng giáp, phải lần lượt “*Cơm lân, cỗ lượt*” cho các kỳ việc của xóm, của giáp. Quan trọng nhất là vào dịp tháng Giêng khi mở hội Cổ Loa thì phải lo cỗ bánh dày, bỏng chủ và chè kho làm lễ cúng. Người sửa cỗ được cây ruộng cỗ (ruộng này ở ven đầm, nên gọi là *Đầm Cỗ*). Làng Cổ Loa có số dân đình đông nên nghĩa vụ gánh vác trong công việc chung của làng không nặng như những làng bên (đặc biệt là nuôi lợn).

- Đến gần 50 tuổi (*tuổi Trùm*), được cử làm *Trưởng nhất* (mỗi giáp gồm 2 người) và *Trưởng Nhì* (mỗi giáp cũng 2 người) lo điều hành các công việc của giáp.

- Đúng 50 tuổi thì làm *lễ lên Trùm* (hay gọi là *Lên*), lễ trình gồm: hai mâm xôi (mỗi mâm hết một nôi gạo 20 kg và một con gà), đó là lễ đối với người có điều kiện, còn những người nghèo không lo được lễ lên trùm thì phải làm *trùm ba*. Trùm ba có nghĩa là lo việc dọn dẹp, đun nước cho các cuộc họp của các cụ trong năm. Những cụ đã làm xong lễ lên trùm, được tham gia điều hành các công việc xóm cùng các lão của xóm, được ra đình ngồi và tham gia bàn bạc việc của làng. Vào ngày 14 tháng Chạp, các trùm giáp được lên đền Thượng *xin keo* (*khất keo*) để chọn ra *Quan đám* (*Ông đám*), là người trông nom việc đèn hương, tiếp khách thập phương đến lễ tại đền Thượng, am My Châu và đình trong năm của tuổi 59. Dưới các Quan đám là các đảng cai, lo việc chuẩn bị

cỗ bàn và công việc tế lễ vào hội tháng Giêng. Có ý kiến cho rằng, tất cả các trùm đều được xin khất keo trên đèn Thượng (trừ những người mắc tang trở, có dị tật hoặc can án). Lại có ý kiến cho rằng, chỉ các trùm ở tuổi 58 mới được tham gia để sang tuổi 59 làm cai đám, đến tuổi 60 lên lão.

Sau khi được nói chuyện với cụ Nguyễn Văn An - người làng xóm Chùa, hiện giờ cụ đang làm *Quan đám* hay cách gọi dân gian là *Cụ Từ hay Thủ Từ* của đèn Thượng chăm lo việc đèn hương, tiếp khách đến lễ tại đèn. cụ cho biết: Mỗi năm sẽ thay một *Ông đám* khác, sự thay đổi này hiện nay là do xã bầu cử, mỗi năm bầu cử một lần chọn ra hai cụ một cụ trông coi đèn Thượng, một cụ trông coi am My Châu, mỗi xóm sẽ cử ra một người và cuối cùng xã sẽ làm cuộc bầu cử, ai trúng nhiều số phiếu nhất sẽ trông coi ở đèn Thượng và người nhiều phiếu thứ hai sẽ trông coi ở am My Châu. Nếu năm nay xóm nào có người trúng cử rồi thì ba năm sau sẽ được ứng cử người mới, xóm nào năm nay chưa có người được bầu thì tiếp tục ứng cử vào năm sau, người trúng cử năm nay thì sau hai năm sẽ lại được tham gia ứng cử tiếp. Đối với các *Cụ Từ* của đèn cần có tiêu chuẩn: Gia đình không có tang chế, tuổi từ 60 - 70 và còn cả hai vợ chồng. khi có khách đến lễ bái tại đèn thì các cụ thường mặc bộ áo the, đầu đội khăn xếp màu vàng để tiếp khách. Vào dịp hội mừng 6 tháng Giêng đến 20 tháng Giêng thì đèn là do địa phương quản lý, người làng Cổ Loa lo việc cúng tế lễ hội. Ngày trước, thời phong kiến những người trông coi tốt ngôi đèn sẽ được ruộng, bây giờ các cụ được 1.560.000 VNĐ/ tháng (các cụ ăn, ngủ và trông coi ngay tại đèn) do Ban Di tích thành phố Hà Nội trả.

- Làm *lễ lên lão* là các cụ tuổi 60, lúc này người trai đinh coi như là hoàn thành nghĩa vụ với việc của xóm làng, các cụ được ngồi chiếu trên và hưởng các quyền lợi, không phải gánh vác việc làng theo giáp, không phải gánh thuế thân. Cao nhất của việc lên lão là *cụ thượng*. Ngày xưa, khi tham dự một cuộc họp hay dịp hội của làng thì những chiếu trải trên bao giờ cũng để các cụ già cả nhất ngồi, điều đó thể hiện sự tôn kính đối với các bậc bô lão của làng: “*Kính lão, đắc thọ*”. Làng Cổ Loa cứ vào dịp hội thì có bốn cụ thượng cao tuổi nhất được ngồi ở chiếu nhất. [14, tr. 61].

1.4.1.3. Bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý làng Cổ Loa gồm hai thiết chế chính để quản lý là: *Hội đồng kỳ mục* và *Bộ máy chức dịch*.

- *Hội đồng kỳ mục*: là cơ quan có toàn quyền quyết định như: đấu thầu ruộng đất, tu bổ đình chùa, mở hội... Hội đồng có các thành viên là các quan lại (gồm cả ngạch văn và võ), các cấp về hưu, các cựu chánh phó tổng, chánh phó lý trong thời gian đương nhiệm không bị can cách. Người đứng đầu Hội đồng là một *tiên chỉ*, là người có phẩm hàm, học vị cao nhất trong số những người về hưu và người có chức tước cao thứ hai là người có phẩm hàm được gọi *thứ chỉ*.

Hội đồng kỳ mục đã thay đổi, khi thực dân Pháp tiến hành cuộc cải lương hương chính vào tháng 8 - 1921, để chúng dễ quản lý bằng việc thiết chặt làng xã hơn nữa. Trọng tâm mà thực dân Pháp muốn đạt được là bãi bỏ *Hội đồng kỳ mục* bằng *Hội đồng tộc biểu* (gồm đại biểu các dòng họ). Hội đồng tộc biểu đứng đầu có một Chánh hội, một Phó hội và một thư ký. Hội đồng này hoạt động không hiệu quả nên đến năm 1927, thực dân Pháp phải lập lại Hội đồng kỳ mục tồn tại song song với Hội đồng tộc biểu, đến năm 1941, bãi bỏ *Hội đồng tộc biểu*.

- *Bộ máy chức dịch*: đại diện cho chính quyền cấp cơ sở, chịu trách nhiệm trước Nhà nước phong kiến bên trên về an ninh, các khoản thuế, điều động phu dịch của từng cơ sở (*xã*). Trong Bộ máy chức dịch, đứng đầu là một Lý trưởng và Phó lý giúp việc, ở làng Cổ Loa có bốn Phó lý. Ngoài hai chức chính trong Bộ máy còn có các chức danh: *Hộ lại* (phụ trách việc hộ tịch, hộ khẩu), *Chưởng bạ* (chịu trách nhiệm giấy tờ về ruộng đất), *Thủ quỹ* (giữ ngân quỹ của làng), *Trương tuần* (phụ trách việc an ninh trong làng).

1.4.1.4. Các phường hội.

Bên cạnh thiết chế quản lý chung, thì ở mỗi làng còn có các thiết chế dân dã. Với thiết chế dân dã này, thì do các thành viên tự nguyện trên tinh thần tương trợ giúp đỡ nhau trong cuộc sống hàng ngày (các hội, phường gạo, tiền...), cũng có khi xuất phát từ mục đích nghề nghiệp, tín ngưỡng. Nổi lên trong thiết

chế này, là vai trò của Hội Tư vấn. Hội đảm nhiệm việc tế lễ trong dịp lễ tiết, hội làng, các đám tang của các gia đình khá giả. Phường gạo hay tiền là hình thức mọi người cùng chung góp theo hàng tháng sẽ có một người đứng lên làm Cái thu tiền hay gạo do mọi người tham gia đóng trong từng tháng, người làm Cái sẽ chia lại cho từng thành viên tham gia theo tháng hay quý. Hình thức này thường phổ biến trong mỗi làng.

1.4.2. Ngõi thứ đình trung

Đình là nơi bàn việc làng hay là nơi sinh hoạt văn hóa của người dân trong xóm làng. Ở làng Cổ Loa, trước Cách mạng Tháng Tám thì vấn đề “*đăng cấp xã hội*”, được quan tâm và phân chia dân cư dựa trên bằng cấp, phẩm hàm, chức tước, tuổi tác. Việc phân chia như trên thể hiện rõ ở *chỗ ngồi trong đình*, đình trở thành “*trung tâm*” đời sống của làng.

Theo bản hương ước được lập vào năm 1942, ở làng Cổ Loa trong đình phân thành 5 dòng (tức 5 vị trí ngôi thứ theo 5 hạng):

Hạng một gồm: Quan văn từ Tứ phẩm trở lên, quan võ từ Tam phẩm trở lên, những người khoa mục từ hạng trung khoa (vào thời Pháp gồm cả những người có bằng trung học).

Hạng hai: là những người từ tuổi 50 trở lên, khi ngồi trong đình theo trật tự tuổi tác ngồi từ trên xuống.

Hạng ba gồm các tân, cựu Chánh phó tổng, các nghị viên được thưởng hàm chánh phó lý, các trương tuần (phụ trách an ninh trong làng), quản lộ, quản thị cùng những người có bằng phó lý.

Hạng tư: gồm các Chánh phó hương hội, thư ký Hội đồng tộc biểu (đại biểu của dòng họ) và các tộc biểu.

Hạng năm: Ngoài ngôi thứ dành cho những người có bằng cấp, phẩm hàm, chức tước là những người có phẩm hàm mua, ngôi thứ mua. Làng có ngôi thứ dành cho người bỏ tiền ra mua, nhằm có một chút vinh dự, tinh thần gắn

liên với một số vật chất và được giảm một số nghĩa vụ (như canh gác, tuần phòng).

Gắn với các ngôi thứ là việc khao vọng. Ở mỗi làng đều có lễ khao khác nhau, riêng ở làng Cổ Loa thì quy định số tiền phải nộp khao cho các chức danh và vị trí ngôi thứ được ghi lại rất rõ trong bản hương ước cải lương lập lại vào năm 1942.

Hệ thống ngôi thứ được phân chia ở làng Cổ Loa tạo mặt tích cực là làm cho mọi người có động lực phấn đấu trong học hành, binh nghiệp để tạo vị thế của mình trước xã hội. Nhưng mặt khác, các khoản khao nộp chung và cỗ khao đã gây tốn kém cho những người có chức danh.

Các vấn đề về cơ cấu tổ chức, ngôi thứ được ghi trong hương ước của riêng làng. Làng Cổ Loa còn lại bản hương ước gồm nhiều lệ được lập và bổ sung qua nhiều thời kỳ, trong đó có 108 lệ lập ngày 17 tháng Giêng năm Tự Đức thứ 28 (1875), 45 lệ lập ngày mùng 4 tháng Chín năm Thành Thái thứ ba (1891), 68 lệ lập ngày mùng 9 tháng Chạp năm Thành Thái thứ chín (1898), 17 lệ lập ngày mùng 6 tháng Hai năm Khải Định thứ sáu (1921), được lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

1.5. Tiểu kết chương 1

“Cổ Loa ở vào vị trí trung tâm của đất nước và đầu mối của các hệ thống giao thông đường thủy. Cổ Loa lại ở giữa vùng đồng bằng đông dân, kinh tế phát đạt”, có một vị trí thuận lợi để phát triển về kinh tế và văn hóa. Cổ Loa là một ngôi làng cổ, một vùng đất có vinh dự được biết đến nhiều lần trong lịch sử bởi đây là nơi được hai lần làm kinh đô của đất nước, lần đầu là dưới thời vua An Dương Vương và lần hai dưới thời vua Ngô (vua Ngô Quyền và các con nối dõi). Cùng với các làng Việt khác thuộc vùng đồng bằng Bắc Bộ, làng Cổ Loa cũng mang đậm dấu ấn riêng của làng được thể hiện rõ nét trong bản hương ước, các nghi thức, thiết chế, các giá trị văn hóa còn lưu giữ được nhiều nét văn hóa cổ của làng mình để kết nối tính cộng đồng làng xóm, gia đình, dòng tộc thêm bền chặt, gần gũi hơn và ý thức trách nhiệm cao của mỗi thành viên trong cộng

đồng. Tại mảnh đất này, các cuộc khảo cổ học đã chứng minh dấu vết của người Việt cổ sống ở đây và những hiện vật lưỡi cày đồng, mũi tên đồng, khẳng định làng được hình thành từ thời các Vua Hùng dựng nước.

Chính bởi sự hình thành lâu đời, cùng với những giá trị văn hóa - lịch sử truyền thống tiêu biểu mà mỗi thành viên trong cộng đồng làng Cổ Loa có ý thức để lưu truyền, gìn giữ và phát huy những giá trị tốt đẹp tại mảnh đất truyền thống này.

Chương 2

CÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HÓA CỦA LÀNG CỔ LOA

2.1. CÁC THÀNH TỔ VÀ CÁC GIÁ TRỊ PHI VẬT THỂ

2.1.1. Khu di tích đình, đền, am, giếng, chùa tại làng Cổ Loa

2.1.1.1. Đền An Dương Vương (đền Thượng)

Đền An Dương Vương còn gọi là Đền Thượng, Đền Vua Thục hay “*Tiên Từ Đệ nhất*” (được khắc ở cả hai cổng nghi môn ngoài và trong, nhằm tôn vinh, ca ngợi và cũng như dấu hiệu phân biệt nơi này là “*Bạc nhất*” so với những di tích khác thờ An Dương Vương (như ở Đền Công ở Nghệ An...)).

Đền được xây dựng năm Chính Hòa thứ tám đời Vua Lê Hi Tông (năm 1687), tọa lạc trên một quả đồi xưa có cung thất của vua. Tất cả các công trình ở đây đều được đặt trên một trục đường gọi là “*Linh đạo*”, được lát bằng đá xanh chạy suốt từ ngoài vào trong, qua cửa chính của hai nghi môn là tới đền Thượng. Nghi môn ở ngoài là công trình kiến trúc thời Nguyễn (nửa cuối thế kỷ XIX).

Công đền xây dựng kiểu có ba cửa cuốn vòm, tường hoa lan can bao quanh; phía trước là hồ nước. [7, tr.13].

Khu vực chính của đền hiện gồm ba tòa nhà, được xây dựng theo cấu trúc chữ “*Tam*”, chữ “*Đình*”, chữ “*Công*” và chữ “*Vương*”, trên một khu đất rộng 4.990m². Cửa đền có hai con rồng đá uốn khúc, tay vuốt râu, mang nghệ thuật điêu khắc thời Lê rất tinh xảo. Việc xây dựng khu đền Thượng này, cũng dựa trên những quan niệm về tín ngưỡng cổ truyền và thuyết phong thủy cho rằng nơi xây đền phải là nơi “*Tụ thủy, tụ Phúc, tụ Linh*”, đạt được sự cân bằng về âm dương.

Theo văn bia còn dựng ở trong nhà bia và trước cửa đền thì đền hiện nay được dựng vào giữa thế kỷ XVII. Ngay ở đầu công tam quan có bốn chữ “*Tiên từ đệ nhất*” và qua tâm bia “*Tạo lập thạch bia*” dựng năm Vĩnh Thịnh thứ sáu (1710) đã khẳng định đền thờ An Dương Vương ở Cổ Loa (Chính pháp điện) là đền thứ nhất trong bốn đền thờ Tiên ở nước ta, đã được xây dựng từ rất lâu.

Hiện nay, ở trước cửa đền còn có treo một số câu đối:

*“Đế đô khai thác loa thành cổ
Thánh trạch uông dương hoàng thủy trường”.*

Tạm dịch:

*“ Khai mở nghiệp vua loa thành cổ
Đạt dào ơn thánh nước trời cao”.*

(Mùa xuân năm Giáp Ngọ- Thành Thái 1894)

Trong đền, còn nhiều câu đối nói lên sự tích An Dương Vương, thành Cổ Loa, nước Âu Lạc. Ở gian hai bên của đền có đôi ngựa hồng tạo năm Bính Thân niên hiệu Vĩnh Thịnh (năm 1716). Trước ban thờ Thần Kim Quy và Nỏ Thần, có những câu đối ca ngợi thần Kim Quy:

*“Yêu nhân tận tảo sơn vô quý
Nghịch tặc tùy tiêu nỏ hữu thần”.*

Tạm dịch:

“ Khí yêu quét sạch non không quý

Nghịch tặc trừ xong nô có thân”

Trong cùng là hậu cung thờ An Dương Vương, có tượng vua bằng đồng, đúc năm Thành Thái thứ chín (năm 1897). Tượng nặng 255kg. Trước khám thờ của Vua Thục có đặt một mũ và đôi hia. Hai bên về phía sau của khám thờ vua là ban Phụ Mẫu ở bên Đông, ban thờ Hoàng Hậu ở bên Tây của đền. [7, tr. 19].

Căn cứ vào các bài văn ở trên ba cây hương đá dựng trước của đền, thì vào năm Vĩnh Hựu thứ hai (Bính Thìn, 1736), đền được trùng tu lớn với việc công đức của những người dân trong làng và một số làng xã trong vùng. Tổng số tiền khuyến góp là 549 quan 3 mạch 76 tiền, tính riêng của người trong làng là 525 quan 7 mạch. Người đóng góp nhiều nhất là gia đình ông Hoàng Công Tài góp 75 quan. Do ngôi đền được đặt tại làng Cổ Loa nên được dân trong làng chăm lo việc trông coi, sửa sang và công việc cúng tế. Các triều vua đều có sắc chỉ,, lệnh chỉ cho làng được miễn việc binh đối với dân các hạng, thuế ruộng công, cùng thuế ao, hồ, cầu chợ, các hạng sưu thuế của sổ hộ và phu phen tạp dịch như: đắp đê, mở cống, khai ngòi.v.v....

Vào tháng Một năm Gia Long thứ hai (1803), triều Nguyễn đã quy định số lượng dân phu trông nom các đền thờ cấp quốc gia. Riêng ở làng Cổ Loa thì đền thờ vua An Dương Vương có 79 người phục dịch, đứng thứ hai trong 6 ngôi đền của cả nước. [Tr. 76]. Với việc quy định như trên, cũng thấy được tầm quan trọng của việc gìn giữ và trông nom ngôi đền thờ vua.

2.1.1.2. Đình Cổ Loa (đình Ngự triều Di Quy)

Đình làng Cổ Loa tương truyền là nơi thiết triều của Vua Thục, nơi bá quan triều hội ngày xưa, nên còn có tên là đình Ngự triều di quy, trong đình hiện còn tấm hoành phi “*Ngự triều di quy*”.

Theo các bậc cao niên trong làng kể lại và theo lời truyền nhau trong dân gian thì đình hiện đang có ở làng Cổ Loa là ngôi đình được mua của làng Bồng

Mạc (ngày nay thuộc xã Liên Mạc, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội). Đây là ngôi đình to và đẹp nên các ngôi làng xung quanh đều muốn mua, nhưng do nhiều gia đình trong làng Bông Mạc từng cung tiến tiền, vật liệu vào đình này nên họ muốn giữ ngôi đình lại, bởi vậy các làng đều không mua được. Các chức dịch làng Cổ Loa phải nhờ một vị Cử nhân người làng Lộc Hà quen biết với các kỳ mục, chức dịch làng Bông Mạc nên mới mua được đình và ngôi đình này được chuyển về làng Cổ Loa theo đường sông Hồng và sông Đuống.

Đình được tọa lạc trên khu đất rộng 2.530 m², ở góc Đông Nam của thành Cổ Loa. Căn cứ vào hàng chữ Hán trên câu đầu trái thì đình được khánh thành vào ngày 12 tháng Ba năm Thành Thái thứ ba (1891).

Đình có kết cấu chữ “Đình”, gồm 7 gian, 2 dĩ và hậu cung, kiến trúc xây dựng của đình mang đậm phong cách thời Nguyễn muộn, có vóc dáng vững chãi, bề thế, có mái đao vút cong. Cột đình có đôi câu đối của Tôn Thất Thuyết, một thủ lĩnh Cần Vương chống Pháp:

*“Tặc đao Loa thành tùy diệt một,
Điện vô quy nỗ dũng uy linh”.*

Nghĩa là :

*“Giặc đến thành Loa theo diệt hết,
Điện không nỗ báu vẫn linh thiêng”.*

Dấu ấn của ngôi đình cổ này còn lại trong hậu cung là những lỗ mộng sần trên cột cái và những mảng đề tài chạm khắc gỗ mang phong cách nghệ thuật cuối thế kỷ VXII. Hiện nay, kiến trúc đình có nhiều mảng chạm lọng bong kênh tinh xảo, cầu kỳ sống động. Trong nội thất của ngôi đình thì tác phẩm chạm khắc gỗ đẹp nhất là chiếc cửa võng với đề tài “*Tứ linh - Tứ quý*” phổ biến trong điêu khắc gỗ cổ truyền và được sơn son thếp vàng.

Trong đình hiện nay cũng có những câu đối giáp cửa võng:

“ Nam thiên cực lạc vi chư nhất phương vĩnh cửu lưu cầu phúc

Thế giới đại đồng danh an kỳ nghiệp vinh hanh lợi đồng nhân”.

Tạm dịch:

“Trời nam cực lạc làm chủ một phương mãi mãi mưu cầu phúc

Người người ai cũng có việc làm phồn vinh cùng chung nhân nghĩa”.

Vào năm 1962, ngôi đình được xếp hạng là Di tích lịch sử văn hóa đặc biệt cấp quốc gia. Hiện nay, ở trên sàn của ngôi đình có trưng bày các hiện vật bổ sung cho khu di tích, gồm ba phần: Cổ Loa thời kỳ trước An Dương Vương khoảng đầu thiên niên kỷ II trước Công Nguyên (hơn 50 hiện vật được trưng bày), Cổ Loa thời kỳ An Dương Vương thế kỷ III TCN 208 đến 179 TCN (trên 150 hiện vật khảo cổ được trưng bày), Cổ Loa thời kỳ sau An Dương Vương năm 179 TCN đến thế kỷ X (trưng bày khoảng 40 hiện vật).

2.1.1.3. Am My Châu

Kê cận đình Ngự Triều di quy về bên phải, là am My Châu hay Đền My Châu (Am Bà Chúa). Kiến trúc của am vừa phải, nền làm thấp, trước cửa đền có một vòm cổng xây bằng gạch, có giàn dây leo xung quanh. Am có kết cấu chữ “Đình”, kết hợp chữ “Nhị”. Tổng thể của am được chia thành hai phần chính: Tiền Tế và Hậu Cung, có diện tích 825m².

Tiền Tế gồm ba gian kiểu đầu hồi bít kết cấu kiểu bốn hàng cột, phía trước làm kiểu bức bàn, phía sau làm thoáng để thông vào hậu cung. Sau Tiền Tế có một khoảng sân hẹp, tiếp đến là nhà mái lẩy nhà Hậu cung, hai bên có ban thờ (*Thập nhị cô hầu, tức 12 nàng hầu của công chúa*). [7, tr. 28]. Phía ngoài là ba gian thờ văn võ bá quan nằm song song với nhà thờ công đồng.

Hậu cung có ba gian, gian trong cùng có phiến đá giống như hình người đang trong tư thế ngồi, nhưng điều đặc biệt của phiến đá này lại bị cụt đầu. Dân gian cho đây chính là tượng Bà Chúa My Châu được hóa thân lại sau khi bị vua cha An Dương Vương trị tội chêm đầu, vì làm lỗi vô tình mà tiếp tay cho giặc cướp nước. Sau khi My Châu chết đã hóa thành hòn đá to trôi dạt về bãi Đường

Cắm phía Đông thành Cổ Loa. Dân trong thành đem vông ra cày về đến gốc đa thì đứt vông, hòn đá rơi xuống, bèn lập am thờ.

Ở ngay Am của My Châu trước đây có cây đa nghìn tuổi tán rộng che mát cả một khoảng sân rộng. Rễ đa rẽ đôi thành chiếc cửa tò vò thiên nhiên mở lối đi vào Am. Cây đa này được trồng từ thời Ngô Quyền đóng đô; song đã bị chết năm 1999.

Trong Am Bà Chúa còn có những câu đối nói lên lòng trung tín của công chúa My Châu với vua cha và đất nước:

*“Trung tín thệ tâm thân hóa thạch
Hưng vong sái lệ tỉnh trâm châu”*

Tạm dịch:

*“Lòng trung tín đã thề nên thân hóa đá
Lệ tuôn vì cuộc hưng vong mà kết thành châu ngọc dưới giếng”
(Giếng ngọc trước cổng đền An Dương Vương)*

Nhà thơ Tô Hữu có dịp về thăm mảnh đất Cổ Loa vào năm 1964, khi vào thăm Am My Châu thấy bức tượng đá không đầu đã viết những vần thơ như một lời nhắn nhủ:

*“Tôi kể bạn nghe chuyện My Châu
Trái tim làm lỡ để trên đầu
Nỏ thân sơ ý trao tay giặc
Nên lỗi cơ đồ đắm biển sâu”.*

Cũng như ở đền thờ An Dương Vương, ở am My Châu có một Quan đám để trông coi việc tiếp khách, hương khói ở am. Theo lệ, vào dịp cuối năm, làng cử ra một Quan đám trông coi đình, đền trong năm. Người được chọn phải ở tuổi 50 trở lên, song toàn, có cả con trai con gái, cơ thể không dị tật, sống hiền lành, phúc hậu và được dân làng kính trọng. Hình thức cử Quan đám phổ biến nhất là xin keo tại đền (Am hay đình), theo thứ tự các giáp: *Đông Nhất - Đông*

Nhì - Đông Tam. Ngày xưa, làng cử bốn vị Quan đấm để trông coi đền, đình và am (đền Thượng hai vị, đình một vị và am một vị), nhưng về sau chỉ còn hai vị, một vị trông coi đền Thượng, một vị trông coi am và đình. Khi xin được keo thì vào ngày 20 tháng Chạp, làm lễ nhập tịch Quan đấm và sau đó được *ngồi Quan đấm* tại đền, am. Trông một năm đó, người Quan đấm luôn mặc bộ quần áo vàng để thắp hương cho thần. Sau hội (ngày 20 tháng Giêng), Quan đấm được về nhà một ngày, khi trở ra đình, đền vẫn mặc bộ áo tể phục, có cờ lọng trông đi cùng. Những ngày khác trong năm đều ở trong đền, am, cơm nước do con cháu trong gia đình mang ra.

Dưới Quan đấm là những người đăng cai, do các giáp cắt cử, lo việc tổ chức hội hè, tế lễ và chăm lo việc cỗ bàn trong đình, đền. Ở làng Cổ Loa có đến 8 ông đăng cai. [14, tr.77].

2.1.1.4. Giếng Ngọc

Có nhiều tài liệu và truyền thuyết nói về chuyện tình đẹp nhưng cũng đầy bi thương giữa My Châu - Trọng Thủy. Cùng với truyền thuyết về My Châu hóa thành đá không đầu trôi về quê cha thể hiện tấm lòng trung nghĩa của nàng, có truyền thuyết về cái chết của Trọng Thủy ở Giếng Ngọc. Tương truyền rằng, Giếng Ngọc là nơi sau khi nghe theo lời vua cha và phản bội vợ (My Châu), Trọng Thủy đã tự nhận lấy cái chết để cho nỗi hận thù, nỗi oan của My Châu được hóa giải dù nước mắt, nhà tan. Nước giếng ở đây khi đem rửa ngọc trai thì ngọc sáng đẹp bội phần. Cho nên, mới có tên là Giếng Ngọc hay Giếng Trọng Thủy.

Xoay quanh về Giếng Ngọc còn có truyền thuyết giếng là nơi mà My Châu - Trọng Thủy thường đến soi hình. Nước giếng dùng để rửa ngọc rất sáng, vì vậy nên nhiều triều đại phong kiến Trung Hoa bắt sứ nước ta mỗi năm phải cống một chum nước giếng ngọc. Nghe một chum nước không đáng là bao, nhưng công vận chuyển từ nước ta sang cống Bắc triều thì quả là vất vả vô cùng, nên các sứ thần nước ta đã nghĩ ra kế để không cống nước giếng với lý do: Giếng ngọc này có người chết nếu đem rửa ngọc sẽ không còn sáng. Hoàng đế

Trung Hoa phải chịu, từ đó kể đi nước ta không phải cống nộp nước giếng thiêng này nữa [Theo *Chu Trinh*]. Còn có bài thơ viết về Giếng Ngọc :

*“Giếng Ngọc lung linh ánh vàng trắng
Cánh sen nở ngát nguyệt xuống thăm
Sao trời xanh mắt nhòm đáy giếng
Bạn thân công chúa mấy ngàn năm”*

Ngay ở trước đền Thượng, có một hồ hình bán nguyệt, ở giữa có một giếng tròn được đắp bờ bằng đất, nhưng ngày nay trải qua thời gian để giữ được Giếng Ngọc, bờ đất đã được đắp kiềng cổ hơn bằng gạch xung quanh. Vào dịp hội Cổ Loa, trên hồ hình bán nguyệt này thường là nơi các liền anh, liền chị của xứ Kinh Bắc hát quan họ giao duyên và tổ chức múa rối nước.

2.1.1.5. Chùa Bảo Sơn

Làng Cổ Loa có ngôi chùa *Bảo Sơn tự*, được dựng vào đầu thế kỷ XVII. Chùa cùng với Đình Ngự triều di quy và Am Bà Chúa là một cụm di tích được ba bọc khu cư trú của các xóm: Chợ (phía Đông), Chùa (phía Tây), Mít (phía Nam) và Nhôi Dưới (phía Bắc). Phía trước chùa là đình, theo cấu trúc “*Tiên thân, hậu Phật*”.

Chùa Bảo Sơn nhìn hướng Nam, tọa lạc trên khu đất rộng 3.300 mét vuông, cấu trúc theo thể thức truyền thống “*Nội Công - Ngoại Quốc*”, gồm khu Tam bảo theo cấu trúc chữ “*Công*”, nhà Tiền đường, nhà thờ Mẫu gồm 5 gian cùng hai dãy hành lang (mỗi dãy tám gian bao quanh). Trong chùa có 134 pho tượng tròn được tạo tác rất đẹp mắt, có niên đại từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX, những bức tượng ở đây phong phú là do tập trung tượng của ba làng trước đây. Đằng sau chùa là gác chuông còn lưu quả chuông đúc xong tháng Một năm Quý Hợi, niên hiệu Gia Long (1803) và chiếc khánh đúc xong năm Quý Sửu đời Tự Đức (1853). [14, tr. 78].

Hệ thống bảo vệ Phật pháp có đủ cả Tám vị kim cương (có nhiệm vụ bảo vệ Phật), hai vị Hộ pháp (khuyến thiện và trừng ác) ở hai bên Đại Bái và trước

Tam bảo. Ở hai dãy hành lang có Thập Bát La Hán và bốn vị Bồ tát, được tạo dáng rất sinh động và đặt trên bệ. Trong chùa còn thờ Ngọc Hoàng, Nam Tào - Bắc Đẩu, Thập Điện Diêm Vương (được thờ ở tòa Tam bảo và hai bên cạnh tường Chính điện), thông qua cách thờ này cũng thể hiện được quan niệm sinh tử và tín ngưỡng của người Việt. Ngoài ra, chùa còn thờ Mẫu, thờ Thánh, còn thờ Tổ ở nhà Tổ và Đức ông. Riêng ở trong khu nhà Tổ. Mẫu được thờ ở khu giữa, bên phải thờ Thánh (Đức Thánh Trần), bên trái thờ Sư Tổ trụ trì ngôi chùa này.

Ngày 21- 06 - 1993, chùa Bảo Sơn được Bộ trưởng Bộ Văn hóa- Thông tin ra Quyết định số 774 cấp bằng Di tích lịch sử - văn hóa. Chùa đã được nhiều lần trùng tu nhưng lần trùng tu lớn nhất là vào năm 1996 - 1997 với kinh phí trên hai tỷ đồng. Đợt trùng tu này thay thế dương như toàn bộ kết cấu gỗ, phục chế lại đúng với vốn có của ngôi chùa trước đây.[7, tr. 32].

Chùa Bảo Sơn này là một ngôi chùa cổ, được quan tâm tu bổ, giữ gìn tốt, nhất là hệ thống tượng tròn thể hiện những giá trị cao về nghệ thuật thẩm mỹ lịch sử, đến với ngôi chùa này không chỉ là nơi thờ phật mà còn là nơi hội tụ những hệ thống tôn giáo, tín ngưỡng, nơi đề cao tư tưởng nhân nghĩa “*Khuyết thiện - trừng ác*”. Đến chùa lễ Phật, con người như bước vào một thế giới khác, nơi con người sống thật với cõi lòng mình, không giả dối, họ tự giải phóng mình ra khỏi bế tắc để có thể cảm nhận được cõi lòng thanh thản hơn. Tâm linh đi chùa giúp cho con người hướng thiện, nhớ về tổ tiên, tránh xa những việc ác, cái xấu để cuộc sống tốt đẹp và hoàn thiện hơn.

2.1.2. Thành Cổ Loa

Cổ Loa là Kinh thành của Âu Lạc (thế kỷ thứ III trước công nguyên), một trung tâm của thời kỳ dựng nước về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và quân sự. Vai trò đó được trở lại khi nước ta giành được độc lập vào thế kỷ X, sau sự kiện Ngô Quyền chiến thắng quân Nam Hán năm 938 và xưng Vương, đóng đô ở thành Cổ Loa. Từ Kinh đô của Âu Lạc thời An Dương Vương trở thành một khu di tích lịch sử, trong đó thành Cổ Loa là minh chứng duy nhất. (*Trung tâm*

khu bảo tồn di tích Cổ Loa - Thành cổ Hà Nội). Nhắc đến thành Cổ Loa, người dân ở đây thường quen thuộc với câu ca:

*“Nhấn ai qua huyện Đông Anh
Ghé thăm phong cảnh loa thành Thục Vương
Cổ Loa thành ốc khác thường
Trải bao năm tháng dấu thành còn đây”.*

Thành Cổ Loa là di tích thành có niên đại sớm nhất Việt Nam và vào loại sớm trên thế giới [Tr. 12].

2.1.2.1. Xây dựng thành Cổ Loa

Sau khi lập nước Âu Lạc, An Dương Vương cho dời đô từ Bạch Hạc (Việt Trì - Phú Thọ) xuống Cổ Loa, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng của sự phát triển Việt Nam về các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội. Đây còn là bước phát triển kế tục của nước Văn Lang với hai thành tựu nổi bật là *xây đắp thành Cổ Loa và cải tiến vũ khí mà chủ lực là nỏ và tên nỏ*.

Thành Cổ Loa còn có tên là thành Tư Long, có nghĩa là rồng uốn mình nằm trầm tư suy nghĩ. Thành được dựng ở vị trí trung tâm của nước Âu Lạc, trên một khu đất ở tả ngạn sông Hoàng Giang. Theo sử cũ và lưu truyền dân gian, thành được xây dựng quanh co chín lớp, xây dựng theo hình xoáy tròn ốc, tròn ốc là xóm Chùa, mình ốc là đường thành từ xóm Chùa qua xóm Chợ, xóm Hương, về Gò Cháy. Chất liệu xây dựng thành chủ yếu là bằng đất, đá và gốm vỡ. Dùng đá để kê cho chân thành được vững chắc, các đoạn ven sông ven đầm được kê đá nhiều hơn. Loại đá kê là loại đá tảng lớn và đá cuội được chở từ miền khác về. Kết hợp xen giữa các đám đất đá là những lớp gốm được rải dày mỏng khác nhau, rải nhiều nhất là ở chân thành và rìa thành để chống sụt lở. Phương pháp xây dựng thành là đào đất đến đâu, khoét hào đến đó, thành đắp đến đâu lũy xây đến đó.

Mặt ngoài lũy thì dốc thẳng đứng, mặt trong xoắn để đánh vào thì khó, trong đánh ra thì dễ, đắp lũy cao trung bình từ 4 - 5 mét, có chỗ 8 - 12 mét, chân lũy rộng 20 - 30 mét, mặt lũy rộng 6 - 12 mét, khối lượng đào đất ước tính 2,2 triệu mét khối. Mặt trên của thành thì có nhiều ụ đất cao và nhô ra phía ngoài để làm vọng gác và công sự phòng ngự (điển hình nhất là khu vực thành Nội), dưới chân thành các nhà khảo cổ học đã phát hiện ra nhiều di tích là nơi cư trú của cư dân trước khi xây dựng thành, thuộc buổi đầu thời đại đồ sắt. Với nền đất yếu nên việc xây dựng thành rất khó khăn và dễ đổ thành; do vậy việc kết hợp kê đá nhằm tạo thế vững chắc lâu dài cho thành.

Khi xây thành, người Việt cổ đã biết lợi dụng tối đa và khéo léo các địa hình tự nhiên. Họ tận dụng chiều cao của các đồi, gò, đắp thêm đất cho cao hơn để xây nên hai bức tường thành phía ngoài. Vì thế hai bức tường thành này có đường nét uốn lượn theo địa hình chứ không bằng theo đường thẳng như bức tường thành trung tâm. Người xưa lại xây thành bên cạnh sông Hoàng để dùng sông này làm hào bảo vệ thành và cung cấp nước cho toàn bộ hệ thống hào, cũng là đường thủy quan trọng. Con đầm Cả rộng lớn ở phía Đông cũng được tận dụng biến thành bến cảng, làm nơi tụ họp cho cả hàng trăm thuyền bè.

2.1.2.2. Cấu trúc thành Cổ Loa

Nghiên cứu về thành Cổ Loa, các nhà khảo cổ học đã đánh giá là “*Tòa thành cổ nhất, quy mô lớn vào bậc nhất, cấu trúc cũng thuộc loại độc đáo nhất trong lịch sử xây dựng thành lũy của người Việt cổ*”.

Hiện nay, di tích còn lại của thành gồm 3 vòng thành lũy đắp bằng đất (theo truyền thành Cổ Loa có 9 vòng xoắn tròn ốc), dài tổng cộng 16 km, cụ thể: thành ngoài, thành Trung và thành Nội.

Tường thành Ngoài (Ngoài): dài hơn 8 km, có chiều cao 3 - 4 mét, có chỗ lên đến hơn 8 mét. Đây là một tường thành khép kín, theo những gò đồng thiên nhiên, nên không có hình dáng rõ rệt. Có những đoạn tường thành không phải do đắp mà là gò đất cao tự nhiên có từ trước, hoặc có các thế đất tự nhiên sẵn có thì khi tường thành được xây dựng được đắp nổi vào đó.

Tường thành Trung (giữa): tường thành cũng làm khép kín, là một vòng thành không có khuôn hình cân xứng. Thành cũng được đắp nổi từ các gò đất tự nhiên và đắp men theo đầm hồ. Theo Cố GS. Trần Quốc Vượng, chiều dài của tường thành khoảng 6.500 mét, còn theo nghiên cứu của R.Despieres và Cl.Madrolle thì thành dài 6.150 m, cao từ 6 đến 12 m, mặt thành rộng trung bình 10m; chân thành rộng tới 20 m. Có năm cửa ở các hướng Đông, Nam, Bắc, Tây Bắc và Tây Nam.

Tường thành Nội (Trong): được xây dựng hoàn toàn khác với hai tường thành ngoài, có hình chữ nhật vuông vắn, chiều cao trung bình 5 m so với mặt đất. Mặt thành rộng khoảng 10 m, chân thành rộng từ 20 - 30m.

Ở mỗi vòng thành kể trên đều có hào nước bao quanh bên ngoài. Hệ thống hào đều được nối liền với nhau và nối với sông Hoàng Giang thành mạng lưới giao thông thủy liên hoàn và thống nhất.

Thành Ngoại ở phía Tây Nam và Nam, lợi dụng con sông Hoàng để làm hào thiên nhiên, chảy gần sát tường thành. Phía Tây Nam từ gò Cột Cờ, phía Đông từ Đầm Cả. Người xưa, đã đào ven khắp ngoài tường thành, có thể thấy nước sông Hoàng Giang chảy được khắp quanh thành.

Phần hào nước ở thành Ngoại nối với hào của thành Trung ở Đầm Cả và Cột Cờ.

Hào nước ở thành Nội được đào quanh tường thành. Vòng hào trong cùng này thì được khép kín, được nối với sông Hoàng bằng một trong năm lạch nước ở thành giữa.

Với vị thế xây dựng các hào nước như thế, thuyền bè có thể dễ dàng đến trú đậu ở Đầm Cả hay ra sông Hoàng Giang và từ đó có thể tỏa đi khắp các nơi. Theo truyền thuyết, vua An Dương Vương thường dùng thuyền đi hết các hào rồi ra sông Hoàng Giang. Sự kết hợp khéo léo giữa sông, hào và tường thành không có hình dạng nhất định hay rõ nét khiến cho thành Cổ Loa như một mê cung, tạo thành một khu quân sự vừa thuận lợi cho tấn công và tốt cho việc phòng thủ khi bị xâm phạm.

Thành Cổ Loa có 8 cổng (cửa), trấn giữ các hướng, các cửa đều được xây bằng gạch, ở mỗi cửa đều có một miếu thờ. Dấu tích nay vẫn còn ở các xóm: cửa Bắc ở xóm Thượng, cửa Đông - Bắc (địa phận làng Thư Cưu), cửa Tây Nam (cổng Bà Đám, xóm Gà), cửa Đông (ở cửa sông và cửa đầm), cửa Tây Bắc (hồ Thường Đổ), cửa Nam (một mặt tại xóm Chợ và một mặt tại xóm Vang) và cửa Tây Nam ở vòng thành thứ ba (xóm Mít - Mạch Tràng). Ở vòng thành Nội, cổng được xây dựng theo bốn hướng chính: Nam, Bắc, Đông, Tây, song chỉ mở cửa ở chính giữa tường thành phía Nam. Vòng thành Trung mở bốn cửa gồm các cửa: Trần Nam, Tây Bắc, Bắc và Tây Nam.

2.1.2.3. Ý nghĩa và giá trị của thành Cổ Loa

Thành Cổ Loa là công trình có quy mô lớn của dân cư Âu Lạc, thành được khởi xây và hoàn thành trong 13 năm. Ước tính số đất được đào đắp cần dùng để xây dựng thành đến hàng vài chục vạn mét khối, trong khi đó số dân cư Âu Lạc chưa vượt quá một triệu người, điều này đã thể hiện được tài năng sáng tạo của người dân Âu Lạc.

Nói đến thành Cổ Loa trước hết đó là một kinh thành, đồng thời còn là một quân thành, thị thành. Tại sao lại có thể nói điều đó? Kinh thành Cổ Loa là một kinh đô của đất nước Âu Lạc, là nơi đặt bộ máy cai trị, nơi có những thể chế của một đất nước. Kinh đô được xây dựng với kiểu dáng “Tam thành địa quách”, các thời kỳ phong kiến về sau cũng xây dựng tương tự với ba vòng thành: vòng thành Nội là nơi dành cho nhà vua và hoàng gia, thành Trung là nơi ở của các gia đình quan văn, quan võ và các triều thần trong triều đình và vòng ngoài cùng dành cho dân chúng ở và sinh sống. Các kiến trúc trong kinh thành không được vàng son như các đời sau nhưng cũng đủ các chi tiết vật thể: “Nền nhà lát gạch kẻ hoa văn, mái lợp ngói ống và ngói bản. Ngói có đóng đinh và đinh ngói cũng nặn bằng đất sét nung, đầu đinh vẽ hoa văn trang trí. Diềm mái chạy một hàng đầu ngói ống với các loại hoa văn trang trí hình mây cuốn...”
[27].

Thành Cổ Loa còn là quân thành đầu tiên của dân tộc ta, thể hiện được nghệ thuật quân sự tài giỏi của quân và dân Âu Lạc. Đây có thể coi là một công trình phòng ngự kiên cố, vững chắc nhưng cũng rất lợi hại gồm nhiều công trình phòng thủ (thành lũy, hào, ụ, công sự...); đồng thời cũng là một căn cứ xuất phát tiến công, kết hợp được giữa bộ binh và thủy binh, tại đây thuyền bè có thể dễ dàng đi lại khắp ba vòng hào của các tường thành để hợp tác chiến binh và thủy, từ căn cứ Cổ Loa tỏa ra các sông Hoàng Giang, ngược sông Hồng và xuôi sông Cầu để ra biển. [14, tr.31].

Kinh thành Cổ Loa còn được coi là thị thành đầu tiên của người Việt. Thời kỳ đó, kinh thành nổi lên là trung tâm trao đổi kinh tế (Chợ Sa), văn hóa (các di tích), trung tâm của hội tụ văn minh, một đô thị nông nghiệp, luyện kim (đúc đồng) và giao dịch.

Giá trị của thành Cổ Loa được thể hiện rõ ở các mặt sau:

Xét về quân sự: với số dân không vượt quá một triệu người, việc xây dựng được một kinh thành kiên cố quả không dễ, nhưng người Việt Cổ đã làm được và thành Cổ Loa thể hiện rõ nét sự sáng tạo độc đáo của người Âu Lạc trong công cuộc chống giặc xâm lăng, giữ nước. Thành Cổ Loa là một căn cứ phòng thủ vững chắc bởi cả ba vòng thành bởi được bao quanh các bức tường chắc chắn, các hào rộng, các ụ và lũy cao để có thể bảo vệ nhà vua, triều đình và cả kinh đô. Thành được xây dựng ở vị trí có thể lợi dụng được đường giao thông thủy bộ thuận lợi, tạo điều kiện thông thương dễ dàng và khi tác chiến thủy binh và bộ binh kết hợp được hài hòa. Sách “*Lịch sử Việt Nam, tập 1*” viết: “*Một nét độc đáo của thành Cổ Loa là toàn bộ cấu trúc của nó tạo thành một kiến trúc quân sự kiên cố được phòng vệ chắc chắn, kết hợp chặt chẽ giữa quân bộ và quân thủy*”. [18].

Xét về xã hội: Thành Cổ Loa còn phản ánh sự phân hóa xã hội của cộng đồng cư dân Âu Lạc, thể hiện rõ qua sự phân bố nơi cư trú, đã có sự phân chia từng vòng thành cho vua, quan, binh lính và dân. Vua quan được sống tách với

dân chúng và được bảo vệ rất chặt chẽ. Đó là minh chứng cho một xã hội có giai cấp rõ ràng, con người có bước tiến xa hơn so với thời các Vua Hùng.

Xét về văn hóa: Thành Cổ Loa nằm trong khu Di tích Cổ Loa đã trở thành một di sản văn hóa, một bằng chứng về sự sáng tạo, về trình độ kỹ thuật cũng như văn hóa của người Việt Cổ ; thể hiện rõ ở việc xây dựng thành khi họ sử dụng đá để kê dưới chân thành tạo sự chắc chắn, gồm rải ở rìa thành, có hào nước bao quang ngoài tường thành, các lũy thì đắp cao, tạo thế phức tạp. Điều đặc biệt là thành được xây dựng ở vị trí có địa hình tương đối hiểm trở, khó có thể xâm nhập được. Những điều trên là minh chứng cho khả năng nghệ thuật và văn hóa dưới thời An Dương Vương. Một nét đẹp trong văn hóa về Loa thành nữa là lễ hội Cổ Loa, cứ vào ngày mùng 6 tháng Giêng âm lịch, người dân trong làng Cổ Loa tung bừng tổ chức ngày lễ rước ở tai đền Thượng để tưởng nhớ đến những người có công xây dựng thành và đặc biệt là ghi nhớ ơn của vua An Dương Vương. Ngày 28 - 04 - 1962, Bộ Văn hóa ra Quyết định số 313/VH - VP xếp di tích Cổ Loa là Di tích Quốc Gia.

Với những minh chứng thực có của thành Cổ Loa như có nhà thơ đã viết:

“Thành quách còn ghi dấu Cổ Loa

Trải qua gió táp mưa sa ...

(Thơ Á Nam).

2.1.3. Văn chỉ

Trước đây, các làng đều có văn chỉ và nơi này là nơi thờ Khổng Tử và các bậc tiên hiền của Đạo Nho.

Văn chỉ làng Cổ Loa được xây dựng trên khu đất tương truyền là “*Dinh Ngô Quyền*” (944), gồm có bốn tòa nhà. Đây cũng là Văn chỉ của cả tổng Cổ Loa. Vào các dịp *Xuân tế* và *Thu tế* hàng năm (ngày “*Dinh*” của tháng Hai và tháng Tám), Hội Tư văn, những người có trình độ Nho học của làng đến Văn chỉ tế lễ để cầu mong cho những người học trong làng học hành thành đạt.

Làng Cổ Loa có một số người đỗ đạt cao trong các kỳ thi, có những người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước, tiêu biểu nhất là ông *Lại Duy Chí* đỗ Tiến sĩ khoa Canh Thìn niên hiệu Chính Hòa (năm 1700). Dưới chế độ mới của những năm sau Cách mạng Tháng Tám, làng Cổ Loa có đội ngũ trí thức cách mạng đã được đào tạo và phát triển cả về số lượng và chất lượng, trong số đó có những người được tin nhiệm và được giao vị trí quan trọng trong cơ quan Đảng và Nhà nước. Đó là một niềm tự hào lớn của người dân làng Cổ Loa.

2.1.4. Nhà bia

Nhà bia tọa lạc tại một khu đất cao trên đền Thượng. Trong nhà bia có các tấm bia đá dựng, có cả tấm bia to, nhỏ, nhưng điều đáng chú ý nhất là tấm bia lớn gồm bốn mặt. Mặt Bắc của tấm bia này có khắc chữ: “ *Tạo lập thạch bi*” (Tạo dựng bia đá), được dựng năm Vĩnh Thịnh thứ sáu (năm 1710), Tấm bia này thờ phụng khải định đền Thượng là nơi đầu tiên trong bốn ngôi đền thờ tiên ở nước ta: “ *Nước Việt Nam ta có đền thờ tiên, đền Cổ Loa là đền thứ nhất thờ An Dương Vương. Ngài là chân nhân của năm cõi, là bậc thánh đầu tiên vâng mệnh trời thay Họ Hùng và chuyển về đóng đô ở Phong Khê, đặt tên nước là Âu Lạc, có Cao Lỗ giúp việc trị nước được rùa vàng giúp sự linh quang “Nỏ Thần” ngăn giặc. Họ Triệu cho con sang làm con tin, xưng bề tôi, nước lớn sợ, nước nhỏ mến, phong tục tốt Uy của vua, Đức của Thần cùng mặt trăng, mặt trời sáng tỏ. Trái đời xưa đời nay ít thấy, đời sau được hưởng phúc vô cùng. Các triều đầu nối theo quy củ, công to được bao phong, lệnh ban cho thờ phụng*”. [7, tr. 21]. Bia lập ghi rõ các bằng chứng, sự tích để truyền lại mãi mãi, các điều liệt kê cụ thể như: *Sắc phong, tạo bài vị thánh bằng gỗ bạch đàn, tạo đôi ngựa hồng, các bài lệnh dụ lệnh chỉ*. Lệnh chỉ sớm nhất được khắc trên bia lưu trong nhà bia là của lệnh ngày 8 tháng Mười năm Hoàng Định thứ năm (1604) của Bình An Vương Trịnh Tùng.

Một số tấm bia khác được đặt ở xung quanh tấm bia lớn ghi lại một số luật lệ, quy định về sử dụng ruộng đất, trong đó có tấm bia “*Pháp điện sắc lệnh*” lập năm Vĩnh Thịnh thứ tư (1708) ghi lại sự kiện việc tranh chấp khu đất

50 mẫu ven thành Nội và đặc biệt là khu đất chợ Sa giáp ranh giữa hai làng Cổ Loa và Dục Tú, sau khiêu kiện kéo dài 45 năm trời, chính quyền xử phần đất thuộc về làng Cổ Loa) và đất đai dành cho việc thờ cúng, tế lễ. Ngoài ra, còn có các lệnh chỉ của một số vua đời Lê Nguyễn với việc thờ phụng tại ngôi đền này.

2.2. CÁC THÀNH TỐ VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

2.2.1. Tín ngưỡng thờ thành hoàng làng

Làng Cổ Loa thờ An Dương Vương ở Đền Thượng và đình Cổ Loa. Ở đền Thượng nhân dân thờ vua bằng bức tượng đúc bằng đồng.

Làng còn thờ Lý Ông Trọng và Cao Lỗ - hai nhân vật gắn liền với mảnh đất Cổ Loa, có công lao lớn trong việc giữ thành dưới thời An Dương Vương.

Cao Lỗ (còn gọi là *Đô Lỗ*, *Thạch Thần*) là vị tướng tài của Thục Phán An Dương Vương, quê tại xã Cao Đức, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh ngày nay. Tương truyền, ông là người chế ra *nỏ liên châu* mà còn được gọi là “*Nỏ Thần*”- bắn một lần được nhiều phát mà các mũi tên đều bịt đồng sắc nhọn. Chính ông là người đã khuyên vua An Dương Vương dời đô từ Bạch Hạc (Việt Trì) xuống vùng đồng bằng Cổ Loa đóng đô và Cao Lỗ đã được giao nhiệm vụ thiết kế và chỉ huy công trình xây dựng kinh thành. Sử sách cũ đã thần thánh hóa gọi vị tướng này là “*Linh Quang Thần Cơ*”. Dân gian thường gọi ông là Ông Nỏ vì đã phát minh ra nỏ thần, lại có tài bắn nỏ. Sách “*Lĩnh Nam chích quái*” chép, *cứ đem nỏ ra chĩa vào quân giặc là chúng không dám đến gần. Cao Lỗ huấn luyện cho hàng vạn binh sỹ ngày đêm tập bắn nỏ. Vua An Dương Vương thường xem tập bắn trên “Ngự xạ đài”, dấu vết này nay vẫn còn (hiện ở xóm Vang - Cổ Loa).*

Lý Ông Trọng gốc là người làng Chèm (xã Thụy Phương, huyện Từ Liêm, Hà Nội), là vị tướng sống dưới thời Hùng Duệ Vương và đầu thời vua An Dương Vương. Vào thời Hùng Vương thứ 18 giữ một chức nhỏ ở huyện ấp, đến thời vua Thục Phán ông là một vị tướng giỏi giúp vua và được cử đi sứ ở nước Tần.

Dưới đời An Dương Vương, hai vị tướng này có công trạng lớn, thuộc “*tứ trụ triều đình*” trong đó, Văn Tín Hầu - Lý Ông Trọng là tướng quốc, tướng công, giữ chức Hữu thừa tướng - Thái sư đệ nhị và Cảnh Cao Hầu - Cao Lỗ giữ chức Thái phó cai quản việc quân. Hiện nay, tại đền Thượng có thờ tướng tài Lý Ông Trọng, còn thần Cao Lỗ đã được nhân dân lập một ngôi đền (dân trong làng còn hay gọi là điếm thờ) riêng tại xóm Chùa, nằm ngay bên đường đi vào cụm di tích đình Cổ Loa, am Mỹ Châu và chùa Bảo Sơn. Vào năm 1982, Cố GS. Trần Quốc Vượng đã đắp bức tượng đá Cao Lỗ trong tư thế giương cung bắn nỏ thần, bức tượng đá này được dựng ở giữa hồ nước trước ngôi đền này. Dân làng đã lập đền thờ hai vị tướng này nói riêng và thờ những người có công với làng thể hiện rõ sự biết ơn, ghi nhớ công lao to lớn của cha ông đi trước.

Với việc thờ những người có công với làng, với nước, trong một năm làng Cổ Loa có các tiết lệ sau:

Tháng Giêng: Trong ba ngày Tết Nguyên đán mỗi ngày sửa một cỗ gà, oản, rượu, hoa quả ở đình. Theo Bản Hương ước sao lại năm 1942 đã quy định: mỗi cỗ xôi gà trong ba ngày này trị giá 3 đồng (gà có giá 1,5 đồng, rượu giá 0,3 đồng, hoa quả 0,6 đồng).

Ngày mùng 4, sắm lễ xôi gà, oản, hoa quả để thờ thần, đồ lễ này giá 9 đồng (gà 3 con giá 4,5 đồng, xôi giá 1,5 đồng, rượu giá 0,9 đồng, trầu cau hoa quả giá 1,8 đồng).

Ngày mùng 6, Hội bát xã cùng thờ vua An Dương Vương. Buổi sáng mỗi làng trong bát xã đều sửa soạn một lễ chay gồm oản và hoa quả trị giá 2 đồng (oản giá 1,5 đồng, hoa quả 0,5 đồng). Buổi tối làm lễ Nhập tịch, làng Cổ Loa có nhiệm vụ sửa soạn lễ xôi lợn, hoa quả giá 15 đồng (giá lợn 10 đồng, xôi giá 2 đồng, rượu giá 1 đồng, hoa quả giá 1 đồng, trầu nước giá 1 đồng).

Ngày mùng 7, mừng công chúa Mỹ Châu sinh, lễ vật như lễ Nhập tịch.

Ngày mùng 9, ngày kỷ niệm An Dương Vương đăng quang (lên ngôi), sửa lễ gồm bò, xôi, rượu, chè và hoa quả. Vào buổi tối có hát ca trù. Tổng các

chi phí cho ngày này là 37 đồng (bò giá 25 đồng, xôi 5 đồng, rượu 2 đồng, chè 1 đồng, hoa quả 1 đồng, chi phí cho Ca công hát ca trù 3 đồng).

Tháng Hai và tháng Tám: lễ Xuân tế và Thu tế lễ sắm cũng như lễ Nhập tịch.

Tháng Ba: ngày mùng 7, kỷ niệm ngày mất của An Dương Vương, lễ vật như lễ Nhập tịch.

Tháng Sáu và tháng Bảy: chọn ngày tốt để làm lễ Hạ điền (mở đầu vụ cấy) và Thượng điền (kết thúc vụ cấy), sửa soạn lễ xôi gà, hoa quả tế Tiên nông, mỗi lễ giá 3 đồng, giống như lễ trong ngày Tết Nguyên Đán.

Tháng Tám: ngày 11, kỷ niệm ngày sinh của An Dương Vương, lễ vật như lễ kỷ niệm Vua đăng quang (mùng 9 tháng Giêng).

Tháng Mười : chọn ngày tốt đầu tháng, làm lễ *Thường tân* (lễ cơm mới), lễ vật giống như lễ Nhập tịch.

Tháng Chạp: làm lễ *Rước mã* (thay quần áo cho Thần), sửa soạn lễ oản quả, trà rượu giá 3 đồng. Đêm 30 lễ Trừ tịch, sửa soạn lễ xôi gà giá 5 đồng (gà 4 con giá 3,2 đồng, xôi giá 0,5 đồng, rượu giá 0,3 đồng, hoa quả giá 0,5 đồng, pháo hoa giá 0.5 đồng).

Ngoài ra, vào hai ngày Sóc (mùng một âm lịch), Vọng (ngày Rằm) của mỗi tháng. Thủ tục ở đình, đèn sắm sửa lễ giá 3 đồng.

2.2.2. Hội Cổ Loa (Hội “Bát xã hộ nhi”)

Thành Cổ Loa được xây dựng bao xung quanh tám làng. Vì thế, tất cả các làng này đều thờ An Dương Vương và cùng tổ chức hội lớn tại Cổ Loa, gọi là *Hội Bát xã Cổ Loa*. Sau này, khi có những thay đổi về hành chính nhưng khi vào chính hội Cổ Loa thì đó vẫn là ngày hội chung của Hội Bát xã (Bát xã hộ nhi). Đó là các làng : Cổ Loa, Đài Bi, Sắn Giã, Cầu Cả, Mạch Tràng, Văn Thượng, Thư Cưu và Ngoại Sát (Xép).

2.2.2.1. Phần Lễ

Hội Cổ Loa là một lễ hội lớn ở vùng Kinh Bắc xưa, tổ chức ngày đầu năm. Trong dân gian xưa thường có câu:

*“Thứ nhất là Hội Cổ Loa,
Thứ nhì Hội Gióng, thứ ba hội Chèm”.*

Vào những năm đầu thế kỷ XX trở về trước lễ hội Cổ Loa được tổ chức từ ngày mùng 5 tháng Giêng đến hết ngày 18 tháng Giêng. Ngày nay, lễ hội vẫn duy trì được nhiều tục lệ truyền thống. Hàng năm, ban tổ chức lễ hội được thành lập gồm đại diện Đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể trong làng kết hợp với Trung tâm bảo tồn khu Di tích Cổ Loa - Thành cổ Hà Nội để tổ chức hội tháng Giêng để tưởng nhớ vua An Dương Vương, Người đã cho xây dựng thành Cổ Loa và lên ngôi Vua vào ngày mùng 6 tháng Giêng năm Giáp Thìn thế kỷ thứ III TCN. Bên cạnh hội chung của tám làng xã (Bát xã hộ nhi) vào những ngày tiếp sau, có hội riêng của từng làng đến ngày 16 tháng Giêng. Xưa cũng như nay, trong tâm thức người dân Cổ Loa *“Bỏ con bỏ cháu, không ai bỏ ngày mùng 6 tháng Giêng”*.

Trung tâm hội là Đền Thượng hay gọi Đền thờ An Dương Vương.

2.2.2.1.1. Chuẩn bị

Để chuẩn bị cho các lễ nghi và nghi thức diễn ra có trật tự, tôn nghiêm thể hiện rõ được nét đẹp truyền thống vốn có được người dân chính thức công nhận. Việc chuẩn bị cho dịp lễ này là từ tháng 10. Hội đồng Bát xã đã cùng họp và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng làng xã:

- Làng Cổ Loa (nay thuộc xã Cổ Loa) là nơi đặt chính của đền thờ An Dương Vương đảm nhận làm chủ tế, cử Đông xướng và thảo *“Chúc vãn”*.
- Làng Văn Thượng (nay là thôn Văn Thượng xã Xuân Canh) làm nhiệm vụ *“Đọc chúc vãn”*.
- Làng Mạch Tràng (nay là thuộc xã Cổ Loa) cử Tây xướng.
- Làng Cầu Cả (nay là thôn Cầu Cả xã Cổ Loa) được *“Phúng chúc”* (bung chúc).

- Làng Ngoại Sát (Xếp) nay thuộc xã Cổ Loa có nhiệm vụ “*củ soát*” tế phẩm, tế vật của các làng mang đến dâng vua.

- Các làng còn lại là làng Sần Giã, Đài Bi và Thư Cưu làm nhiệm vụ “*Phủng tước*” (dẫn rượu) và “*Phủng hương*” (dẫn hương). Làng Thư Cưu theo tục lệ cổ có nhiệm vụ chính đó là “*Khai bếp*”, đảm đương là đầu bếp của nhà vua.

Mỗi làng đều cử một người bồi bái. Ngoài việc tham gia vào tổ chức hội lớn của vùng, các làng cũng nhận nhiệm vụ chuẩn bị lễ hội của làng mình.

- *Việc đầu tiên là cử người đánh trống, đánh chiêng hay còn gọi là bầu “Thủ hiệu”*. Tiêu chuẩn chung của những người này ở tất cả các làng là người song toàn, có đạo đức... Trống cái, chiêng điều khiển phát cờ, còn trống khau và kiêng để dẫn đường, cầm nhịp đi cho đều. Người được làng bầu thủ hiệu phải tự túc trang phục, gồm quần ống sớ, áo mớ ba (áo trắng dài trong cùng, ở lớp giữa là gấm in chữ Thọ, lớp ngoài cùng là áo may bằng the bóng; khăn xếp hình chữ nhân, giày Ký long). Làng chỉ cấp cho một chiếc lọng màu đen, người che khi đi cùng khi rước, cử một người cấp tráp trâu cau và thêm một người bưng ống trúc đi bên cạnh trong đám rước.

- *Tiếp là Đội tế* là những người được làng cử vào tống đội tế, họ tự may lấy quần áo, giày, mũ đội...

- *Đội múa cờ* : gồm 8 người, mặc quần áo lậu được thắt lưng “bó que”.

- *Đội rước cờ* : có 10 người , mặc áo the khăn xếp.

- *Đội quân châu* (tức những người phục vụ) được tập thể sắm quần áo gồm: Quần trắng, áo bên trong mặc màu trắng, áo ngoài là áo lậu màu đỏ, chân thì quần xà cạp, đầu được chít khăn vàng.

- *Đội trống lễ gồm*: 8 người mặc áo the khăn xếp.

- *Đội bát âm* cũng gồm 8 người mặc áo the khăn xếp.

- *Đội rước “bát bửu” văn*: có 8 người, mặc áo the khăn xếp.

- *Đội rước đồ đồng bát bửu* gồm 8 người : không mặc áo the mà mặc áo võ, đầu đội mũ của quan võ.

- *Đội bảo vệ dọn đường*: bên cạnh những đội rước khác thì đội dọn đường rất quan trọng để cho đoàn rước đi không bị tắc đường, thiếu trật tự. Đội này mặc áo lụa, tay cầm thước và miệng thổi tù và.

- *Ban bài sập*: chính là ban chỉ đạo, quản lý đoàn rước trong lễ hội.

Trong *Hội bát xã hộ nhi* thì trừ làng Cổ Loa, còn các làng khác đều chuẩn bị hai kiệu:

- *Kiệu bát cống*: là kiệu dùng để rước lễ cúng An Dương Vương.

- *Kiệu Minh đình*: là kiệu rước bài vị của tướng Cao Lỗ (Ông Nỏ).

Đây là hội chung cho các làng trong vùng đều thờ Thục Phán nhưng riêng làng Cổ Loa thì có vị trí đặc biệt. Cổ Loa là nơi đóng đô của vua, lại là làng sở tại tổ chức lễ hội nên công việc chuẩn bị sẽ công phu và chu đáo hơn, bao gồm các đội rước:

- *Đội rước hương án* gồm:

+ Rước hương án tiền có bát hương.

+ Hương án rước cung nỏ thần.

+ Hương án rước Long mào (mũ của vua).

+ Hương án rước Long hài (giày của Vua).

- *Làng chuẩn bị 3 kiệu*: các kiệu để rước An Dương Vương, tướng quân Cao Lỗ và Bà chúa My Châu, cụ thể:

+ Kiệu Bát cống rước An Dương Vương (riêng kiệu này có màn che trên); có 16 người thay nhau để rước kiệu bát cống, 4 người thay nhau cầm tán tía che kiệu Bát cống, 8 người thay nhau cầm màn che dưới tán. Ở đây, trang phục quần áo của làng Cổ Loa cũng mặc như các làng khác.

+ Kiệu Minh đình rước tướng quân Cao Lỗ.

+ Kiệu Thất phương (kiệu võng) rước Bà chúa My Châu.

Ngoài ra, làng còn cử 2 đội múa: mỗi đội 6 - 8 người, 3 đội nhạc lễ: gồm đội nhạc bát âm, đội trống và đội kèn. Mỗi đội kiệu danh dự gồm 10 - 12 người. Bên cạnh đó, còn có một đội tàn vàng: có 8 - 10 người.

Một công việc chuẩn bị cũng không kém phần quan trọng nữa là các đồ tế phẩm dâng vua. Những đồ tế phẩm này chính là những đặc sản riêng của vùng đất Cổ Loa, rất gần gũi với cuộc sống của người dân, bởi những nguyên liệu tạo sản phẩm ở đây chủ yếu là sản phẩm nông nghiệp do người dân tự trồng cây mà làm được. Nổi bật là Bông Chủ. Vào dịp đầu năm khi chính thức bắt đầu lễ hội Cổ Loa, khắp vùng trong *Bát xã Loa thành* thi nhau làm Bông Chủ. Ngày xưa, đặc sản Bông chủ chính là lương khô để nuôi quân sĩ đánh giặc, sản phẩm này được làm dưới bàn tay khéo léo của những người dân Cổ Loa. Nguyên liệu của Bông chủ là thóc nếp cái hoa vàng được mua ở làng Dục Tú (thóc ở làng này thì khi rang lên nở bông to và đều), mật ong (từ Mai Lĩnh, huyện Chương Mỹ), có lạc rang và thêm thảo quả. Các bước tiến hành làm Bông cũng rất công phu và kỹ lưỡng, phải chọn đúng loại thóc ngon rang lên thành bông, rồi trộn đều với mật ong (có thêm chút gừng để tạo mùi thơm) thảo quả và lạc rang. Trong khi trộn các nguyên liệu phải chú ý cho độ ngọt vừa đủ để có thể bảo quản được lâu.

Ngoài Bông Chủ là đồ cúng chính thì trong lễ hội, người Cổ Loa còn làm xôi đóng thành oản, rước vào dâng vua. Sau khi tế, thì Hội bát xã còn có ban giám khảo để chấm thi đua cho các làng. Làng nào đồ xôi khéo, đóng oản chặt, đẹp mà đảm bảo hạt gạo thật trong, thật rền, trang trí sao cho mâm oản đẹp, sẽ được trao giải thưởng.

Đây là một hội lớn, nên công tác chuẩn bị rất kỹ, thu hút hầu hết công sức và thời gian của những người trong làng trong vùng. Điều cao hơn cả chính là hàng năm, những người dân các làng và du khách thập phương có một lễ hội lớn mang đậm tính truyền thống, bản sắc văn hóa riêng có của vùng đất Cổ Loa lịch sử này. Nếu như người dân Việt nói chung coi ngày mùng 1 là Tết thì ở riêng Cổ Loa, ngày mùng 6 tháng Giêng mới là ngày Tết thực sự. Các gia đình đều tất

bật, chu toàn cho việc chuẩn bị, tiếp khách. Họ quan niệm, gia đình đón được nhiều khách đến thì năm đó sẽ thuận lợi và phát đạt công việc, làm ăn. Từng thành viên trong gia đình, mỗi người mỗi việc và ai cũng cố gắng hoàn thành để cả việc nhà, việc làng đều trọn vẹn.

2.2.2.1.2. Nghi lễ tổ chức

Sau những ngày tất bật để hoàn tất công việc chuẩn bị cho lễ hội. Vào đúng 7 ngày mùng 6 tháng Giêng, giờ lễ hội đã chính thức bắt đầu. Các làng được phân công nhiệm vụ cụ thể đã sẵn sàng khởi kiệu để rước đến làng Cổ Loa. Tùy theo từng làng với nhiệm vụ cụ thể mà ban tổ chức sắp xếp thứ tự vị trí khác nhau:

- Phía bên Tây (ở bên phải đền An Dương Vương) gồm các làng: Mạch Tràng, Sàn Giã, Đài Bi và Cầu Cả, tập trung tại thành ngoại.

- Phía bên Đông (ở bên trái đền An Dương Vương) gồm các làng: Văn Thượng, Ngoặt Sắt và Thư Cưu, tập trung tại Chợ Sa.

Trong sân đền được bài trí cờ quạt rực rỡ và trải một hàng chiếu cạp điều làm chỗ để tế thần. Ngoài cửa đền có hai con ngựa gỗ (ngựa hồng, ngựa bạch) đứng chầu. Hai bên đường đi vào đền có các giá gỗ cắm cờ quạt và bộ bát bửu. Trước đền được đặt một hương án lớn, trên để hộp kính đựng đôi hia vàng và các đồ thờ. Trước hương án lớn là hương án nhỏ hơn trên đó có bày những khí giới của An Dương Vương như cung, kiếm, tên và nỏ.

Các đoàn rước đã đứng theo sự sắp xếp của ban tổ chức. Khi có tiếng trống lệnh phát ra, cả hai đoàn từ phía bên Tây và bên Đông cùng tiến vào đền Thượng, đến đầu hồ ở phía Tây nhập làm một, theo các thứ tự: Số 1: làng Văn Thượng, số 2: làng Mạch Tràng, số 3: làng Sàn Giã, số 4: làng Ngoặt Sắt, số 5: làng Đài Bi, số 6: làng Cầu Cả, số 7: làng Thư Cưu. Lần lượt theo số thứ tự các đoàn rước tiến vào sân rồng Đền Thượng:

- Số chẵn: 2, 4, 6 các kiệu đi bên Tây của đền Thượng.

- Số lẻ: 1, 3, 5, 7 các kiệu đi bên Đông khu đền Thượng.

Khi có tiếng trống lệnh tiếp theo, các đơn vị theo thứ tự tiến vào cung vua. Làng được vào tiến cung vua đầu tiên là “*Anh Cả Quây*”. Như đã dẫn ở trước đó, Cả Quây là làng gốc dân Cổ Loa. Khi An Dương Vương quyết định chuyển kinh đô xuống mảnh đất Cổ Loa để xây dựng kinh thành thì đã chuyển dân Chạ Chủ vốn sinh sống ở đây từ trước đến vùng đất khác. Vì vậy, về sau vào những dịp hội Cổ Loa, đầu tiên vào cung tiến vua bao giờ cũng là Anh Cả Quây. Điều này thể hiện lòng biết ơn, kính trọng đối với những người đi trước - một nét đẹp truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Sau phần tế, Hội Bát xã hộ nhi lần lượt tiến lễ bằng oản phẩm dâng nhà vua, thường gọi là “*Thi lễ*” cho Bát xã. Thông qua tục lệ này nhằm khuyến khích, động viên nhân dân của Bát xã thi đua lao động sản xuất, giữ gìn làng nghề truyền thống của quê hương, địa phương mình.

Nghi lễ mở đầu cho hội diễn ra trong không khí trang nghiêm, tôn kính mang tính tưởng niệm thiêng liêng, biết ơn An Dương Vương đã có công lao lớn trong sự nghiệp dựng nước và phát triển đất nước Âu Lạc trong 50 năm. Không chỉ riêng ở làng Cổ Loa hay các làng trong vùng thờ An Dương Vương, các làng khác trên đất nước cũng thờ cúng tưởng niệm. Nhưng chỉ khi về với Cổ Loa, du khách mới gặp được cả một không gian lễ hội hoành tráng và thiêng liêng để tưởng niệm vua An Dương Vương mà được sự tham gia, ủng hộ nhiệt tình từ phía nhân dân.

Hội Cổ Loa có thể được phác họa thông qua lược đồ lễ hội sau đây:

Ban Bài sập - Dẹp đường - Đội nhạc trống - Đội ngựa hồng - Đội múa cờ - Đội rước bát bửu (võ) - Hương án tiền (có bát hương đại) - Kiệu Cao Lỗ (có quạt che kiệu) - Đội múa cờ - Đội rước đồ đồng bát bửu - Đội nhạc bát âm - Đội rước các biển “Hồi ty” (tránh xa), “Tính Túc” (đi cho nghiêm túc) - Đội cầm cờ lệnh - Hương án cung nỏ thần (có Lọng vàng che trên) - Hương án long hài (có lọng vàng che trên) - Đội kiếm danh dự - Đội rước biển - Đội cờ lệnh - Kiêng và trống khải - Đội rước tàn vàng - Siêu đao - Cờ lệnh - Biển “Hồi ty” (tránh xa), “Tính Túc” - Kiệu vua An Dương Vương (Tán tía che màn và có màn che trên)

- Kiệu bà chúa My Châu (Quạt - Tán tía, kiệu Thất phượng là kiệu võng, xung quanh có màn tua che) - Quan viên tế (100 người) - Đội cờ Văn Thượng (ngũ hành) - Đội phát cờ - Đội nhạc lễ - Đồ đồng bát bửu - Biễn nghiêm túc - Đội cờ lệnh - tàn vàng - Kiệu Minh Đỉnh - Kiệu bát cống - Quan viên - Đoàn rước Mạch Tràng - Đoàn rước Sắn Giã - Đoàn rước Ngoại Sát - Đoàn rước Đài Bi - Đoàn rước Cầu cả - Đoàn rước Thư Cưu [13].

Sau các lễ thức tế, các làng vào đền làm lễ. Cuộc lễ kéo dài đến trưa mới xong. Lễ hội tiếp tục với phần rước thần.

- Đi đầu là cờ quạt rồi đến long đình, cùng với lộ bộ bát bửu.

- Tiếp theo là phường bát âm và các quan viên đội mũ tế áo thụng, đai hia, tay bưng các vũ khí của nhà vua.

- Liên sau đó là chức sắc và trai đình xóm Chùa làng Cổ Loa khiêng long đình trên có bài vị của nhà vua; chức sắc và dân của các làng khác, mỗi làng rước kiệu của mình, với cờ quạt, phường bát âm riêng.

Toàn bộ đám rước rất dài, lại đi rất chậm, dàn sáo tung bùng. Đường đi bắt đầu từ đền Thượng vòng quanh giếng Ngọc rồi theo đường chân thành Nội tới đình Ngự Triều. Đi sau mỗi kiệu có 4 trai đình mỗi người cầm một cây cờ đại, vừa đi vừa múa. Tới ngã tư ở cửa điểm làng Cổ Loa kiệu làng nào quay về làng ấy. Riêng kiệu của làng Cổ Loa thì quay vào Đình Ngự triều di quy, được đặt trước sân đình và dân Cổ Loa lại làm lễ thần lần nữa. Buổi chiều tế xong, kiệu được rước sang đền Thượng.

Các đoàn rước rộn ràng trong không khí tung bùng của ngày lễ hội. Các làng hồ hởi đón các đoàn rước về đình làng. Kiệu được hạ xuống sân đình trong không khí trang nghiêm. Các làng để kiệu và tổ chức cho đến hết ngày hội.

Sau ngày hội chính, các làng cũng tổ chức hội riêng ở làng mình.: làng Văn Thượng ngày mùng 8, làng Đài Bi và làng Ngoại Sát vào ngày mùng 9, làng Mạch Tràng ngày mùng 10, làng cầu Cả ngày 11 và làng Thư Cưu ngày 16.

Riêng làng Cổ Loa ngày mùng 6 tháng Giêng cũng là ngày hội chính của làng; còn làng Sần Giã vì là một làng nhỏ nên không tổ chức hội riêng.

Đề hội làng diễn ra được, người dân các làng đều đóng góp theo khẩu phần ăn và nhờ sự tài trợ của các cá nhân hay gia đình có điều kiện.

Ngày nay, tuy cuộc sống có nhiều bộn bề, tất bật nhưng dân làng ở vùng đất Cổ Loa vẫn giữ được nét đẹp truyền thống của địa phương bằng việc hàng năm tái hiện lại lễ hội Cổ Loa. Việc tổ chức một hội lớn như vậy thể hiện sự nỗ lực, quan tâm của chính quyền, các ban ngành, đoàn thể cùng với những người dân trong làng Cổ Loa và các làng khác trong tám làng xã. Tất cả những việc làm trên là đều hướng đến điều thiện, sự thiêng liêng, thành kính và lòng biết ơn đối với công lao của những thế hệ cha ông đi trước.

2.2.2.2. *Phần hội*

Đến với lễ hội Cổ Loa, du khách không chỉ được hòa trong không khí thiêng liêng của các nghi thức tế lễ mà còn được đắm mình trong các trò chơi dân gian truyền thống và hiện đại.

Các trò chơi dân gian được tổ chức tại đây là bắn nỏ, đánh đu, chọi gà, đánh vật, chơi cờ người, kéo co, leo dây, ném còn ..., nhằm tái hiện lại không gian sống một thời dưới đời vua An Dương Vương; thu hút rất nhiều thanh niên tham gia tạo không khí vui tươi, rộn ràng trong ngày hội của làng.

Ngoài các trò chơi, còn có các cuộc vui văn nghệ. Những ai yêu thích những điệu chèo hay hát giao duyên, dân ca Quan họ, thiết tha và đầy tình tứ của các liền anh, liền chị xứ Kinh Bắc thì về với Cổ Loa dịp lễ hội sẽ được thưởng thức tại Hồ bán nguyệt trước đền Thượng. Có năm hội còn có cả chương trình múa rối nước rất hấp dẫn sự quan tâm của mọi người.

Một điều thú vị thu hút du khách đến với hội Cổ Loa là ẩm thực. Tại đây, mọi người có thể tham gia thi nấu các món ăn truyền thống đặc trưng của vùng, ngoài Bỏng chủ thì món bún cần cũng được chú trọng. Loại bún ở Cổ Loa không giống với các loại bún khác, bởi cách thức và công đoạn làm ra. Nước dùng để

làm bún thì được lấy từ Giếng Trọng Thủy, tạo nên một thứ bún không trắng ngần như thường thấy; mà sợi bún hơi đen và dai hơn, thường được dùng kèm với nem cuốn sống hay đậu phụ chằm mắm tôm. Tương truyền bún cần có từ thời An Dương Vương, tại lễ ăn hội công chúa My Châu. Món bún xào cần là món ăn không thể thiếu trong dịp ăn “sêu” và dịp lễ hội ở Cổ Loa (ăn sêu là ngày Triệu Đà đem lễ vật ăn hội công chúa My Châu cho Trọng Thủy, cả kinh thành Cổ Loa mở tiệc ăn mừng vào ngày 13 tháng Tám). Ngày nay, vào ngày này, người dân Cổ Loa vẫn tổ chức ăn mừng ngày công chúa My Châu ăn sêu vui vẻ:

“Mười ba tháng Tám cả thành Loa

Ăn sêu chúa My chọn chồng Tân

Cầm sắt đương nông, dây đứt nhíp

Vui buồn sáo trộn cổ kinh Loa”.

Ngoài đền thờ An Dương Vương ở Cổ Loa, còn có đền thờ vua (*Đền Cuông*) ở chân núi Mộ Dạ, thuộc tỉnh Nghệ An; song mỗi khi nhắc đến đời An Dương Vương, người dân thường nhớ đến mảnh đất Cổ Loa lịch sử. Đến với làng Cổ Loa vào dịp hội là thời điểm hợp lý để tìm hiểu về những nét văn hóa hay giá trị lịch sử. Những ngày lễ hội tại đền Thượng cũng là ngày nhân dân trong vùng nói riêng và du khách thập phương nói chung có dịp ôn lại lịch sử đánh giặc giữ nước của tổ tiên; chiêm ngưỡng những di sản văn hóa còn lại của kinh thành cũ và đặc biệt là tham gia vào các trò chơi dân gian hấp dẫn trong lễ hội.

2.2.2.3. Ý nghĩa của lễ hội

Từ xa xưa cho đến ngày nay, lễ hội đã trở thành một nét đẹp truyền thống của từng vùng miền trên khắp đất nước Việt. Hội được tổ chức để tưởng nhớ những người có công với làng, với nước; thể hiện những nét văn hóa, giá trị lịch sử đặc trưng cho vùng miền. Hội Cổ Loa cũng mang những ý nghĩa tốt đẹp đó.

Hòa trong không khí của những ngày đầu xuân, hội Cổ Loa được tổ chức với quy mô lớn có sự tham gia của tám làng xã. Bằng các nghi lễ, hội đã tái hiện đầy sinh động các nét đẹp văn hóa, lịch sử cùng với đặc sản riêng của vùng. Đây là dịp mọi người có thể cùng nhau tham gia vào sinh hoạt chung mang tính gắn kết cộng đồng, để làm lên sự thành công của lễ hội đòi hỏi mọi người phải đoàn kết, cố gắng hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Hội Cổ Loa được tổ chức nhằm ghi lại những dấu ấn của một mảnh đất đã hai lần được vinh dự làm kinh đô của đất nước; thể hiện tấm lòng thành kính, biết ơn công lao của An Dương Vương đã xây dựng và gìn giữ đất nước Âu Lạc trong vòng 50 năm; giúp cho các thế hệ sau có thể tự hào về tổ tiên, các bậc cha ông và ý thức được tầm quan trọng của việc gìn giữ, phát huy những truyền thống của đời trước để lại.

2.2.3. Phong tục tập quán

Nền văn hóa truyền thống của người Việt được hình thành trên cơ sở của nền văn minh nông nghiệp mà cụ thể là văn minh lúa nước. Cuộc sống của mỗi người dân Việt đều gắn bó mật thiết với xóm làng, quê hương với những hình thức, thói quen sinh hoạt, văn hóa khác nhau, được con người lưu truyền từ đời này sang đời khác. Từ đó, hình thành các phong tục tập quán mang tính truyền thống rõ nét riêng có của từng vùng.

2.2.3.1. Tục trọng lão

Cũng giống như các tục lệ của làng khác, luôn coi trọng những người cao tuổi. Người con trai ngay từ khi còn bé cho đến lúc cao tuổi nhất đều vào giáp để tham gia các công việc của làng. Tùy từng lứa tuổi mà tham gia vào ngôi thứ của làng. Tuổi được trọng vọng nhất là những người có tuổi cao, bậc cao niên nên làng có tục khao lão hay lên lão.

Ở làng Cổ Loa, tuổi lên lão là 60. Những người có độ tuổi lên lão được coi là những người trai đinh đã hoàn thành nhiệm vụ với làng, với nước, không phải gánh việc làng theo đơn vị giáp, không phải gánh thuế thân, được ngồi chiếu trên để hưởng quyền lợi, lên cao hơn là *cụ thượng*. Theo bản hương ước

lập lại vào năm 1942, có quy định số tiền nộp khao: Đối với hương lão 50 tuổi, có lễ khao gồm 5 đồng, 1 buồng cau và hai chai rượu, đối với hương lão 61 tuổi trở lên có lễ khao là 2 chai rượu và 1 buồng cau. Đây cũng được coi là một nét đẹp của truyền thống văn hóa “*Kính già, già để tuổi cho*” hay “*Kính lão đắc thọ*”.

2.2.3.2. Tục kết nghĩa

Tục kết nghĩa ở làng Cổ Loa vừa mang những nét chung của kết nghĩa làng xã, vừa có những nét độc đáo riêng.

Trước Cách mạng, làng đã kết nghĩa với làng dân Chạ Chủ gốc là làng Quây (nay thuộc xã Liên Hà). Xóm Thượng làng Cổ Loa kết nghĩa với làng Thư Cưu và làng Lương Quán. Hình thức kết nghĩa mang nhiều ý nghĩa tốt đẹp, trở thành mỹ tục được lưu truyền cho đến ngày nay. Nét đẹp này được hình thành và cũng xuất phát từ nhiều lý do và các đặc điểm sau:

- Những người dân của làng gọi người của làng kết chạ với mình (xét theo bình diện cá nhân hay cũng như cả cộng đồng) là “*Quan anh*” và xưng mình là “*em*” hay “*bên em*”.

- Xét theo quan hệ hôn nhân thì trai gái hai bên không được phép yêu nhau và đi đến hôn nhân; bởi khi kết nghĩa với nhau thì cũng như anh em trong một nhà.

- Vào mỗi mùa lễ hội của làng hay những ngày thờ thần được tổ chức hàng năm, cũng là dịp để hai bên làng kết nghĩa với nhau có cuộc giao lưu, thăm viếng qua lại. Tinh thần đoàn kết anh em còn được thể hiện rõ nét trong dịp hai bên có công to việc lớn như: Dựng, sửa chữa đình đền, đắp đê, xây dựng các công trình thủy lợi...; hoặc những lúc có khó khăn, hoạn nạn (hỏa hoạn, mất mùa đói kém, gặp thiên tai lũ lụt) đều được bên “*Quan anh*” đến chia sẻ hay giúp đỡ, dù có lời mời hay không. Chẳng hạn, xóm Thượng làng Cổ Loa do đông đình, lại cận cư, cận canh nên luôn giúp làng Thư Cưu trong việc bảo vệ an ninh và tổ chức tang lễ cho người mất.

- Khi gặp phải các xích mích thì hai làng thường giải quyết bằng cách nhường nhịn, tự nhận lỗi và phần thiệt về mình. Nếu như mâu thuẫn đến mức độ lan rộng hơn, ảnh hưởng đến “Quan anh” thì làng phải đứng ra xin lỗi “Quan anh” hoặc cá nhân hay chính người gây ra lỗi, phiền phức thì có trách nhiệm chịu trách phạt của dân làng.

Ngoài ra, bên cạnh việc các làng kết chạ với nhau thì ở ngay trong các xóm, thôn cũng duy trì hình thức này. Và ở làng Cổ Loa là một điển hình và tiêu biểu. Đây có thể coi là một nét đẹp tạo tính đoàn kết không chỉ cho những người dân ở trong thôn, xóm của làng Cổ Loa mà còn mang tính gắn kết cộng đồng với những làng khác trong vùng. Chính bởi điều này, hình thức *kết chạ* vẫn được duy trì cho đến ngày nay.

2.3. ĐÁNH GIÁ CÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HÓA LÀNG CỔ LOA

2.3.1. Giá trị lịch sử

Khu Di tích Cổ Loa là một trong những minh chứng sống cho lịch sử dựng nước và giữ nước của cha ông trên mảnh đất lâu đời này. Ngôi làng này từ khi ra đời đến nay đã chứng kiến nhiều biến cố thăng trầm của lịch sử.

Khi An Dương vương từ Bạch Hạc (Phú Thọ) xuống đồng bằng đã chọn mảnh đất Cổ Loa làm kinh đô, cho xây dựng thành Cổ Loa hay Loa thành. Đây là một công trình có giá trị lịch sử to lớn, không chỉ của riêng của làng Cổ Loa mà nó còn có ý nghĩa lớn đối với đất nước. Loa thành được xây dựng đã đánh dấu sự thay đổi lớn của một đất nước. Nếu dưới thời các Vua Hùng, kinh đô được đặt ở trên vùng núi thì dưới thời An Dương Vương lại đặt ở vùng đồng bằng. Đó là một quyết định đúng đắn của vua vì đồng bằng có nhiều điều kiện thuận lợi cho nhân dân sinh sống, trồng cấy. Trong bài viết về “*Di tích Cổ Loa*”, TS. Nguyễn Doãn Tuân viết: “*Thành Cổ Loa là tòa thành có niên đại cổ nhất ở Việt Nam được xây dựng vào thế kỷ thứ III trước Công nguyên để làm kinh đô nước Âu Lạc. Thành gắn liền với những truyền thuyết kỳ thú của người Việt, về An Dương Vương định đô xây thành, về nỏ thần Kim Quy bắn một phát hạ hàng trăm tên giặc, về mối tình bi thương và cảm động của My Châu - Trọng*”

Thủy... Từ bao đời nay, dấu vết của ngôi thành cổ này cùng với những nhân vật được huyền thoại hóa đã đi vào tiềm thức của người dân Việt Nam”.

Bên cạnh các diễn biến lịch sử cũng phải kể đến những nhân vật gắn liền với giá trị lịch sử đó. Đó là An Dương Vương - người có công trong việc xây dựng và phát triển nhà nước Âu Lạc trong vòng 50 năm; thần Cao Lỗ có công trong việc chế tạo nỏ thần giúp vua chống giặc. Những nhân vật này được nhân dân trong vùng thờ trong các đền, đình để ghi nhớ công lao đối với làng và đất nước. Đây là nơi đã chứng kiến mối tình đẹp của công chúa My Châu với Trọng Thủy, tuy mối tình đó dẫn đến họa mất nước, bi thương nhưng rất cảm động lòng người.

Ngày nay, trong khu Di tích vẫn còn giữ lại được nhiều đoạn tường thành. Chúng là điểm nhấn, dấu ấn thu hút mỗi du khách đến với làng Cổ Loa, bởi vẻ rộng lớn của vòng thành và các ngôi đình, đền đượm vẻ đẹp truyền thống của kiến trúc Việt Nam.

2.3.2. Giá trị tâm linh

Trong đời sống cộng đồng ở các vùng quê, yếu tố tâm linh luôn chiếm giữ một vị trí quan trọng.

Nét độc đáo trong đời sống tâm linh của người dân làng Cổ Loa thể hiện rõ nét ở tính phức hợp của tín ngưỡng và tục lệ, tập quán, thể hiện rõ nét ở hệ thống thờ cúng trong quần thể Di tích đình, đền, am và chùa làng.

Đền thờ An Dương Vương được xây dựng dựa trên những quan niệm về tín ngưỡng cổ truyền và theo phong thủy “*Tụ phúc, Tụ thủy, Tụ Linh*”. Người được tôn vinh ở ngôi đình này là An Dương Vương cùng với các tướng lĩnh có công với đất nước. Đặc biệt, trong đền thờ chiếc *nỏ thần* - một vũ khí quan trọng, thần kỳ và hiệu nghiệm trong chiến đấu. Cũng trên đền Thượng còn có nhà bia với những tấm bia ghi lại được những diễn biến hay sự kiện xảy ra ở làng Cổ Loa. Tại ngôi đền này cũng là nơi tổ chức Hội bát xã vào ngày mùng 6 tháng Giêng. Những điều trên cũng hiểu được sự quan tâm và lòng biết ơn của người dân đối với những thế hệ cha ông đi trước.

Chùa Cổ Loa không chỉ thông thường là thờ phật như các ngôi chùa khác mà còn thể hiện được các quan niệm về sinh tử và tín ngưỡng của người Việt. Đó là việc thờ Ngọc Hoàng, Nam Tào - Bắc Đẩu, Thập Điện Diêm Vương. Ngoài ra, quan niệm này còn được thể hiện ở việc thờ Mẫu, thờ Thánh. Ngôi chùa này, có giá trị cao về nghệ thuật thẩm mỹ và lịch sử. Bởi không chỉ thờ Phật mà còn là nơi hội tụ hệ thống tôn giáo, tín ngưỡng, nơi thể hiện cái tinh túy của tư tưởng nhân nghĩa, tránh xa cái xấu, cái ác để cuộc sống tốt đẹp và có ý nghĩa.

Ngày nay, các di tích đình, đền, chùa của làng Cổ Loa còn lưu giữ khá nguyên vẹn. Đó chính là một minh chứng hùng hồn cho sức sống mãnh liệt của các vị thần linh trong đời sống tâm linh của người Cổ Loa. Điều này chứng tỏ người dân nơi đây luôn hướng đến các vị thần linh - những vị thần thiêng liêng luôn che chở, bảo vệ cho cuộc sống của họ được an lành và may mắn. Qua đó, cũng thể hiện đạo lý truyền thống của dân tộc Việt Nam “*Uống nước, nhớ nguồn*”, biết ơn đến tổ tiên; đồng thời có ý nghĩa giáo dục ý thức cho cộng đồng và cho các thế hệ trẻ biết đến công lao của cha ông để từ đó kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp của quê hương mình.

Trải qua các quá trình phát triển của đất nước, đời sống của dân làng Cổ Loa có nhiều đổi thay; nhưng các giá trị tâm linh và vẻ đẹp truyền thống vẫn còn giữ tương đối nguyên vẹn; trở thành một nét đẹp mang đặc trưng và sắc thái riêng có ở ngôi làng cổ này. Đây cũng chính là yếu tố tạo nên một sức hấp dẫn đặc biệt để thu hút khách thập phương đến với mảnh đất Cổ Loa giàu giá trị văn hóa và lịch sử.

2.3.3. Giá trị cộng đồng

Tính cố kết, gắn bó cộng đồng là một yếu tố không thể thiếu trong cuộc sống của mỗi làng xã. Yếu tố này giúp cho con người gần gũi, quan tâm, chia sẻ và giúp đỡ lẫn nhau trong những lúc khó khăn; làm cho cuộc sống có ý nghĩa và tốt đẹp hơn.

Hệ thống di tích làng Cổ Loa khá phong phú. Để có được những công trình như vậy đòi hỏi sự đồng lòng, cùng hợp sức xây dựng mới có được. Điều

này thể hiện rõ tính cộng đồng của con người trên mảnh đất này. Khi An Dương Vương chọn Cổ Loa là nơi đặt kinh đô, dựng thành - một công trình kiến trúc cổ mang tầm cỡ lớn. Sau này, dưới thời phong kiến, làng đã khởi dựng được một hệ thống các di tích với quy mô khá lớn: đền Thượng (đền An Dương Vương), đình Cổ Loa (đình Ngự triều di quy), am My Châu (am Bà chúa), chùa Bảo Sơn, nhà bia, đền thờ Cao Lỗ... Để có được công trình kiến trúc này, ngoài ngân sách của triều đình, phần lớn đều từ sự đóng góp công của của cộng đồng - từ người đang sống ở làng đến những người dân đi nơi khác. Khi xây dựng đền An Dương Vương, người đóng góp nhiều nhất là ông Hoàng Công Tài cùng hai người vợ là Nguyễn Thị Vinh và Phạm Thị Huyền, góp 75 quan; Trong đó, tổng số tiền đóng góp của người dân trong làng là 549 quan 3 mạch 76 tiền. Những đóng góp này được ghi trên các bia đá, chuông đồng. Để giữ gìn được hệ thống các di tích đến ngày nay cũng là do ý thức của chính quyền, của cộng đồng địa phương đã bảo quản, tu bổ và tôn tạo.

Vào dịp đầu xuân, hầu hết các làng đều nhận nhíp tổ chức các hội. Lễ hội dân gian truyền thống luôn là một nét đẹp độc đáo, thu hút được rất nhiều người tham gia. Điều này, thể hiện rõ tính gắn kết cộng đồng. Đến với hội làng Cổ Loa cũng vậy. Vào ngày mùng 6 tháng Giêng hàng năm, các làng lại tung bừng, nô nức trong không khí của mùa lễ hội. Những người con xa quê hương vì bận rộn cho cuộc sống, cho công việc cả một năm vào những ngày đầu xuân có dịp về sum họp với gia đình và tham dự hội lớn của làng mình. Hội không chỉ là dịp để cho người dân tưởng nhớ đến vua, đến những người có công với làng, với đất nước, tổ tiên, những thế hệ cha ông đi trước mà còn là dịp tất cả những người con của vùng đất này có cơ hội để hội họp, sum vầy trong một không khí sắc xuân tươi vui và ước mong cho một năm mới với may mắn, được mùa và hạnh phúc.

Trong chính cuộc sống hàng ngày với những phong tục, tập quán của mỗi gia đình, dòng họ, thôn xóm, cùng với nhiều nghi thức lễ tục, hương ước... phản ánh được cách thức tổ chức chặt chẽ, quy củ của cộng đồng làng xã và đặc biệt là ý thức của mỗi người dân đối với cộng đồng. Từ đó, hình thành nên bản sắc

riêng tại làng Cổ Loa. Đó là việc luôn đề cao người lao động chân chính, trọng người hiền tài, trọng việc học, gắn kết cộng đồng, biết ơn tổ tiên, coi trọng nếp sống có phép tắc, gia phong...

2.4. Tiểu kết chương 2

Cổ Loa là làng quê tiêu biểu cho làng xã xứ Kinh Bắc, hội tụ nhiều nét đẹp đặc trưng là hệ thống di tích được gắn liền với những diễn biến lịch sử - văn hóa, đến các nhân vật lịch sử của làng nói riêng và của cả đất nước nói chung. Cuộc sống có nhiều thay đổi, nhưng các hình ảnh rất đỗi thân quen của một vùng nông nghiệp, hình ảnh thân thiện và gần gũi của người dân nơi đây như níu chân du khách đến tham quan và tìm hiểu về ngôi làng lịch sử này.

Một nét độc đáo, tạo nên điểm nhấn riêng có ở làng Cổ Loa là hội Cổ Loa với sự tham gia của Bát xã (8 xã) trong vùng, diễn ra tại đền Thượng của làng Cổ Loa. Hội Cổ Loa được kết hợp chặt chẽ với các tín ngưỡng dân gian như Đạo giáo, Phật giáo... Đây là một lễ hội lớn thu hút nhiều sự quan tâm không chỉ riêng của người dân trong vùng mà còn khách thập phương từ các nơi đổ về dự hội, tạo không khí nô nức, tưng bừng sống động cả một vùng. Với một bề dày lịch sử và truyền thống văn hóa, mỗi người con của vùng đất này có quyền tự hào về quê hương của mình. Để từ đó, có tinh thần tự giác và ý thức trong việc bảo vệ, giữ gìn những giá trị tốt đẹp của làng. Như vậy, làng Cổ Loa có một tiềm năng phát triển du lịch nếu biết tổ chức và đầu tư quy hoạch hợp lý, để nơi đây trở thành một điểm du lịch văn hóa hấp dẫn du khách đến tham quan và tìm hiểu.

Chương 3
VẤN ĐỀ KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HÓA
LÀNG CỔ LOA PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH THỜI GIAN QUA

3.1. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI LÀNG CỔ LOA

3.1.1. Thực trạng về công tác tổ chức, quản lý của các ban, ngành với hoạt động du lịch ở Cổ Loa

Trong những năm qua, được sự quan tâm và đầu tư của Nhà nước, hầu hết các di tích lịch sử văn hóa tại làng Cổ Loa đã được tu bổ và tôn tạo, với số tiền đầu tư cho mỗi công trình lên đến hàng chục tỷ đồng (theo giá thời gian năm tu bổ). Một số tuyến đường giao thông phục vụ tham quan di tích cũng được cải tạo, nâng cấp như đường từ Quốc lộ 3 vào khu di tích, đường từ Quốc lộ 3 vào thành Trung phía Bắc, đường Chợ Sa - Chợ Tó.

Năm 2008, nhằm giúp cho nhân dân hiểu rõ hơn về giá trị của khu di tích và có ý thức trách nhiệm đối với việc bảo vệ Khu di tích, Trung tâm bảo tồn khu di tích Cổ Loa - Thành cổ Hà Nội đã phát đến tận tay mỗi hộ gia đình tờ rơi “*Bảo tồn, phát huy giá trị khu di tích Cổ Loa là trách nhiệm của mỗi người dân*” có nội dung giới thiệu khái quát về di tích, về luật di sản văn hóa, các quy định trách nhiệm của người dân sống quanh di tích.

Tuy nhiên, một đặc thù và cũng là thực trạng ở làng Cổ Loa là các di tích được xây dựng xen lẫn cùng với khu dân cư. Quỹ đất hiện nay rất hạn hẹp nên việc tổ chức cấp đất, giãn dân nhiều năm nay chưa được thực hiện. Nhiều hộ gia đình sinh sống gần các di tích, hay sống trên thành, trên hào của từ lâu đời, đã xây dựng những ngôi nhà cao tầng làm ảnh hưởng đến cảnh quan của Khu di tích. Theo kết quả điều tra tình hình dân cư tại Khu di tích Cổ Loa vào tháng 6 năm 2007, có 1.147 hộ ở trong phạm vi bảo tồn, bảo vệ di tích thành Cổ Loa, trong đó, ở trên mặt thành là 233 hộ, trên mặt hào là 353 hộ. Có tình trạng này là do công tác quy hoạch và quản lý không được quan tâm đúng mức. Trước kia, quản lý các di tích trong Khu di tích Cổ Loa là UBND xã. Từ năm 1995, do Ban quản lý di tích - danh thắng thuộc Sở Văn hóa thông tin Hà Nội. Đến năm 2006, Khu di tích thuộc Trung tâm bảo tồn di tích Cổ Loa - Thành Cổ Hà Nội đảm nhiệm việc quản lý và bảo tồn di tích.

Đến nay, Trung tâm bảo tồn khu di tích Cổ Loa - Thành cổ Hà Nội đã xây dựng được *Quy hoạch tổng thể về Bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích Cổ Loa*, tạo cơ sở cho công tác bảo tồn và phát huy những giá trị của Khu di tích này, phục vụ cho hoạt động du lịch.

3.1.2. Tổ chức khai thác du lịch ở làng Cổ Loa

Trong những năm qua, đến với Khu di tích Cổ Loa, khách du lịch chủ yếu đến thăm Đền An Dương Vương, Đình Ngự triều di quy, Am My Châu, chùa Bảo Sơn và các đoạn tường thành đất còn lại. Việc tham quan của du khách gặp nhiều thuận lợi vì các di tích cách nhau không xa, cùng nằm quanh xóm Chùa.

Một sản phẩm du lịch khác của Khu di tích Cổ Loa thu hút khách là các đặc sản gắn liền với mảnh đất này. Đến với Cổ Loa, du khách được thưởng thức những phong Bông Chủ - loại bánh sử dụng nguyên liệu truyền thống của vùng quê nông nghiệp. Bông chủ được bán cho du khách thưởng thức và làm quà. Ngoài Bông chủ, du khách còn được thưởng thức món bún xào với rau cần là món ăn không thể thiếu được trong ngày ăn “*Sêu*” và dịp lễ hội Cổ Loa. Ngày

nay, nghề làm bún này được Chi cục phát triển nông Hà Nội đã triển khai đề án hỗ trợ đầu tư các loại máy xay, máy ép bột, máy trộn bột, bàn ép tạo sợi bún. Ngoài ra, làng Cổ Loa còn có trám đen, chè xanh là loại cây chỉ được trồng ở ven đất bãi, đất trên thành cổ mới có được sự thơm ngon đặc biệt. Do diện tích đất ngày càng thu hẹp nên các loại cây này không còn nhiều. Địa phương cũng đang tìm các biện pháp và phương hướng quy hoạch để khôi phục. Việc khai thác này vào hoạt động du lịch không chỉ giải quyết tốt thu nhập và tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương mà quan trọng hơn là việc giữ gìn nét đẹp cảnh quan, nghề thủ công truyền thống lâu đời mà các thế hệ trước lưu truyền lại.

Nói đến sản phẩm du lịch làng Cổ Loa phải kể đến hội Cổ Loa nói chung và hội tại các làng trong Bát xã Loa thành. Cứ mỗi dịp xuân về, làng Cổ Loa niềm vui như tăng lên gấp bội. Bởi ở đây không chỉ sống trong không khí của ngày Tết cổ truyền của dân tộc mà còn nô nức chuẩn bị ngày hội tại địa phương mình, với tâm niệm “*Chết thì bỏ con, bỏ cháu; sống không bỏ ngày mừng sáu tháng Giêng*”.

Những ngày hội không chỉ là niềm vui của riêng dân trong vùng Cổ Loa mà còn nhận được sự quan tâm và thu hút nhiều khách thập phương, đây là dịp để người dân và du khách ôn lại các giá trị truyền thống lịch sử, văn hóa của đất nước, chiêm ngưỡng các di tích và tham dự các hoạt động của lễ hội, không chỉ là các cuộc rước kiệu, các châu tế lễ của bát xã hộ nhi; mà còn có các trò chơi dân gian, các sinh hoạt văn hóa văn nghệ, các cuộc thi thể thao. Khách tham quan đến với Cổ Loa không chỉ vào dịp lễ hội, mà còn vào các ngày thường. Ban di tích Cổ Loa luôn làm việc để khách đi thăm và tìm hiểu các di tích, trong và ngoài làng Cổ Loa, các di chỉ khảo cổ học khai quật được tại mảnh đất này.

Nhìn chung, hoạt động du lịch tại Cổ Loa chủ yếu vào lễ hội đầu năm. Vào các ngày nghỉ, thứ bảy, chủ nhật, du khách về đông hơn.

3.1.3. Số lượng du khách tham quan du lịch tại làng Cổ Loa

Theo các cán bộ của Ban quản lý Di tích Cổ Loa, những năm gần đây, du khách đến tham quan Cổ Loa ngày càng đông, có những ngày có nhiều xe với 500, 700 khách. Khách đến đây cũng đa dạng, nhưng chiếm số đông là các đoàn học sinh. Bên cạnh, cũng có những đoàn khách nước ngoài như Anh, Hàn Quốc, Thái Lan... Du khách có thể tham quan tự do hoặc đăng kí với Ban di tích, để được hướng dẫn viên cung cấp các thông tin về khu Di tích một cách đầy đủ và hệ thống (hiện nay, mỗi lần đăng kí hướng dẫn điếm là 100 nghìn đồng). [5].

Theo tổng hợp của Tổ quản lý Di tích Cổ Loa, số lượng du khách đến với Cổ Loa qua vài năm gần đây như sau: năm 2008 có trên 120.000 nghìn lượt người, năm 2009 có trên 130.000 nghìn lượt người, năm 2010 có trên 150.000 nghìn lượt khách, năm 2011 tính kỳ đầu có trên 75.000 lượt khách đến tham quan Khu di tích. Có khoảng 70% số khách đến vào dịp lễ hội. Giá vé cho hai điếm tham quan (đền Thượng và Am Mỹ Châu) là 3.000 đồng. Khách là học sinh phổ thông không thu phí; sinh viên các trường đại học, cao đẳng giảm một nửa.[5].

Nhìn chung, đến Cổ Loa, nhiều đoàn thường tổ chức tham quan tự do theo tâm linh, không thông qua Ban quản lý di tích. Điều này làm cho Ban quản lý khó thống kê được số lượng khách đến tham quan. Số lượng khách nêu trên chủ yếu vào lượng vé bán ra.

Hiện nay, việc quản lý và phát triển du lịch ở Cổ Loa gặp nhiều khó khăn như thiếu lực lượng hỗ trợ quản lý, việc phục vụ du lịch chủ yếu dựa vào các nhà hàng ăn uống, nhà nghỉ, điếm bán các hàng lưu niệm và các phương tiện đưa đón du khách tại các địa điếm tham quan.

3.2. DỰ BÁO XU THẾ PHÁT TRIỂN CỦA LÀNG CỔ LOA

Đất nước đang trong quá trình hội nhập và mở cửa. Đó là cơ hội và cũng là thách thức đối với việc phát triển về các lĩnh vực. Trong công cuộc CNH - HĐH, làng Cổ Loa với vị trí cách trung tâm nội thành Hà Nội 18 km về phía Bắc và nằm ngay Quốc lộ 3, có điều kiện thuận lợi cho giao lưu kinh tế, văn hóa và xã hội với

các địa phương. Hiện nay, làng Cổ Loa gần hai khu công nghiệp là khu công nghiệp Bắc Thăng Long và khu công nghiệp Đông Anh.

Cùng với sự phát triển của đất nước, diện mạo Cổ Loa ngày nay cũng thay đổi nhiều, tạo đà cho sự phát triển, chủ động tạo ra cơ hội, đón sự hội nhập và tăng sức lan tỏa của một vùng đất còn nhiều tiềm năng này. Cổ Loa đang trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ và giảm tỷ trọng nông nghiệp. Nông nghiệp không còn là nguồn thu nhập chính nhưng tạo ra lúa gạo có đủ lương thực cho người làng và phục vụ cư dân các khu công nghiệp và đô thị gần kề. Ấn hiện sau vẻ bình lặng của một ngôi làng cổ, là các hoạt động kinh tế hàng hóa của Cổ Loa diễn ra khá sôi động. Năm kê Quốc lộ 3 Hà Nội - Thái Nguyên, tại Cổ Loa đã xây dựng bến xe và đổi diện là chợ Cổ Loa, với các hộ gia đình kinh doanh buôn bán vừa và nhỏ. Các nghề truyền thống, làm rèn, làm mộc, làm bông, làm bún... phục hồi, đã thúc đẩy việc hình thành khu giao dịch buôn bán khá sầm uất. Với những thay đổi về kinh tế, đời sống của nhân dân từng bước được cải thiện. Hiện nay, Cổ Loa được đánh giá là thôn có hoạt động kinh tế khá phát triển trong vùng. Đây cũng là một cơ sở quan trọng cho việc hình thành và phát triển du lịch ở Cổ Loa.

3.3. HÌNH THÀNH MỘT SỐ TUYẾN DU LỊCH TẠI CỔ LOA

Trên cơ sở hệ thống các di tích lịch sử văn hóa, các giá trị truyền thống sẵn có của làng, có thể hình thành một số tuyến du lịch sau.

3.3.1. Tuyến du lịch trong làng

Trong tuyến du lịch này, điểm du khách sẽ tìm hiểu và tham quan là các di tích của làng. Để có thể hiểu được về lịch sử hình thành và phát triển, cùng với những truyền thống quý báu của làng.

Điểm đến đầu tiên của tuyến tham quan là khu di tích đình, đền, am và chùa - Khu di tích tiêu biểu nhất trong hệ thống các di tích của làng. Du khách đến đây, sẽ được dâng hương tại đền thờ vua An Dương Vương, am My Châu, thăm văn cảnh chùa, ngoài ra còn được tiếp xúc với những tư liệu và kiến thức

lịch sử của các di tích này, về các nhân vật còn thờ tại đây trong không khí trang nghiêm, với tâm linh thành kính.

Cũng trong tuyến du lịch này, du khách có thể hiểu về các sự kiện lịch sử, tên tuổi của những người con ưu tú của Cổ Loa qua các tấm văn bia được lưu giữ trong nhà bia của làng. Các tấm bia có nội dung phong phú, phản ánh quá trình xây dựng và tôn tạo khu di tích đình - đền - chùa, với công sức đóng góp của dân làng và khách thập phương qua việc công đức. Qua đây, cũng thể hiện tính gắn kết cộng đồng trong chiến đấu, xây dựng và phát triển làng xã của người dân nơi đây.

Ngoài ra, du khách còn có điều kiện, tìm hiểu các hiện vật tìm được qua các cuộc khai quật khảo cổ học. Hiện nay, các hiện vật đang được trưng bày tại Ban quản lý khu di tích Cổ Loa. Du khách còn có thể tìm hiểu về các ngôi đình, đền và các điểm thờ ở các ngôi làng cũ của xã Cổ Loa như: đình, chùa làng Mạnh Tràng, đình và điểm thờ ở làng Thư Cưu ...

Thông qua, các điểm tham quan này có thể cho du khách tìm hiểu được bề dày lịch sử văn hóa truyền thống lâu đời của ngôi làng Cổ Loa này.

3.3.2. Các tuyến du lịch từ Cổ Loa đi các nơi

- *Tuyến Cổ Loa - Khu di tích lịch sử văn hóa đền Sái (thôn Thụy Lôì - làng Nội, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh):* nằm cách trung tâm Thủ đô Hà Nội khoảng 25 km về phía Bắc.

Cụm di tích lịch sử văn hóa đền Sái gồm đình Nội, đền Sái và đền thờ Hoàng giáp Lê Tuấn Mậu. Đền Sái gắn liền với việc An Dương Vương cho xây dựng thành Cổ Loa. Tương truyền, khi Vua xây thành, cứ ngày đắp đêm lại đổ, vì bị yêu ma Bạch Kê tinh (tinh gà trắng) phá hoại. Tinh gà trắng ban ngày trú ẩn ở núi Thất Diệu, ban đêm lại hiện ra phá hoại. An Dương Vương không có cách nào để trừ khử, bèn làm đàn cầu khẩn, liền được Huyền Thiên Trấn Vũ sai

thần Kim Quy hiện ra mách kế chém giết Bạch Kê Tinh nên thành ốc mới xây xong. Để tưởng nhớ công đức của Huyền Thiên, vua cho xây dựng đền thờ trên đỉnh núi Thất Diệu. Đền còn được gọi là đền Sái.

Theo Ban quản lý di tích ở Thụy Lâm có viết trong “*Sự tích đền Sái*”:
“*Thâm cảm công đức Huyền Thiên Trấn Vũ, vua đến Vũ Dương Sơn xây đền đắp tượng thần và hiệu là “Cung Kim Khuyết” ...cấp tự điền cho dân xã trông nom thờ cúng. Từ đó, cứ đến đầu xuân, Đại hội quan quân đến đền bái yết. Về sau thấy đại giá đi lại tốn kém của dân nên vua giao cho dân làng Thụy Lôi thay mặt vua thực hành nghi lễ vệ giả thiên tử...*”. Cũng từ đó trở đi, lễ hội đền Sái đã trở thành một nét đẹp độc đáo, tiêu biểu và truyền thống của người dân làng Nhội. Hàng năm, vào ngày 12 tháng Giêng âm lịch người dân nơi đây lại sống trong không khí tung bừng của lễ hội “*Hội rước vua*”, lễ hội nhằm tái hiện việc vua Thục Phán cùng đoàn tùy tùng về bái yết Đức Thánh Huyền Thiên trên núi Sái. Đây là lễ hội duy nhất ở Việt Nam có tập tục rước vua quan sống. Một nét hấp dẫn thu hút rất nhiều người tham gia là sau lễ mừng tạ (*lễ bêu đầu gà tượng trưng cho Bạch Kê Tinh bị tiêu diệt để vua yên tâm xây thành ốc*) dân làng và những người dự hội “*xông*” vào cướp áo thụng của Chúa. Họ quan niệm lấy được một chút áo của Chúa về may dính vào áo của trẻ con lấy “*khước*” Thánh để hay ăn, chóng lớn và khỏe mạnh.

Đến với Thụy Lâm, du khách còn có dịp xem các trò rỗi nước của làng Đào Thục với những nét độc đáo riêng.

- *Tuyến Cổ Loa - làng Quây (xã Liên Hà, huyện Đông Anh)*: Liên Hà nằm gần kề với Cổ Loa. Với vị trí thuận lợi tạo điều kiện cho du khách đến tham quan vào dịp lễ hội. Ngôi làng được nói đến ở đây có truyền thuyết gắn liền với việc dời đô của vua An Dương Vương. Xưa khi An Dương Vương cho dời đô từ Bạch Hạc, Phong Châu, Phú Thọ đã chọn mảnh đất Cổ Loa ngày nay. Vua đã nói dân làng chuyển đi nơi khác để vua xây dựng thành, người dân ở đây đã phát biểu: *Cứ cho chúng tôi xuống khu đất kia dù khổ cũng cam lòng*. Nhà vua bảo đó là “*dân Cả Quây*”; sau gọi chệch là *Cả Quây*.

Dân Cổ Loa sau khi nhường đất cho Vua đã kéo về vùng đất trũng để sinh sống. Họ thành lập lên làng Đại Vĩ tức làng Quậy Cả ngày nay. Họ Vũ về lập làng đầu tiên và sau này các họ khác như Phạm, Nguyễn, Dương...Sau đó dân họ Phạm rời ra xóm mới ở phía Tây Nam lập thêm làng Châu Phong, tức Quậy Sau ngày nay. Cuối cùng ra đời làng Giao Tác tức Quậy Rào ở phía Nam. Ngày nay có 3 làng Quậy: Quậy Cả, Quậy Sau và Quậy Rào là dân gốc của làng Cổ Loa. Năm 1949, thành lập xã Liên Hà cho đến ngày nay, trong đó có 3 làng Quậy, 3 làng Quậy cùng chung nhau đình Quậy (hay đình Hà Vỹ).

Hàng ngàn năm nay, đình Cổ Loa mở hội lễ vua An Dương Vương vào mùng 6 tháng Giêng âm lịch và có sự tham gia của Bát xã hộ nhi, trong đó có Anh Cả Quậy. Sau ngày hội chung ở vùng Cổ Loa, thì ở riêng mỗi làng đều tổ chức lễ hội riêng cho làng mình. Ở làng Quậy lễ hội vào ngày 12 đến 15 tháng Giêng. Lễ hội ở làng Quậy cũng có tế lễ, rước kiệu, đấu vật, hát chèo...

- *Tuyên Cổ Loa - Đền Sóc, Hội Gióng (xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội)*: Thánh Gióng - một trong *tứ bất tử* của Việt Nam được thờ ở nhiều nơi, do vậy hàng năm có nhiều địa phương tổ chức hội để tưởng niệm và ca ngợi chiến công của người anh hùng làng Gióng. Tại khu vực Hà Nội, hai hội tiêu biểu nhất là hội Gióng ở làng Phù Đổng (huyện Gia Lâm) và hội Gióng ở đền Sóc thuộc xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn.

Tương truyền, xã Phù Linh là nơi dừng chân cuối cùng trước khi Thánh Gióng về trời. Hàng năm, từ ngày mùng 6 tháng Giêng cho đến ngày mùng 8 tháng Giêng (chính hội là ngày mùng 7), dân làng và các làng trong vùng mở hội linh đình tại khu di tích đền Sóc - thờ Thánh Gióng (Phù Đổng Thiên Vương). Lễ hội này diễn ra trong ba ngày với đầy đủ các nghi lễ truyền thống như: Lễ khai quang, lễ rước, lễ dâng hương, dâng hoa tre lên đền Thượng.

Trước ngày hội diễn ra, bảy thôn làng đại diện cho bảy xã chuẩn bị lễ vật trong ngày mở đầu hội chính. Nhưng nghi lễ đặc biệt sẽ được làm vào đêm mùng 5 đó là lễ Mộc dục để mời ông Gióng về, với các lễ vật, lễ phẩm đã được chuẩn bị chu đáo với lòng thành kính, mong đức Thánh Gióng phù hộ cho dân

làng có một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Ngoài ra, phần hội còn có nhiều trò chơi dân gian sôi động như: chọi gà, cờ tướng, hát ca trù, hát chèo... ngày mùng 7, vào chính hội nghi lễ chủ yếu là dâng hoa tre ở đền Sóc và chém tướng giặc.

Vào năm 2010, hội Gióng đã được tổ chức UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Năm 2011, hội Gióng thu hút rất đông đảo du khách thập phương không chỉ ở trong nước mà cả khách quốc tế. Du khách đến đây ngoài tham dự lễ hội còn được tham quan khu vực núi Sóc với quần thể di tích Đền Sóc (Đền Thượng) - Chùa Non Nước - Đền Hạ - Miếu Thánh Mẫu - Tượng đài Thánh Gióng đặt tại đỉnh núi Đá Chồng cao 297 m trên dãy núi Sóc, là công trình văn hóa tâm linh trọng điểm kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội, được thực hiện theo phương thức xã hội hóa, với tổng kinh phí (giai đoạn thực hiện) khoảng 60 tỷ đồng, trong đó phần đúc tượng là 30 tỷ đồng. Mặc dù, các nghi thức gắn với truyền thuyết Thánh Gióng nhưng các nhà nghiên cứu cho rằng: *Hội Gióng Sóc Sơn vẫn mang rõ tính chất hội cầu mùa theo tín ngưỡng dân gian phổ biến ở hầu hết hội xuân vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ.* [17, tr. 807].

- *Tuyến Cổ Loa - các di tích thuộc xã Xuân Canh* : xã Xuân Canh cùng thuộc huyện Đông Anh, nằm ở ngã ba sông Hồng và sông Đuống, cách Cổ Loa 6 km về phía Nam. Tại đây có một vệt di tích của các làng gắn với lịch sử dựng nước của cha ông ta từ thời Hùng Vương - An Dương Vương; cùng một số di tích cách mạng và kháng chiến tiêu biểu :

+ Đình Thượng Lão (thôn Xuân Canh), được dựng vào đầu niên hiệu Cảnh Hưng (năm 1740 - 1786), thờ Cao Sơn đại vương (anh em con chú con bác với Tản Viên Sơn thánh) và Linh Lang đại vương (con của Vua Lý Thánh Tông có công đánh giặc Tống cuối thế kỷ XI).

+ Đình làng Xuân Trạch : dựng vào niên hiệu Cảnh Hưng (1740 - 1846), thờ Minh Sạ đại vương, có công giúp Vua Hùng giữ yên bờ cõi.

+ Đình làng Văn Tinh : thờ Triệu Đà, tương truyền, Triệu Đà khi chống nhau với An Dương Vương đã lấy làng này làm doanh trại.

+ Chùa Quan Âm (làng Thượng Lão cũ) được dựng vào đầu niên hiệu Chính Hòa (1680 - 1705), được coi là một trong những “*Danh lam đứng đầu xứ Kinh Bắc*”.

+ Chùa làng Vân Hoạch và pháo đài Xuân Canh : ở ven đê sông Hồng, là nơi đặt pháo đài Xuân Canh từ cuối tháng 12 năm 1946. Từ 19 - 12 - 1946, cùng với pháo đài Láng và pháo đài Xuân Tảo, pháo đài Xuân Canh đã nã những loạt pháo vào giặc Pháp ở nội thành, tạo thế chân kiềng từ vành đai Hà Nội dội lửa xuống quân giặc. Năm 2003, pháo đài được khôi phục lại, gồm một nếp nhà vuông bốn mái ở ven đê sông Hồng, bên trong đặt một bộ pháo 75 ly, hướng về phía nội thành Hà Nội.

Cách chùa Quan Âm và pháo đài Xuân Canh không xa là đền Cửa sông ở làng Xuân Đình. Đền nằm ven đê, nhìn ra sông Hồng, thờ thủy thần và thờ Mẫu.

- *Tuyến Cổ Loa - các làng Đường Yên, Lương Quy thuộc xã Xuân Nộn* : các làng này nằm ven sông Cà Lồ, cách Cổ Loa 4 km về phía Bắc. Tuyến này hấp dẫn khách du lịch không phải bằng các di tích thờ cúng mà là các lễ hội độc đáo. Đó là lễ hội làng Đường Yên (từ mùng 1 đến mùng 5 tháng Hai), nổi bật với trò *kén rế*, diễn lại sự tích bà Lê Hoa - thành hoàng làng, sau khi theo Hai Bà Trưng đánh tan giặc mới trở về quê lấy chồng. Cái hay của lễ thức này là nhưng lời xướng giữa Mẫu Bà (mẹ bà Lê Hoa) và đại diện hai phe (Bắc, Hậu) để chọn rế. Gắn với lễ thức còn có các trò thi canh nông, câu ếch, chọc chó, bắt chạch trong chum ..., những thú tiêu khiển, cũng là những trò gắn với cuộc sống đồng quê, lao động sản xuất nông nghiệp.

Hội làng Lương Quy (ngày 5 và 6 tháng Hai), diễn lại sự tích ba vị thánh Ông Thông, Ông Duy và Ông Giang có công theo Thánh Gióng đánh giặc. Trong hội có trò thổi cơm thi, gồm nhiều cuộc thi nhỏ hấp dẫn : bỏ cau tằm trâu, chạy thề, kéo nước, xay thóc giã gạo, kéo lửa, bắt gà và làm thịt gà, thổi cơm.

- *Tuyến Cổ Loa - Chùa Dâu (Bắc Ninh)*: du khách đi từ Cổ Loa ra Quốc lộ 3, lên thành phố Bắc Ninh, ra Quốc lộ 1A mới, rẽ theo lối đi Thuận Thành, khoảng 8 km sẽ đến chùa Dâu.

Ở Việt Nam có nhiều ngôi chùa cổ và Bắc Ninh là một mảnh đất điển hình. Chùa Dâu còn có tên là Diên Ứng tự hay Pháp Vân tự, Cổ Châu tự, tọa lạc ở xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành. Ngôi chùa này được đánh giá là ngôi chùa cổ nhất Việt Nam. Chùa nằm ở vùng Dâu, thời thuộc Hán gọi là Luy Lâu - Trung tâm Phật Giáo đầu tiên của Việt Nam. Tại đây, có 5 ngôi chùa cổ, trong đó có chùa Dâu thờ Pháp Vân. Chùa được khởi công xây dựng vào năm 187 và hoàn thành vào năm 226, được Nhà nước xếp hạng di tích lịch sử ngày 28 tháng 4 năm 1962. Sự tích Phật mẫu Man Nương gắn liền với ngôi chùa này. Kiến trúc xây dựng chùa theo kiểu “*Nội công, ngoại quốc*” - kiểu kiến trúc quen thuộc ở nhiều ngôi chùa cổ của Việt Nam.

Du khách đến với chùa Dâu có thể tham quan cảnh quan cổ kính và điều hấp dẫn du khách là được chiêm ngưỡng những pho tượng quý giá như Pháp Vân, Kim Đồng, Ngọc Nữ, các bức phù điêu được trạm khắc trên những bức trổng cốm, giá chiêng mà ngày nay ít có được. Đến với chùa chúng ta còn được nghe kể về sự tích Tứ Pháp - Man Nương. Ngoài chùa, ở giữa sân được trải dài là tháp Hòa Phong cao 17 m, trong tháp có một quả chuông đúc năm 1793 và một chiếc khánh đúc năm 1817.

3.4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO TỒN VÀ KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VĂN HÓA LÀNG CỔ LOA PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

3.4.1. Định hướng quy hoạch du lịch làng Cổ Loa

Hiện nay, hoạt động du lịch của làng Cổ Loa chưa được hình thành rõ nét nhưng lại rất có tiềm năng. Nếu được đầu tư, quan tâm và có phương án quy hoạch hợp lý, du lịch sẽ là một ngành phát triển trong hoạt động kinh tế cho vùng quê này. Chính vì vậy, việc làm cần thiết là quy hoạch du lịch ngay từ bây giờ và vấn đề này giữ một vị trí vô cùng quan trọng, đòi hỏi các dự án đầu tư và

quy hoạch du lịch phải được nghiên cứu, xem xét và có kế hoạch trước khi đưa vào thực hiện.

Định hướng hoạt động phát triển du lịch ở làng Cổ Loa là dựa trên nguồn tài nguyên nhân văn phi vật thể (chủ yếu các lễ hội truyền thống cùng các phong tục tập quán truyền thống) và tài nguyên nhân văn vật thể (hệ thống các di tích lịch sử văn hóa). Do đó, các dự án phát triển kinh tế được triển khai ở đây phải không làm ảnh hưởng và gây ra những tác động xấu đến hệ thống các di tích, lễ hội truyền thống và các phong tục tập quán của làng. Điều quan trọng là qua hoạt động du lịch có thể giúp bảo tồn, tôn tạo, giữ gìn và phát huy các giá trị nhân văn đó. Du lịch có một chức năng quan trọng là giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng, cũng chính là quảng bá hình ảnh của một vùng miền đến với mỗi du khách muốn tìm hiểu và khám phá. Hoạt động du lịch ở làng Cổ Loa có quy hoạch tốt sẽ giúp cho những giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống của làng được người trong nước và du khách quốc tế biết đến. Nhưng bên cạnh đó khi du khách đến với mỗi điểm tham quan cũng rất dễ gây ra những ảnh hưởng xấu, xâm hại đến các di tích nếu không có ý thức. Đây cũng chính là vấn đề đòi hỏi các nhà nghiên cứu, nhà quy hoạch du lịch phải quan tâm khi xây dựng các dự án quy hoạch ở làng Cổ Loa nói riêng và ở các làng cổ truyền Việt Nam nói chung.

Phát triển hoạt động du lịch luôn phải coi trọng vấn đề hài hòa với môi trường tự nhiên và môi trường văn hóa, nên quy hoạch ở làng Cổ Loa không được xáo trộn đến việc giữ gìn môi trường, phải đảm bảo sự phát triển bền vững của du lịch, song song với vấn đề này là việc khôi phục lại các làng nghề truyền thống hiện nay đang dần bị mai một như nghề làm bông, oản, bún... thúc đẩy các hoạt động kinh tế khác cùng phát triển như đẩy mạnh nông nghiệp, thủ công nghiệp của làng Cổ Loa. Hoạt động du lịch ồ ạt, không kế hoạch sẽ gây suy thoái đến nguồn tài nguyên du lịch. Hiện nay, du lịch ở Cổ Loa đang có những bước đi trên cơ sở rút ra những kinh nghiệm của các địa phương khác. Nếu có dự án quy hoạch một cách cụ thể thì du lịch Cổ Loa sẽ tránh được những tiêu cực không đáng có do ảnh hưởng của hoạt động du lịch. Không làm ảnh hưởng

xấu và xáo trộn đến đời sống của người dân, phát triển theo hướng tích cực gắn kết cộng đồng, mọi người chung sức đẩy mạnh kinh tế địa phương và nâng cao thu nhập.

Như vậy, vấn đề cấp thiết trong việc quy hoạch du lịch là phải được xây dựng các dự án, có các giải pháp tôn tạo, nâng cấp và bảo vệ hệ thống các di tích. Có các kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, cũng như làm tốt công tác tuyên truyền, quảng cáo để du lịch từng bước được hình thành và phát triển ở làng Cổ Loa.

3.4.2. Giải pháp tôn tạo và bảo tồn các di tích trong phát triển du lịch làng Cổ Loa

Vấn đề bảo vệ, bảo tồn, tôn tạo để giữ gìn và phát huy các di tích lịch sử văn hóa có vị trí quan trọng và ý nghĩa tích cực trong việc thu hút khách du lịch đến với làng Cổ Loa.

Hệ thống các di tích lịch sử văn hóa của làng Cổ Loa được chính quyền, các ban ngành và người dân ở nơi đây luôn bảo vệ, giữ gìn như những di sản quý giá của quê hương. UBND xã Cổ Loa, các ban ngành có liên quan của huyện Đông Anh đã kết hợp cùng với Trung tâm bảo vệ danh thắng Thành cổ Hà Nội đã tiến hành các hoạt động thiết thực nhằm bảo tồn, tôn tạo các giá trị lịch sử văn hóa của các di tích làng Cổ Loa như: hội nghị về *Bảo tồn, phát huy giá trị khu di tích Cổ Loa là trách nhiệm của mỗi người dân, tuyên truyền cho người dân ý thức và trách nhiệm* bảo vệ hệ thống di tích qua các tờ gấp, tờ rơi phát đến tay từng hộ gia đình trong thôn, *duy trì và tổ chức lễ hội* hàng năm để mọi người dân nhớ đến cội nguồn từ đó có ý thức bảo vệ các di tích của làng..., đã thu hút được nhiều nhà nghiên cứu của Trung ương và địa phương đẩy mạnh triển khai các công tác tôn tạo các di tích đình - đền - chùa, nhà bia, lễ hội truyền thống... của làng Cổ Loa.

Tuy nhiên, việc tôn tạo đòi hỏi phải có phương án, có kế hoạch cụ thể đối với từng di tích để đáp ứng được yêu cầu trước mắt và lâu dài. Trong đó, hạng mục di tích cần trùng tu, tôn tạo là khu di tích đền - đình - am - chùa Cổ Loa

được quan tâm hàng đầu. Khu di tích được diện mạo như ngày nay là nhờ sự đóng góp lớn về sức lực, vật chất và trí tuệ của Đảng Bộ, chính quyền và người dân làng Cổ Loa. Mấy năm trước, quang cảnh Khu di tích còn khá hoang sơ và các công trình xuống cấp. Đến nay cảnh quan cũng khang trang hơn. Nơi đây, vừa mang màu sắc tâm linh vừa là nơi sinh hoạt văn hóa của người dân trong làng. Song vẫn có những công trình đang bị mất dần, đó chính là hào và tường thành Cổ Loa. Nay chỉ còn lại một số đoạn tường thành, trên các đoạn tường thành đã nhiều ngôi nhà được xây dựng. Bên cạnh đó, dân cư sống quanh khu di tích nhiều, cũng là vấn đề cấp bách cần bàn.

Trước tình trạng đó, việc tôn tạo cần được thực hiện theo các phương án, dự án quy hoạch tổng thể, có mốc giới bảo vệ. Lập kế hoạch tu bổ, tôn tạo di tích để đảm bảo về các mặt cảnh quan kiến trúc và giá trị mỹ thuật. Dựa trên cơ sở đó, phân định những công việc phải có tính đồng bộ và có thể khôi phục các công trình kiến trúc một cách tổng thể có quy hoạch. Điều này, đòi hỏi phải có những nhà nghiên cứu chuyên môn để di tích trong quá trình tu bổ không bị biến dạng mà vẫn giữ được nét căn bản của nó. Khuyến khích trồng nhiều cây xanh để có cảnh quan hài hòa với thiên nhiên.

Một việc khá thiết thực mà làng Cổ Loa cần làm là khôi phục văn chỉ - biểu hiện sự tồn tại của nét đẹp truyền thống, sự hiếu học và khoa bảng của làng; tu bổ lại nhà bia, giúp các tấm bia không bị xuống cấp theo thời gian.

Bên cạnh, những giá trị văn hóa vật thể, việc lưu giữ và phục chế lại các giá trị văn hóa phi vật thể cũng cần thực hiện một cách hợp lý. Điểm nổi bật chính là lễ hội, lễ hội không chỉ tổ chức của riêng làng Cổ Loa mà là của Hội bát xã nên hội mở ra rất lớn. Việc duy trì và phát huy được lễ hội này thể hiện tính gắn kết cộng đồng và nhớ cội nguồn của người dân trong vùng.

Như vậy, cần kết hợp song song và hợp lý việc tu bổ và tôn tạo các giá trị nhân văn vật thể và giá trị nhân văn phi vật thể tạo điều kiện để hoạt động du lịch được hình thành, phát triển lâu dài và bền vững.

3.4.3. Giải pháp tuyên truyền, quảng cáo trong phát triển du lịch làng Cổ Loa

Hoạt động du lịch là hoạt động luôn gắn liền với quá trình tuyên truyền, quảng bá và điều này có vị trí quan trọng nhằm đưa những giá trị đặc trưng riêng của từng vùng đến du khách có đam mê và sở thích du lịch. Đối với Cổ Loa, du lịch đang là một hoạt động mới. Du khách đến với Cổ Loa là sự tìm hiểu qua những trang sử về làng, chứ chưa hình thành khái niệm điểm du lịch ở nơi này. Vì vậy, vấn đề quảng bá, tuyên truyền cần được quan tâm đặc biệt.

Để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, chính quyền xã Cổ Loa và Trung tâm quản lý danh thắng thành phố Hà Nội cần phối hợp với Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch đưa các hình ảnh làng Cổ Loa vào các chiến dịch quảng bá du lịch của thành phố tạo điều kiện thu hút sự quan tâm của khách thập phương đối với mảnh đất Cổ Loa này khi đến Hà Nội.

Hoạt động quảng bá có thể thông qua các bài viết trên thông tin đại chúng, báo chí, các ấn phẩm giới thiệu về các di tích. Các giá trị gắn với các di tích, cần có tấm biển chỉ dẫn, cũng như bảng giới thiệu nội dung ngắn gọn về các giá trị văn hóa, lịch sử của từng di tích để giúp du khách hiểu được phần nào về đối tượng tham quan.

Việc đào tạo cán bộ có chuyên môn, nghiệp vụ hướng dẫn tại các điểm di tích rất quan trọng để đẩy mạnh du lịch đạt hiệu quả. Qua hoạt động giúp cho du khách hiểu đúng về di tích, đồng thời mang lại không khí thật sự cho một vùng có hoạt động du lịch. Nguồn lao động chính cho hoạt động du lịch là người dân trong vùng. Vì vậy, việc tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ nhân viên hiểu sâu sắc về những giá trị lịch sử và truyền thống của vùng để từ đó làm tốt được nghiệp vụ hướng dẫn của mình.

3.4.4. Giải pháp xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ du lịch

Đi đôi với công tác quảng bá hình ảnh làng Cổ Loa để mọi người biết đến, cần đẩy mạnh việc xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ du lịch. Đó chính là việc đảm bảo ăn uống, nghỉ ngơi cho du khách đến Cổ Loa.

Để đảm bảo việc ăn nghỉ của du khách, cần xây dựng các nhà hàng với thực đơn phong phú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và xây dựng các nhà nghỉ tiện nghi, kiến trúc hài hòa với thiên nhiên, đem lại cảm giác thoải mái cho du khách.

Ngày nay, cùng với cuộc sống phát triển của con người. Làng Cổ Loa cũng có nhiều khởi sắc. Nhà cao tầng được xây dựng nhiều hơn. Đây cũng là điều kiện thuận lợi giải quyết vấn đề chỗ nghỉ cho du khách nếu biết kết hợp loại hình du lịch Homestay và du lịch tham quan, học tập, nghiên cứu.

- Cần có chỗ để các phương tiện đi lại hợp lý cho du khách tránh gây ách tắc, gây ô nhiễm cho môi trường, nơi sinh hoạt của người dân Cổ Loa.

- Xây dựng các cửa hàng giới thiệu và kinh doanh các mặt hàng đặc trưng của làng và các làng quê trong vùng

- Đảm bảo một cách tốt nhất về điện, nước, các thông tin liên lạc cần thiết cho du khách.

Giải pháp xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật ở xã Cổ Loa phải được thực hiện có quy hoạch hợp lý, mang tính đồng bộ, không gây ảnh hưởng xấu đến các giá trị văn hóa xã hội, môi trường tự nhiên của làng Cổ Loa, có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển về kinh tế của làng.

3.4.5. Giải pháp huy động vốn để phát triển du lịch

Để đưa hoạt động du lịch có thể hình thành và phát triển được ở làng Cổ Loa cần có sự nỗ lực, góp sức của các ban ngành, các cấp có liên quan và dân địa phương. Yếu tố nguồn vốn, kinh phí để thực hiện được những dự án chiếm vị trí thiết thực đặc biệt phục vụ cho các công tác:

- Xây dựng hệ thống cơ sở vật chất phục vụ phát triển du lịch.
- Tu bổ, tôn tạo các di tích của làng Cổ Loa.
- Tuyên truyền, quảng bá hình ảnh của Cổ Loa phát triển du lịch.
- Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ hoạt động du lịch.

Trên tinh thần và phương châm “*Nhà nước và nhân dân cùng làm*”, chính quyền xã Cổ Loa cần đẩy mạnh và mở rộng hình thức huy động vốn:

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước.
- Nguồn vốn từ các doanh nghiệp trong và ngoài địa phương.
- Kinh phí đóng góp của người dân trong vùng, những người con của làng đang làm việc trong và ngoài nước.
- Đóng góp từ tấm lòng của du khách thập phương, qua công đức.
- Nguồn vốn vay từ ngân hàng.

3.5. Tiểu kết chương 3

Hệ thống các di tích lịch sử - văn hóa của làng Cổ Loa là những minh chứng sống về một miền quê có bề dày lịch sử lâu đời, lưu giữ những nét văn hóa mang đậm tính chất bản địa. Và chính điều này, đã và đang là nguồn nội lực, điểm mạnh trong quá trình xây dựng và phát triển làng Cổ Loa hiện nay.

Từ trước đến nay, những giá trị truyền thống của làng chỉ mới dừng lại ở việc nghiên cứu, tìm hiểu về khía cạnh văn hóa, lịch sử mà chưa phát huy những tiềm năng vốn có, tiềm năng về phát triển hoạt động du lịch.

Như vậy, việc khai thác các tiềm năng về giá trị lịch sử và văn hóa của làng vào sự hình thành và phát triển du lịch, đòi hỏi các cấp, chính quyền cũng như các Ban ngành có liên quan ở làng Cổ Loa phải có những hoạt động thiết thực, hợp lý. Ngay từ bây giờ cần phải xây dựng những dự án theo một định hướng quy hoạch, trong đó nhấn mạnh các giải pháp, tôn tạo và bảo tồn các di tích, triển khai các dự án xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật một cách đồng bộ, tổng thể, đẩy mạnh quảng bá hình ảnh cùng những giá trị đặc sắc của làng nhằm thu hút khách đến nghiên cứu, tham quan. Đưa hoạt động du lịch trở thành

ngành kinh tế phát triển ở làng Cổ Loa, sẽ giúp giải quyết việc làm, thúc đẩy ngành kinh tế khác phát triển và nâng cao đời sống của người dân nơi đây, để từ đó họ có ý thức hơn trong việc giữ gìn các di tích. Phát triển hoạt động du lịch sẽ là bước chuyển mình quan trọng của địa phương, đặc biệt trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo xu hướng CNH - HĐH.

Hiểu được tầm quan trọng của việc lưu giữ những giá trị lịch sử - văn hóa trong việc phát triển hoạt động du lịch, các công tác tổ chức, quản lý của các ban ngành có liên quan đối với hoạt động du lịch tại làng Cổ Loa cũng được quan tâm và thực hiện.

KẾT LUẬN

Ngày nay, quá trình mở cửa hội nhập với nền kinh tế thế giới giúp cho đất nước có những khởi sắc trên nhiều lĩnh vực; trong đó, có sự phát triển của hoạt động du lịch; được coi là ngành kinh tế mũi nhọn. Hoạt động du lịch chủ yếu là du lịch văn hóa với các hình thức là tham quan các di tích kết hợp với lễ hội, các làng nghề truyền thống; giúp cho du khách có thêm những hiểu biết nhất định về lịch sử, kiến trúc, văn hóa, tín ngưỡng gắn liền với các giai đoạn phát triển của địa phương nói riêng và của đất nước nói chung.

Làng Cổ Loa thuộc xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội. Xưa kia, Cổ Loa là một vùng đất lịch sử, một trong những nơi tụ cư sớm của người Việt cổ từ trung du tiến xuống khai phá vùng đồng bằng, sau đợt biển lùi cuối cùng cách đây khoảng 4000 năm. Vị thế thuận lợi về địa hình, ở trung tâm đồng bằng, không cách trung du bao xa, có sông bao quanh là cơ sở để Cổ Loa được Thục An Dương Vương làm Kinh đô của nước Âu Lạc mà di tích còn lại đến ngày nay là hệ thống thành lũy với ba vòng thành. Vào thế kỷ X, Cổ Loa lại một lần nữa được Ngô Quyền chọn làm Kinh đô.

Trải qua những biến cố của lịch sử, sau khi mất vị thế kinh đô, Cổ Loa trở thành làng quê bình thường của xứ Kinh Bắc. Như rất nhiều làng quê khác của

vùng đồng bằng Bắc Bộ, Cổ Loa cũng mang đặc điểm cơ sở chính là nông nghiệp, chủ yếu là nông nghiệp chiêm trũng, đồng mùa và đôi gò tạo ra những sản phẩm riêng như các giống lúa (lúa Di, Dé, Ba giăng...), các cây công nghiệp (thầu dầu, chè...) và cây ăn quả (trám đen, mít...). Ngoài nghề nông, làng Cổ Loa còn phát triển các nghề thủ công (nghề làm bống, bún...), không chỉ với các sản phẩm gắn với các yếu tố tự nhiên mà còn gắn tính lịch sử. Sự kết hợp của hai ngành kinh tế nông nghiệp và thủ công nghiệp tạo sự phát triển cho thương nghiệp mà chợ Sa. Cổ Loa tiêu biểu cho tổ hợp kinh tế công - nông - thương nghiệp thời phong kiến.

Cùng với cơ sở kinh tế phát triển, thiết chế xã hội làng xã được hình thành như: giáp, xóm... các thiết chế giữ một vai trò quan trọng thể hiện rõ tính cấu kết, gắn bó và đoàn kết cộng đồng. Trên cơ sở kinh tế xã hội, thiết chế văn hóa cũng hình thành vừa mang nét chung làng Việt, vừa đượm yếu tố lịch sử riêng của Cổ Loa, gắn với thời kỳ dựng nước và giữa nước của thời Thục An Dương Vương: đình ngự triều di quy, đền An Dương Vương, am My Châu, chùa Bảo Sơn, các điểm thờ các vị công thần, miếu thờ ở các cửa thành, điểm thờ ở các thôn (14 điểm thờ ở 11 thôn). Hệ thống các di tích được gắn với lễ thức riêng của làng là lễ hội Cổ Loa được tổ chức ngày mùng 6 tháng Giêng có sự tham gia của Bát xã hộ nhi (tám làng).

Đất nước đang có những bước phát triển mạnh về du lịch. Làng Cổ Loa vừa có vị trí ở trung tâm của thị trấn Đông Anh, vừa có các yếu tố lịch sử - văn hóa - kinh tế (khu di tích, lễ hội truyền thống và các sản phẩm thủ công riêng có của vùng) nên có các lợi thế để phát triển du lịch. Có nhiều đối tượng khách đến đây tham quan; trong đó, không thể thiếu đối tượng học sinh, sinh viên. Điểm du lịch này là nơi không chỉ đơn thuần với mục đích tham quan mà còn thể hiện tính giáo dục truyền thống sâu sắc cho mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là học sinh phổ thông.

Tuy nhiên, hoạt động du lịch tại làng Cổ Loa trong những năm qua chưa được hình thành rõ nét. Số lượng khách du lịch chưa nhiều, cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch chưa được đầu tư hợp lý. Để du lịch trở thành một ngành kinh tế phát

triển mạnh, Cổ Loa cần có sự đầu tư cơ sở hạ tầng như các nhà hàng, nhà nghỉ tạo chỗ ăn, ngủ nghỉ cho du khách; thực hiện công tác tuyên truyền quảng cáo về điểm du lịch của làng. Bên cạnh đó, cần chú trọng đến việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác thuyết minh, hướng dẫn tại Khu di tích. Song song với quá trình CNH - HĐH, phát triển du lịch làng Cổ Loa cần gắn liền với vấn đề bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử - văn hóa truyền thống.

Như vậy, làng Cổ Loa trên cơ sở các đặc điểm, giá trị sẵn có và đặc trưng của vùng sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động du lịch phát triển và trở thành ngành kinh tế quan trọng. Gắn liền với du lịch là thực hiện tốt công tác tôn tạo, tu bổ và phát huy theo quy hoạch hợp lý, xây dựng ý thức bảo vệ cho cộng đồng... Từ đó, công tác phát triển du lịch bền vững sẽ giúp Cổ Loa không những phát triển mà còn giữ gìn được những giá trị truyền thống, nét văn hóa lịch sử mang đậm bản sắc của quê hương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb Khoa học, Hà Nội, 1964.
2. Toan Ánh, *Phong tục thờ cúng tổ tiên trong gia đình Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2007.
3. Nguyễn Quang Ân, *Việt Nam - những thay đổi địa danh và địa giới hành chính (1945 - 2002)*, Nxb Thông tấn, Hà Nội, 2002.
4. Ban chấp hành Đảng bộ xã Cổ Loa, *Báo cáo tổng kết cuối năm về kinh tế - văn hóa - xã hội, 2010*.
5. Ban quản lý Khu di tích Cổ Loa, *Số liệu số lượng khách du lịch tại Cổ Loa*.
6. Phan Kế Bính, *Việt Nam phong tục*, Nxb TP.HCM, 1997.
7. Chu Trinh, *Thiên tình sử Mỹ Châu - Trọng Thủy*, nxb Thanh Hóa, 2010.
8. Phan Đại Doãn, *Làng Việt Nam - một số vấn đề về kinh tế, xã hội và văn hóa*, Nxb KHXH, Hà Nội, 2006.
9. Phan Đại Doãn, *Từ làng đến nước - một cách tiếp cận*, Nxb KHXH, Hà Nội, 2009.
10. Trần Trí Dõi, Trần Thị Hồng Hạnh, Bài viết: *Suy nghĩ về hướng tiếp tục tìm hiểu địa danh Cổ Loa*.
11. Bùi Xuân Đính, Nguyễn Khả Hùng, Nguyễn Văn Quang (đồng chủ biên), *Đông Anh với nghìn năm Thăng Long - Hà Nội*, Nxb Hà Nội, 2010.
12. Bùi Xuân Đính, *Hương ước và quản lý làng xã*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1998.
13. Nguyễn Thị Hạnh: *Tài liệu “Hội Cổ Loa”*.
14. Ngô Vi Liên, *Tên làng xã và dư địa các tỉnh Bắc Kỳ*, Nxb VHNT, Hà Nội, 1999.
15. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên), *Địa chí Cổ Loa*, Nxb Hà Nội, 2010.
16. Nhiều tác giả, *Lịch sử Đảng bộ xã Cổ Loa (1945 - 2005)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.

17. Nhiều tác giả, *Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam*, Nxb Văn hóa - dân tộc, 2003.
18. Dương Kinh Quốc, *Việt Nam - những sự kiện lịch sử (1858 - 1918)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2002.
19. Ủy ban KHXH Việt Nam, *Lịch sử Việt Nam - tập 1*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1971.
20. Trần Đức Thanh, *Nhập môn Khoa học Du lịch*, Nxb ĐHQG, Hà Nội, 1998.
21. Hà Văn Tấn (chủ biên), *Đình Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1998.
22. Hà Văn Tấn (chủ biên), *Chùa Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1993.
23. Lê Ngọc Thắng, Lâm Bá Nam, *Bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1990.
24. Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2000.
25. *Tên làng xã Việt Nam thế kỷ XIX*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1981.
26. Bùi Thiết, *Làng xã ngoại thành Hà Nội*, Nxb Hà Nội, 1985.
27. Nguyễn Doãn Tuân: *Tài liệu “Di tích Cổ Loa”*.
28. Trần Từ, *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1984.
29. Lê Trung Vũ, *Lễ hội cổ truyền*, Nxb Viện văn hóa dân gian, 1992.
30. Trần Quốc Vượng, *Trên mảnh đất Cổ Loa lịch sử*, Nxb Sở VH TT, Hà Nội, 1972.
31. Trần Quốc Vượng, Vũ Tuấn Sán, *Hà Nội nghìn xưa*, Nxb Sở VH TT, Hà Nội, 1975.
32. Trần Quốc Vượng, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997.
33. Trần Quốc Vượng, *Theo dòng lịch sử*, Nxb VH TT, Hà Nội, 1996.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH KHU DI TÍCH LÀNG CỔ LOA



Cổng Tam quan đền Thượng



Đền Thượng



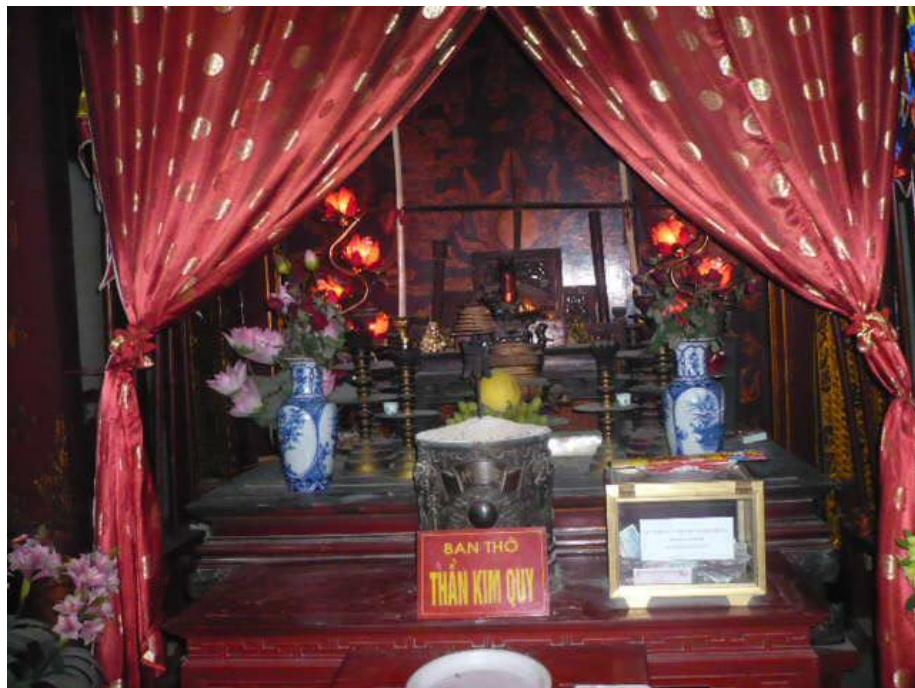
Giếng Ngọc



Am My Châu



Tượng thờ vua An Dương Vương



Ban thờ Thần Kim Quy